



INNER WISDOM

By

Mas Prio Hartono



Trí huệ nội tâm

Nguyên tác **Inner Wisdom** của tiến sĩ **Prio Hartono**

Minh Thần dịch 2004

Phiên bản 2016 - Góc Nhỏ

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Phiên bản 8.2021

Minh Thần

dịch

Trí Huệ Nội Tâm

Nguyên tác

Inner Wisdom

của

Dr. Prio Hartono

 2021

Mục Lục

Một cuộc gặp gỡ không do ý muốn	7
Những lợi ích đầu tiên của latihan	17
Đi vào thế giới tâm linh	24
Ý nghĩa của Subud	32
Người câu cá	39
Sự phát triển của nội tâm con người	47
Một vấn đề sinh tử	55
Một luận án tiến sĩ	61
Định luật sống động của Thượng Đế	70
Tai nạn	80
Chân văn hoá	89
Hoá học tâm linh	98
Con mắt tâm linh	108
Bảy vòng tròn	119
Những linh hồn vĩ đại	134

Một cuộc gặp gỡ không do ý muốn

Bố mẹ vợ tôi có một căn nhà xinh đẹp ở Jakarta với một khu vườn rộng lớn. Khu vườn kéo dài từ một ngõ hẻm trước nhà tới một ngõ khác đằng sau. Trong vườn có nhiều cây mang những trái vùng nhiệt đới, và các hàng rào được những cây kemuning luôn luôn xanh bao che, những cây thường xuyên được xén tỉa. Ngoài việc sản xuất những trái mận đỏ tươi, cây kemuning còn được ưa chuộng vì hương thơm của nó.

Vợ tôi Ruknimati là người con duy nhất của họ, nên bố mẹ của bà muốn chúng tôi ở với họ sau khi chúng tôi lấy nhau.

Chúng tôi lấy nhau ngày mùng 4 tháng 4 năm 1951, và đến tháng 6 năm 1953 chúng tôi đã có hai đứa con: Sri Hartati, một cháu gái, sinh ngày 21 tháng 1 năm 1952, và Laksmonosusilo, một cháu trai, sinh mùng 1 tháng 2 năm 1953.

Bố mẹ vợ tôi rất cưng chiều chúng, và nhận lãnh việc chăm nuôi con cái chúng tôi, kể từ lúc chúng sinh ra.

Đáng lí tôi đã được hạnh phúc vì đã có một cô vợ xinh

đẹp như thế, những đứa con ngoan ngoãn và những cha mẹ vợ sẽ ban tặng bất cứ những gì thuộc quyền thế và tài sản của họ, để chúng tôi được hạnh phúc.

Tuy nhiên, hồi đó tôi buồn phiền và đồng thời u sầu, vì biết chẳng bao lâu mình phải vĩnh viễn giã biệt họ. Tôi bị bệnh lao thật trầm trọng. Các y sĩ không còn mong gì tôi được lành bệnh, và cái chết có thể mang tôi đi bất cứ lúc nào. Phổi của tôi bị lung rất nhiều và khi ho, điều tôi thường xuyên bị, tôi không chỉ ho ra máu mà còn ra cả những mô của lá phổi. Sức khoẻ của tôi rất kém; kém tới nỗi thậm chí tôi không thể cử động đầu và phải được cho ăn uống với một cái ống bằng chất dẻo. Tôi được đưa vào bệnh viện, nhưng vì các y sĩ đã mất hết hi vọng, nên tôi quyết định về nhà sau khi ở đó một vài tuần. Tôi lựa cách chết trong sự yên ổn ở nhà, với sự hiện diện của gia đình.

Một buổi sáng tháng 6 năm 1953, một anh bạn là sinh viên luật đến thăm tôi. Tên anh là Suardi Wikantaatmadja. Suardi là một thanh niên đẹp trai và được nhiều cô gái mê. Ngoài vẻ đẹp trai, anh còn có vẻ duyên dáng đặc biệt có thể dễ dàng khiến cả phái nam lẫn phái nữ thấy hấp dẫn. Anh là hội trưởng của Phong Trào Sinh Viên Indonesia Cấp Tiến, và hồi đó tôi làm việc rất nhiều cho cái tổ chức đó với tư cách là tổng thư kí.

Suardi đến nói với tôi là một người bạn của chúng tôi, Masrul Latif Pane, đã sắp xếp một cuộc hẹn gặp với một vị dukun [thầy chữa bệnh bằng đức tin] Masrul là giảng viên tại đại học của chúng tôi là Đại Học Indonesia ở Jakarta. Anh thường giúp chúng tôi trong việc học hành.

Tôi nói với Sudardi là mình không thấy hứng thú đến gặp một kẻ chữa bệnh bằng đức tin. Sudardi giải thích là cuộc hẹn gặp đó đã được sắp xếp, và họ hiện giờ đang chờ đợi tôi. Tôi bực mình vì người ta đã không hỏi ý kiến mình. Anh Sudardi xin lỗi về điều đó, nhưng lại thôi thúc tôi đến gặp nhân vật đó. Tôi đồng ý đi theo, nhưng chỉ để tỏ lễ độ, chứ không thấy hứng thú về cái lối chữa bệnh bằng đức tin của ông ấy. Thế cho nên, tôi bày tỏ ý định là

sẽ chỉ đến gặp ông một lần thôi. Anh Sudardi nhún vai và giúp tôi bước lên chiếc xe hơi của anh.

Cái ông thầy chữa bệnh bằng đức tin đó không gây một chút ấn tượng nào đối với tôi; trông ông còn quá trẻ để có thể là một người đã đạt đạo. Ông không có râu cằm cũng như râu mép, và không có đến một vết nhăn nào trên mặt. Ông mặc một cái quần sarong và một chiếc áo pajama, cư ngụ trong một căn nhà nhỏ tại Jalan Madura, Jakarta.

Masrul Latif giới thiệu cho tôi ông là Pak Subuh, và bảo tôi giải thích về mục đích cuộc viếng thăm của mình. Điều đó càng khiến tôi bực bội, vì tôi đã không có ý định đến gặp cái ông dukun đó. Tuy nhiên, để tránh làm tổn thương tấm lòng của một người lớn tuổi, tôi nói với ông mục đích cuộc viếng thăm của mình là để cầu xin ông giúp cho tâm trí tôi được an tịnh và lắng yên. Ông nói: 'Xin Thượng Đế Toàn Năng ban phước cho cậu và chữa bệnh cho thân thể và linh hồn cậu.' Tôi tỏ vẻ hoài nghi khi nghe lời cầu nguyện đó của ông, vì tôi nghĩ bệnh tật của thể xác chỉ có thể được y sĩ chữa trị.

Ba người chúng tôi ngồi đó với Pak Subuh mà không trò chuyện. Nóng lòng trở về nhà, tôi cảm thấy thanh thoi khi cuối cùng Sudardi có cử chỉ muốn đi về. Khi sắp ra gần tới cửa, tôi bị một cú sốc, và một lần nữa thấy bực tức khi Pak Subuh nói với tôi: 'Cậu trở lại sáng mai lúc 10 giờ.' Giữa người Java với nhau, việc không được làm phật lòng một người lớn tuổi là một thói tục, cho nên tôi cảm thấy mình không thể từ chối.

Đêm hôm đó tôi không thể ngủ, và thường tự hỏi mình là có nên hay không nên trở lại. Nhưng việc đã không nói với ông mình sẽ không tới là một sự chấp thuận không nói ra lời. Và điều đó có nghĩa là ông sẽ chờ đợi tôi. Thế cho nên, tôi cảm thấy bắt buộc phải giữ lời hứa. Ngày hôm sau, trở lại một cách miễn cưỡng, thái độ của tôi là của một người tôn trọng sự cam kết của mình, một người không nhân tâm làm thất vọng một ông thầy chữa

bệnh bằng đức tin cần bệnh nhân, để được hành nghề.

Tôi đến nhà ông vào lúc được ấn định, và gặp Pak Subuh đang ngồi một mình, chân khoanh, tại cổng nhà. Mời tôi ngồi xuống, ông đi vào phòng khách để dọn dẹp bàn ghế và trải một vài tấm chiếu trên sàn nhà. Rồi ông bảo tôi cởi giày và đi vào bên trong.

'Trông cậu rất yếu,' ông nhận xét, 'Cậu hãy ngồi xuống, dựa lưng và thư giãn'. Rồi ông nói:

'Cậu hãy tôn vinh danh hiệu của Allah và nhắm mắt lại.' Pak Subuh bắt đầu đi đi lại lại trên sàn nhà và ca hát. Tôi không hiểu cái ngôn ngữ đó. Nhưng nghe như tụng kinh. Đột nhiên có một trận động đất. Khi tôi mở mắt ra, trần nhà đang quay vòng vòng, và chung quanh sàn nhà di chuyển. Nó chuyển lên và chợt nhiên lại chuyển xuống. Tôi kinh khiếp. Hình như khi chuyển xuống, cái chiều dài của nó không bao giờ hết. Toàn thể căn nhà lên xuống thành một cái hồ sâu không đáy, trong khi đang quay theo vòng tròn với một tốc độ đáng sợ. Tôi kinh khiếp và nhắm mắt lại. Đột nhiên nó lại bật lên, càng lúc càng cao thật là cao, và lại lồm xuống quay theo và ngược theo chiều kim đồng hồ, nhưng không bao giờ nằm trên bình diện của mặt phẳng. Sự di chuyển đó tiếp tục theo những góc độ không đồng đều. Tôi lo sợ toàn thể căn nhà sẽ sụp đổ, và cảm thấy mình sắp bị chôn vùi. Tôi muốn bỏ chạy, nhưng vì trái đất luôn luôn chuyển động, nên tôi không thể đứng ngay được, còn nói chi tới việc bỏ chạy. Ngoài ra, tôi vẫn còn thấy rất yếu mệt. Trong nỗi tuyệt vọng, cuối cùng tôi chỉ việc phó thác bản thân mình cho định mệnh.

Trong suốt lúc đó tôi bận tâm tới chính mình, và quên đi Pak Subuh. Bây giờ tôi chợt nhiên nghĩ tới ông. Tôi liếc mắt nhìn chung quanh để trông thấy ông. Ngạc nhiên, tôi thấy ông vẫn còn đi đi lại lại trên sàn nhà và ca hát. Làm sao ông có thể giữ được thăng bằng trên một sàn nhà đang di động và quay tròn, tôi nghĩ.

Hình như trận động đất vẫn còn tiếp tục hoài hoài một cách vô tận, và tôi chỉ có cách là quy thuận và nhắm mắt lại. Cuối cùng tôi nghe Pak Subuh nói: 'Chấm dứt!' Tôi thấy thanh thản, trận động đất đã ngưng lại. Căn nhà đã không sụp đổ và tôi vẫn còn sống.

Tôi mở mắt và trông thấy Pak Subuh đi về phía cổng nhà. Xỏ chân trở lại vào giầy, tôi đứng dậy và đi theo ông. Khi nhìn lên đồng hồ, tôi biết được trận động đất đó kéo dài khoảng 35 phút.

Trước khi ra đi, tôi nhận xét: 'Đây là một trận động đất lâu dài nhất tôi chưa từng nhận thấy.' Ông nhìn tôi trong một lúc rồi nói: 'Điều cậu vừa nghiệm được không là một trận động đất, đó là quá trình của sự tách biệt nội ngã khỏi thân thể.' Lời bình luận đó khiến tôi ngạc nhiên, nhưng tôi không nói một lời nào, thậm chí tôi còn không biết ông đang nói tới điều gì. Tôi thấy nhẹ nhõm vì đã giữ đúng lời hứa, bây giờ tôi vui mừng được trở về nhà. Tôi thấy hình như ông là một người mới đến cái thành phố này. Buổi sáng hôm đó tôi là bệnh nhân duy nhất của ông. Ông chắc chắn cần được khuyến khích đôi chút để được tiếp tục thực hành cái lối chữa bệnh bằng đức tin của mình, tôi nghĩ.

Khi tôi đến gần tới cửa, ông kêu gọi tôi lại một lần nữa: 'Cậu trở lại ngày một cùng một lúc như hôm nay.' Ta có thể tưởng tượng được tôi sửng sờ như thế nào; tôi vừa chạy trốn ông - nhưng lại bị đuổi bắt.

Tôi cảm thấy bị ép buộc, và theo những điều mình từng nghĩ trước đây, tôi miễn cưỡng đến gặp Pak Subuh. Ông lặp lại y hệt như trước đây những điều đã làm; ông dọn dẹp những đồ đạc của phòng khách, trải một vài tấm chiếu trên sàn nhà, và bảo tôi bước vào bên trong, sau khi tôi đã cởi giầy. Ông lại bảo tôi nằm thẳng người, lưng dựa trên sàn, tôn vinh danh hiệu của Allah và nhắm mắt lại.

Khi ông bắt đầu ca hát và đi đi lại lại trên sàn, tôi chợt

cảm thấy có hàng ngàn con kiến bò khắp thân. Những con kiến đó nhỏ li ti và thậm chí còn nhỏ hơn rận. Chúng như những ánh sáng nhỏ bé. Khi chúng bò qua thân thể, tôi có một cảm giác ngứa ngáy. Chúng bò qua đôi chân và bàn chân tôi. Điều bức tức nhất là khi chúng bò tới về đùi tôi. Chúng không dừng chân tại đó mà càng lúc càng tiến lên phía trên cho tới khi toàn thân tôi bị những con kiến lấp bao. Tôi lo sợ chúng sẽ vào lỗ mũi, tai và mắt mình. Vì không muốn làm náo động sự tập trung của Pak Subuh, nên tôi quyết định không phải bỏ chúng. Tôi chỉ có cách là quy thuận và chấp nhận tất cả những gì đến với mình. Khi vẫn còn tự hỏi về những tai hại gì chúng gây nên trong những bộ phận bên trong cơ thể mình, tôi chợt nhận thức được có một vài con đã vào óc não mình. Tôi kinh ngạc về việc chúng đã nhanh chóng nhập vào óc não mình, và bắt đầu nhận thấy một cảm giác ngứa ngáy trong đầu. Làm sao mình có thể phải bỏ chúng được, tôi tự hỏi.

Khi Pak Subuh nói: 'Chấm dứt!' tôi đứng bật dậy và bắt đầu phải bỏ khỏi thân thể mình tất cả những con kiến đó. Nhưng tất cả những con đó đã biến mất trước đó. Tôi nhìn khắp nơi, ngay cả dưới chiếu, nhưng không thể tìm thấy một con nào. Tuy nhiên, tôi vẫn còn nhận thấy một vài cảm giác ngứa ngáy trong đầu.

Đi ra tới cổng, tôi nói với Pak Subuh là mình đã bị kiến làm cho khó chịu. 'Đó không là kiến' ông nói 'mà là Ánh Sáng Quyền Năng của Thượng Đế đã thẩm nhập vào thân thể cậu.' Một lần nữa, điều ông giải thích khiến tôi ngạc nhiên và tôi không biết nói gì.

Tôi cáo từ và mong ông sẽ không bảo mình trở lại. Những điều y như trước đây lại xảy ra; khi tôi sắp đến cửa, ông nói: 'Ngày một cậu trở lại cùng một lúc như hôm nay.' Chúa ơi, tôi đã rơi vào vòng kiểm tỏa của ông.

Ngày một là ngày Idul Fitri. Ngày đó tại đất nước chúng tôi, thiên hạ ăn mừng sự kết thúc của trai giới Ramadhan, và thường ăn mặc những bộ đồ mới, đến thăm họ hàng và

thân nhân. Nhưng cái ông thầy chữa bệnh bằng đức tin đó lại muốn làm ăn! Hồi đó việc có một sự quyết định là điều rất khó khăn với mình, vì tôi còn có bốn phận phải đem bà vợ và hai đứa con mình đến thăm cha mẹ tôi, để xin họ tha thứ trong cái ngày lễ linh thiêng đó. Tuy nhiên, tôi giữ đúng lời hứa hẹn của mình, và lại đến gặp Pak Subuh.

Khi đến, tôi thấy bên cạnh ông có hai người đàn bà. Họ đang ngồi trong phòng khách với Pak Subuh ngồi đối diện cánh cửa. Ông trông thấy tôi đến; chào hỏi ông, tôi ngồi xuống một chỗ tại cổng nhà. Năm phút trôi qua. Sau khi tôi chờ đợi thêm năm phút nữa, ông vẫn còn chưa đoái hoài tới tôi. Rồi tôi rất tức giận. Đến đây theo lời yêu cầu của ông là một sự hi sinh lớn lao, và tôi đã lãng phí một ngày Idul Fitri quý báu mà còn hoàn toàn không được ông đoái hoài tới. Nhưng ngay lúc đó Pak Subuh đứng dậy. Ông bảo hai người đàn bà đi vào phòng khách, và lại thực hiện những việc thường làm để dọn chỗ.

Những cách Pak Subuh làm đi làm lại¹ khiến tôi nhận thức được ông có thể đọc được tư tưởng mình. Điều đó khiến tôi bị náo loạn và xen lẫn vào việc mình có thể nghe những điều ông ca hát. Tôi dùng thời giờ để kiểm duyệt bản thân mình vì những ý nghĩ tiêu cực của mình về ông, thấy xấu hổ về việc thiếu lòng biết ơn đối với một người đang cố gắng giúp đỡ mình. Tôi thấy lúng túng không ít, khi nhận thấy ông biết được những điều mình đang nghĩ.

Khi cái buổi đó chấm dứt, ông nói: 'Ngày mai Bapak đi Pamelang. Cái hạt giống bên trong đã được trồng trọt và sẽ tiếp tục nảy nở trong lòng cậu. Cậu có thể tự mình làm những điều y như vậy ở nhà. Năm xuống, nhắm mắt, tôn vinh danh hiệu của Allah và quy thuận.' Tôi cáo từ và trở về nhà.

Tôi không chắc ăn, do tự mình, mình có thể thực hiện những điều ông đã bảo mình làm. Tôi không biết điều đó có thể hay ho gì đối với mình, cho nên tôi đã không

1 Nguyên văn: the way he acted and reacted..Tác giả muốn nói tới những động tác lặp đi lặp lại trong latihan của Bapak.

thử. Nhưng bốn ngày sau cuộc gặp gỡ cuối cùng với Pak Subuh, vào khoảng 4 giờ chiều, tôi chợt cảm thấy như đang làm những điều mà ông bảo mình làm. Tôi nằm thẳng trên lưng trên một chiếc divăng trong phòng làm việc, nhắm mắt lại và thốt lên 'Allahu Akbar!' Đột nhiên tôi cảm thấy một sự rung động mãnh liệt lay chuyển thân thể. Và sự rung động đó càng lúc càng trở nên mãnh liệt hơn... mãnh liệt tới nỗi cuối cùng tôi cảm thấy thân thể mình dâng lên cao, tuy vẫn trong tư thế nằm dựa. Từ phòng làm việc, thân thể tôi nổi bồng về phía phòng ngủ. Đi qua cái cánh cửa nối liền hai căn phòng đó, tôi có thể thấy thân thể mình đụng chạm vào những tấm màn che cửa. Cánh cửa nối phòng ngủ với phòng học được mở, và cánh cửa phía trước cũng mở rộng. Khi cảm thấy sự rung động đang lấy đà để cất cánh, tôi kêu gào: 'Không, đừng đem tôi đi, tôi chưa ăn uống.' Tôi nghĩ mình sẽ đói khát, nếu chuyển đi đó cần một thời gian lâu dài. Sự rung động đáp ứng và chậm chậm hạ tôi xuống sân nhà. Tôi thấy đáng tiếc, vì tò mò về việc điều đó sẽ đem mình tới đâu. Ngay lúc đó, tôi lại được nâng lên. Và một lần nữa, ngay lúc sắp được bắn lên trên, tôi gào thét: 'Không, đừng đem tôi đi.' Tôi lại được hạ xuống. Sau khi nói:

'Không!' lần thứ ba, tôi được chậm chạp chở về phòng làm việc, và nhẹ nhàng được đặt trở lại chiếc divăng.

Mở mắt ra, tôi nhận thức được đó không là một giấc mơ. Mọi vật đều y hệt như trước đây, khi tôi đang nổi bồng: cánh cửa mở, những tấm màn che cửa. Và sự rung động mãnh liệt vẫn còn lay chuyển thân thể tôi. Tim tôi đập mạnh, và tôi có thể trông thấy những huyết quản trên cánh tay trở nên lớn rộng do hệ quả sự tuôn chảy càng lúc càng mãnh liệt và tích cực của máu. Tôi bắt đầu suy nghĩ: điều đó không thể do hệ quả của cái năng lực thôi miên của Pak Subuh. Ông đã không hề biết là tôi đã thử điều đó (tập latihan) trong lúc đặc biệt này, và ông hiện ở cách đây thật xa là Pamelang, nam bộ Sumatra. Trong lúc tôi đang thắc mắc về điều đó, một tiếng nói và một nhận thức bộc phát trong lòng mình: 'Những gì người vừa

nghiệm được trực tiếp đến từ Thượng Đế. Và Pak Subuh là một Người của Thượng Đế.' Tôi đứng dậy và nguyện thề mình sẽ làm bất cứ gì có thể được, để hoạt động cho Thượng Đế.

Hiện nay sau bao năm có kinh nghiệm, tôi có thể giải thích là thông điệp của Thượng Đế không được truyền thông như cách con người truyền thông với nhau: đó là việc bằng ngôn từ của miệng lưỡi. Đúng hơn, thông điệp của Thượng Đế tất yếu đến từ đáy lòng, vì con người quá nhỏ bé để có thể trực diện Thượng Đế là đấng còn to lớn hơn toàn thể vũ trụ. Vì Thượng Đế bao bọc vạn vật, nên có một Tác Nhân của quyền lực của Thượng Đế Toàn Năng trong lòng chúng ta, và do đó cái thông điệp đó có thể trực tiếp đi vào ý thức từ đáy lòng mình, y như việc một bông hoa nở rộ từ bên trong một thân cây. Tất cả những giác quan của chúng ta đều có thể chứng kiến điều đó. Như vậy không còn nghi ngờ gì được.

Tôi xin được nói thêm ở đây là sau khi bước ra khỏi căn nhà của Bapak, sau cuộc thăm viếng lần thứ hai, tôi tình cờ nhìn quay lại và trông thấy Ibu Subuh² đang đứng bên cạnh chông mình. Tôi thoáng nghe bà hỏi: 'Cậu thanh niên gầy ốm và xanh xao đó là ai vậy?' Pak Subuh nói khẽ điều gì đó trong tai bà mà tôi không nghe được. Mười hai năm sau, năm 1965, trước khi đến đại học Indonesia để được bổ nhiệm là Tiến Sĩ Luật và Khoa Học Xã Hội, tôi quỳ trước mặt Ibu để xin bà chúc phúc cho mình. Mắt rơi lệ, bà nói: 'Ồ, Ibu thật vui mừng thấy con đã có thể đạt tới một địa vị cao như vậy trong xã hội. Ibu thực sự đã không ngờ con được như vậy, khi lần đầu tiên trông thấy con. Con còn nhớ hay không những ngày đầu tiên đến thăm Bapak ở Pamelang? Trông con gầy ốm và xanh xao, và khi Ibu hỏi Bapak con là ai, Bapak nói khẽ với Ibu: 'Cậu đó là người mà tôi sắp phái tới khắp thế giới.'

Điều đó có lẽ đã khiến tôi chết vì chấn động, nếu tôi nghe nói như vậy 12 năm trước đây, nhưng cú sốc đó

2 Chú thích của tác giả: bà Sumari Sumohadiwidjojo thường được hội viên Subud gọi là 'Ibu', nghĩa là 'mẹ'.

không quá mạnh bạo khi nó tới trong năm 1965, vì cho tới lúc đó tôi đã được Pak Subuh phái đi thực hiện những sứ mệnh cho Subud ở hải ngoại từ năm 1959. Tuy nhiên, những lời nói đó đã khiến mình cảm động sâu xa tới nỗi tôi đã nhỏ lệ cùng khóc với bà.

Những lợi ích đầu tiên của latihan

Pak Subuh đi Pamelang độ một vài tuần và khi ông trở về, tôi lại được gặp ông không lâu cho lắm, vì ông phải trở về chỗ ở của mình tại Jogjakarta. Hình như ông đã đến Jakarta và chỉ thăm viếng nơi đó không bao lâu. Trong khoảng thời gian đó, tôi tiếp tục làm những điều ông đã bảo mình làm mỗi ngày, những điều sau này tôi được biết đó là 'latihan'. Tôi cũng được cho hay cái phong trào đó được gọi là Hội Tâm Linh Subud. Và Pak Subuh được những đệ tử của mình gọi một cách vẫn tắt là Bapak.

Trước khi vào Subud tôi bị bệnh mất ngủ. Trí óc thường phiêu lưu không đích. Và có lúc tôi đã hoàn toàn không ngủ được trong 6 tháng liên tiếp. Tôi rất yếu mệt về thể xác và tinh thần, và nhiều lúc bị hoàn toàn tê liệt. Sự việc đó thực sự đáng sợ. Tôi không thể cử động được tay, chân và đầu. Và tôi không thể ngay cả kêu gọi và đánh thức bà vợ đang ngủ bên cạnh mình. Đối với tôi cái lợi ích hiển nhiên và đầu tiên là sau khi tập trong một khoảng thời gian, tôi có thể ngủ được và điều đó càng lúc càng trở nên dễ dàng với mình. Bây giờ tôi có thể ngủ ngày và đêm, trên giường, trên ghế, trong một chiếc xe lửa hay xe buýt đang chạy. Giấc ngủ đó thực sự là điều tôi cần để thể xác và tinh thần được hoàn toàn nghỉ ngơi. Tôi rất mang ơn Thượng Đế về điều đó.

Dần dần, tôi lấy lại sức lực và sức khoẻ của mình. Thực ra, nói 'dần dần' là khiêm tốn, vì tôi đã được bình phục

trong vòng 6 tháng, và sau khi được y khoa khám nghiệm một cách ráo riết, tôi được coi có đầy đủ sức khoẻ để thi hành nghĩa vụ quân sự.

Làm sao ta có thể giải thích được điều đó?

Có lẽ điều giải thích sau đây sẽ khiến các bạn có một vài khái niệm về việc quyền lực của Thượng Đế Toàn Năng hoạt động trong lòng tôi như thế nào. Nếu tôi có thể biểu tượng hoá thân thể mình là đất đai hay đồng ruộng, thì quyền năng của Thượng Đế sẽ là người canh tác. Nếu tôi quy thuận và phó thác bản thân mình cho Thượng Đế trong latihan, thì Thượng Đế Toàn Năng sẽ làm tất cả những công việc canh tác trong lòng tôi, như phát quang, cày cấy, cào đất, trồng trọt, tưới nước, nhổ cỏ và tưới phân bón. Điều đòi hỏi nơi tôi chỉ là quan sát việc đó như một kẻ đứng nhìn hay khán giả. Điều đó dễ làm nhất, vì những điều tôi phải làm chỉ là việc không làm gì hết. Điều này nghe có vẻ dễ làm, nhưng là điều khó nhất đối với một con người hiện đại như cá nhân tôi mà trí óc đã bị rối mù và náo loạn. Việc làm này không dễ dàng: khiến cho tâm trí được an tịnh và yên lặng, không cho nó xen vào cái công việc của Thượng Đế trong lòng tôi. Mỗi lần tâm trí xen vào, cái công việc đó bị ngăn chặn. Nhưng cả khi chỉ có 5 phút để hoạt động mà không bị xen vào, quyền năng của Thượng Đế có thể thực hiện được rất nhiều.

Trong quá trình phát quang đất đai, Ánh Sáng Quyền Năng của Thượng Đế thẩm nhập vào thân thể tôi, gột sạch nó khỏi tất cả các loại bệnh tật. Cái Ánh Sáng đó sửa chữa và thay thế mỗi mô đơn độc cần được sửa chữa và thay thế, và loại bỏ những thành phần ngoại lai có hại, hoặc những thứ mà ta không muốn có. Hạt giống của Jiwa, hoặc của Nội Ngã, bị chôn vùi thâm sâu trong lòng mình, khi tôi sinh ra, chỉ cần được Ánh Sáng của Thượng Đế đụng chạm vào, hay được tiếp xúc với cái Ánh Sáng đó, để nảy mầm và lớn lên.

Suốt 6 tháng đầu, bất cứ lúc nào tôi ngủ, tại bất cứ

đâu, trong bất cứ thời giờ nào, tôi luôn luôn nằm mơ hay có những cơn ác mộng. Sau này tôi hiểu được đó là một quá trình thanh lọc hay loại trừ tất cả những ảnh hưởng và ấn tượng tiêu cực trong cõi vô thức. Sau khi điều đó xảy ra, trong 6 tháng liên tiếp, tôi hoàn toàn không nằm mơ nữa. Giấc ngủ của tôi thực sự được yên lành và thâm trầm. Đôi khi tôi mất nhiều thời giờ để thức dậy. Tôi cảm thấy như mình đang nổi lên mặt nước từ dưới đáy đại dương. Sau đó, tôi tỉnh thoảng nằm mơ, và những giấc mơ đó thường là điềm báo trước về những gì sắp xảy ra cho tôi hoặc chung quanh tôi.

Trong khoảng thời gian đó, tôi nghe nói Subud có một cuộc hội nghị ở Jogjakarta. Tôi không đến dự nhưng được cho hay là Bapak đã hỏi thăm mình. Trong những buổi họp đó người ta quyết định trung tâm đầu não của Subud Indonesia tới Jakarta, và chính Bapak cũng chuyển văn phòng của mình tới đó. Hội Nghị yêu cầu Bapak lựa chọn và bổ nhiệm những thành phần mới của Ban Quản Trị Quốc Gia cho Subud Indonesia. Người bổ nhiệm tôi làm tổng thư kí. Điều đó khiến mình kinh ngạc, vì tôi chỉ vào Subud được 6 tháng. Trong cái cương vị mới đó, tôi sẽ làm việc chặt chẽ với Pak Subuh. Tôi rất phấn khởi về Subud và đã dùng phần nhiều thời gian của mình để được gần gũi Bapak, ngày cũng như đêm.

Một sự lợi ích khác của lathan là việc học hành đối tôi trở nên dễ dàng hơn. Có lẽ những điều tôi mô tả về những gì thực sự xảy ra, là không đúng, vì trong mỗi buổi học tôi đều bị nhúc đầu và cuối cùng ngủ gật trên ghế. Nhưng khi tôi thức dậy, một hình ảnh rõ rệt về nội dung cuốn sách tôi đang đọc xuất hiện. Ngoài ra, tôi còn biết được lẽ lỗi suy nghĩ của vị giáo sư đảm trách cái đề tài tôi đang học. Như vậy, đối với tôi việc đậu hết kì thi này tới kì thi khác, là điều dễ dàng. Tôi học tại Trường Luật và Khoa Học Xã Hội tại Đại Học Indonesia ở Jakarta. Trước khi vào Subud, việc học hành đối với tôi rất khó khăn. Tuy tôi đã vượt qua những kì thi của năm thứ nhất, nhưng điều đó là sự phấn đấu gay go và tốn nhiều thời gian. Sau khi bắt đầu tập

latihan của Subud, tôi đã học xong những phần còn lại trong một thời gian kỉ lục, với nỗ lực tối thiểu. Có lẽ đó là điều thích đáng hơn, nếu tôi nói latihan đã khiến cho việc tôi học xong đại học trở nên dễ dàng. Tôi như đã dùng một con đường tắt.

Từ Indonesia 'latihan' thường có nghĩa là học tập. Trong hội Subud, nó có nghĩa là buổi (luyện tập) trong đó chúng tôi tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Thường thường chúng tôi làm điều đó chung với một nhóm người tại phòng tập latihan. Một cái latihan như vậy được gọi là latihan chung, tuy chữ 'chung' thường bị bỏ. Trong một xuất latihan chung, đàn ông tập với đàn ông, đàn bà riêng biệt với đàn bà. Nam và nữ không tập chung với nhau trong latihan. Nhưng ta có thể tập latihan, tức là sự việc tiếp nhận được sự rung động và Ánh Sáng của Thượng Đế, riêng cho mình ở nhà. Những hội viên Subud đã tập latihan lâu đời thông thường cũng có thể tiếp nhận được một latihan tự phát. Sự rung động của Ánh Sáng của Thượng Đế có thể đến với họ không do yêu cầu, bất cứ lúc nào trong ngày và tại bất cứ đâu. Nó có thể đến khi ta đang ngồi, đang đi trên đường, đang coi chiếu bóng, hoặc đang ngủ.

Sau khi được ổn định ở Jakarta, ngoài việc dẫn dắt tập những xuất latihan chung với hội viên, Pak Subud cũng còn có những buổi sinh hoạt với độ nửa chục hội viên. Trong những buổi đó, chúng tôi ngồi chung với Bapak. Người sẽ kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện về những kinh nghiệm của mình, và giải đáp những câu hỏi của hội viên. Thông thường sau nửa đêm, người giảng giải thâm sâu về thế giới tâm linh, và tiết lộ những bí ẩn tâm linh sâu sắc hơn mà mình đã không muốn, hoặc không thể tiết lộ trong một buổi nói chuyện thông thường với hội viên. Khi những kẻ ngồi nghe buồn ngủ, người bắt đầu kể một chuyện vui tươi mát.

Có lần tôi nói với Bapak là mình không thích làm nghề luật sư. Tôi cảm thấy hành nghề liên quan tới luật pháp

không là công việc mình muốn làm. Bapak nói: 'Đúng, con nói đúng.' Hơn nữa, tôi nói công việc thích hợp với mình là dạy học. 'Đúng, con nói đúng' Bapak lại nói. Tôi nói là dạy học ở Cao Học³ cũng không thích hợp với mình, vì không thích dạy học theo một cuốn sách giáo khoa. Một lần nữa, Bapak nói: 'Con nói đúng.' Công việc thích hợp cho tôi là dạy ở đại học, nơi tôi có những ý kiến của chính mình, và giảng dạy theo những luận cứ của chính mình. Bapak lại nói: 'Đúng, con nói đúng. Bây giờ con nên xin một công việc làm giảng viên tại một đại học.' Tôi quả thực đi xin một công việc làm giảng viên, và được cho một việc làm tại Học Viện của Bộ Nội Vụ ở Malang, tây bộ Java. Tôi ngần ngại nhận công việc đó, vì sẽ phải sống xa Bapak. Nhưng người thôi thúc tôi nhận việc và dời tới Malang, giải thích rằng ngoài làm việc cho nhà trường, tôi cũng phải làm việc cho Subud. Rồi người bổ nhiệm tôi làm 'phụ tá'. Một người phụ tá có nhiệm vụ là một nhân tố cho sự truyền thụ cho hội viên mới việc giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế.

Học Viện nói trên là một cơ sở giáo dục để đào tạo những quan chức tương lai và những viên chức quản lí tại các tỉnh. Tôi được phái tới Melang 3 tháng trước khi trường được mở một cách chính thức, để soạn trước những đề tài thuyết trình của mình. Tôi làm việc rất nhiều vì điều đó, ngồi trước bàn với một đồng sách, giấy viết, bút mực và bút chì, nhưng không thể làm gì được. Khi ngày khai giảng càng lúc càng đến gần, tôi càng lúc càng lo lắng. Điều này là một tình trạng hoàn toàn khác biệt với việc là sinh viên, hoặc ngay cả với sự thể làm việc cho một cơ quan của nhà nước, bởi với tư cách là giảng viên, nên tôi phải đứng trước lớp học, đối diện với sinh viên. Thật là khó xử nếu đứng đó mà không thể nói được bất cứ gì. Tôi cố gắng nhiều hơn, có nghĩa là ngồi lâu hơn trước bàn giấy - nhưng cũng chẳng có kết quả gì như trước đây. Tôi không thể đọc những cuốn sách của mình; tôi không thể viết bất cứ gì. Hậu quả là tôi ăn uống không thấy ngon,

3 college: những trường học tuy không là đại học, nhưng có trình độ cao hơn trung học.

trở nên xanh xao và mất kí. Tôi cảm thấy mình là một kẻ bất hạnh nhất trên thế gian. Đối với tôi việc bị nhục nhã như vậy còn tệ hơn là đối diện với tử thần nơi trận mạc.

Thực sự cảm thấy bơ vơ, tôi mong mình có thể quay kim đồng hồ cho chạy ngược lại, nhưng ngay cả điều đó cũng không giúp ích gì cho mình. Cho tới vài giờ phút trước khi mình thuyết trình lần đầu, tôi vẫn chưa thể viết được một câu độc nhất nào. Khi vào lớp học, tôi nhận thấy có bốn luật gia đang ngồi hàng đầu. Họ là những người đã tốt nghiệp tại đại học của tôi, những người làm việc ở tỉnh với tư cách là thẩm phán và luật sư; họ có mặt nơi đây để dự thính những thuyết trình của đồng nghiệp mình. Họ may mắn biết mấy, tôi nghĩ, vì đã không lựa chọn con đường dạy học làm nghề nghiệp.

Tôi bị căng thẳng. Tôi chảy mồ hôi khiến phát lạnh. Bị dồn vào chân tường trong tình cảnh đó, tôi không thể làm gì được ngoài việc phó thác cho định mệnh mình. Tôi nhắm mắt lại và phó thác bản thân mình cho Thượng Đế. Đột nhiên, miệng tôi mở ra và tôi bắt đầu nói. Cử tọa nghĩ tôi đang thuyết trình, trong khi trên thực tế tôi y như một người trong đám họ, đang chăm chú nghe những lời nói thốt ra từ miệng lưỡi mình. Đó là một thuyết trình thật hay về nhân loại. Mọi người đều khâm phục, nhưng tôi là kẻ khâm phục hơn hết. Sau buổi thuyết trình, các đồng nghiệp đến chúc mừng tôi. Tôi mỉm cười mà nghĩ có lẽ họ nên chúc mừng Ai Đó Khác.

Thật là khuây khỏa. Đột nhiên tôi thấy đói. Tôi về nhà để ăn uống. Nhưng ngay cả trước khi ăn xong bữa cơm, cái ý nghĩ này đến với tôi: 'Hôm nay thật là hay, nhưng mình sẽ làm gì cho những buổi thuyết trình kế tiếp?' Tôi không thể ăn uống gì hết, và bắt đầu lo nghĩ trở lại. Tôi phải mất thêm một tuần lễ khổ đốn khác, để soạn trước. Cuộc thuyết trình (kế tiếp) phát khởi y như trước. Đó là sự tiếp tục của buổi thứ nhất.

Tôi thấy tự tin hơn khi bước vào lớp học, để thuyết trình lần thứ ba. Tôi nghĩ mình đã biết được cái thuật thuyết

trình: chỉ việc đứng thẳng trước lớp, mắt nhắm lại và miệng lưỡi tôi sẽ thốt ra lời. Điều này dễ dàng như việc bỏ một đồng tiền vào máy bán thuốc lá. Nhưng sau khi tôi đứng đó và nhắm mắt lại trong 5 phút, chẳng có điều gì xảy ra hết. Máy bán thuốc lá của Thượng Đế có thể đã mắc kẹt? Tôi bắt đầu lo lắng và nhắm mắt lại một lần nữa. Sau thêm 5 phút nữa cũng chẳng có điều gì xảy ra. Trong khi đó, tất cả các sinh viên đang chòng chọc nhìn tôi, sẵn sàng với giấy viết và bút viết trên tay. Điều đó thật đáng sợ. Một lần nữa, tôi đổ mồ hôi khiến phát lạnh. Chúa ơi, tôi nên làm gì đây? Tôi nhắm mắt lại thêm 5 phút nữa, và khi vẫn chẳng có gì xảy ra hết, trong cơn tuyệt vọng tôi đi tới đi lui trong lớp. Đột nhiên, do tình cờ, tôi đụng vào một cục phấn dưới một tấm bảng đen to lớn. Cục phấn rớt xuống sàn. Tôi nhặt nó lên và bắt đầu viết, và viết không ngừng cho tới khi toàn thể tấm bảng đầy chữ. Rồi tôi đi về phía đằng sau lớp và đọc những điều được viết. Đó là một sự phác hoạ về những đề tài mà tôi phải [tiếp nhận] và thuyết trình.

Năm đầu tiên tôi làm giảng viên là một thử thách thường trực về đức tin, tôi thuyết trình mà không soạn bài trước.

Năm thứ nhì tôi được thoải mái hơn, vì nghĩ tối thiểu mình có thể nhớ lại những điều đã tiếp nhận trước đây. Nhưng điều xảy ra là trong ba năm liên tiếp, tôi luôn tiếp nhận được điều gì mới mẻ, mỗi lần đứng trước lớp. Ngoài việc đó ra, thỉnh thoảng triển khai giữa tôi và sinh viên một buổi lí thú về việc đặt câu hỏi và giải đáp những câu đó. Điều đó thú vị vì những giải đáp đến một cách tự nhiên, và đôi khi được thốt ra qua miệng lưỡi của tôi trước khi sinh viên đặt xong câu hỏi. Việc đó thật tức cười và chúng tôi rất lấy làm vui thích. Tôi ngạc nhiên về việc luôn luôn có một câu trả lời sẵn cho tất cả những câu hỏi đó.

Đi vào thế giới tâm linh

Với tư cách là tổng thư kí của Ban quản Trị Quốc Gia, tôi tham dự vào những vấn đề quản trị. Ở đây tôi xin được nhắc tới việc Ban Quản Trị Quốc Gia của Subud Indonesia năm 1954 gồm những thành viên sau đây: Hội trưởng, Achmad; phó hội trưởng, Suleiman Sutawidjaja; tổng thư kí, Prio Hartono; thư kí, Kartono; thủ quỹ, Rana; trợ tá thủ quỹ, Icksan Achmad.

Đó là một đội ngũ tốt đẹp. Tôi thực sự thích làm việc chung với họ. Trong cái thời điểm cuốn sách này được viết, chỉ còn hai thành viên của đội vẫn còn sống - Kartono và tôi.

Khi dời tới Melang, tôi bắt đầu làm công việc phụ tá. Trong Hội Tâm Linh Subud có hai nhiệm vụ tách biệt nhau: những thành viên của ban quản trị có nhiệm vụ chăm lo tới vấn đề quản trị hay vấn đề thế gian; nhiệm vụ của phụ tá là chăm lo tới công việc tâm linh.

Trước khi tôi đến Melang, nhóm phụ tá tại đó bao gồm những người lớn tuổi. Người lớn tuổi nhất là ông Darmosewoyo, hồi đó ông đã hơn 80. Việc tôi đến đó khiến nhóm có sinh khí tươi mát. Vì chỉ có hai buổi thuyết trình mỗi tuần và không phải tốn nhiều thời giờ soạn bài, nên tôi có rất nhiều thời giờ làm việc cho Subud.

Theo truyền thống, người Java thường trọng vọng vị

guru hay minh sư; họ là những người được coi là có tâm hồn cao thượng. Có lẽ do cái truyền thống đó mà người Java hiện đại thường trọng vọng người thầy dạy học. Dịch đúng chữ, 'guru' có nghĩa là 'thầy dạy học.' Với tư cách là giáo sư đại học, tôi được rất trọng nể trong xã hội. Căn bản học vấn của Darmosewpyo chỉ tới tiểu học, lối tiếp cận của ông có xu hướng trở nên giáo điều và bảo thủ. Nhưng ông là một hội viên Subud rất thành tâm. Việc được đào tạo ở đại học thành một luật sư đã dạy cho tôi cách biết được có nhiều quan điểm khác nhau đối với mọi việc. Mỗi đề tài đặc biệt có thể được nhìn theo nhiều khía cạnh khác nhau, do đó tôi có xu hướng có một lối nhìn cởi mở hơn về Subud. Điều đó được hội viên nhiệt liệt chấp nhận, và khi có một cuộc họp địa phương ở tây bộ Java, tôi được bầu làm Hội Trưởng Địa Phương.

Là một thành viên của ban quản trị, đáng lí tôi phải thôi làm nhiệm vụ phụ tá, vì Pak Subuh không muốn hai nhiệm vụ đó được thể hiện trong một người duy nhất. Khi tôi đệ trình vấn đề đó lên cho Bapak, người đề nghị tôi tiếp tục làm công việc phụ tá cùng với việc làm tròn bốn phận của hội trưởng. 'Đây là một ngoại lệ' người giải thích.

Vì có nhiều thời gian rảnh, nên tôi thường xuyên đến thăm hội viên Subud và gia đình họ, và cuối tuần tôi đi đây đó trong vùng để thăm viếng những trung tâm và hội viên cô lập. Lòng phấn khởi của tôi đem vui vẻ và hạnh phúc đến, và mỗi hội viên đều sốt sắng làm việc hay làm điều gì đó cho Subud. Và có khá nhiều trí thức và thật nhiều sinh viên gia nhập Subud.

Khi chúng tôi xuất bản tập san địa phương Aneka Subud [aneka có nghĩa là đa dạng] mỗi hội viên Subud đều đóng tiền mua báo. Nhiều người đã mua thêm, để tặng cho thân nhân và bạn bè mình. Hội viên đóng góp bài vở, giấy viết, giấy nển, và tự nguyện làm công việc đánh máy. Một hội viên là chủ nhân của một tiệm in, đã đóng góp cho việc in màu bìa báo. Tuy những tập san đó bán với giá rất thấp, nhưng tôi đã có thể kiếm lời được, vì mọi việc đều

không tốn kém; chúng tôi còn không mua đến ngay cả tem gửi thư, và báo được những hội viên đi đây đó cầm tay trao cho người khác.

Tôi đặt Subud lên hàng đầu trong cuộc sống của mình, và tất cả những việc khác đều là thứ yếu. Điều này hình như cũng là thái độ của phần đông những hội viên khác. Kết quả là chúng tôi có một địa phương Subud rất năng động. Mọi người đều sốt sắng mong muốn đến dự những buổi họp, đến tập latihan và gặp gỡ những anh chị em của mình. Những người cảm thấy là quá lâu dài những buổi họp hai lần mỗi tuần, thì trong cái khoảng thời gian đó đến thăm những hội viên là bạn bè mình, để chia sẻ với họ những kinh nghiệm của mình. Mãi sau này tôi mới ý thức được bởi tất cả những công việc tâm linh đều được quyền năng của Thượng Đế thực hiện, nên việc làm của một phụ tá phần nhiều chỉ là khiến cho hội viên vui vẻ và phấn khởi đến tập latihan. Một khi họ đã đến, quyền năng của Thượng Đế sẽ chăm sóc họ.

Chúng tôi thân mật với nhau tới nỗi không muốn về nhà sau những xuất latihan; chúng tôi lấy làm thích hơn được ngồi chung chuyện trò về những chứng nghiệm lí thú mình đã tiếp nhận, và vui đùa với nhau cho tới rất khuya.

Vì khoảng cách giữa nhà ở của tôi và chỗ tụ họp để tập latihan không quá xa, nên tôi thường đi bộ về. Tôi đặc biệt thường đi bộ về nhà lúc thật khuya. Melang quả thực là một thành phố đẹp nằm cao trên một núi mặt bàn⁴. Không khí mát mẻ và khô ráo.

Một đêm nọ, trong lúc đang đi bộ về nhà sau xuất tập latihan, tôi chợt cảm thấy sợ hãi. Tôi cảm thấy sự hiện diện của một kẻ nào đó đang đi sau mình, nhưng khi quay đầu nhìn lại thì tôi không thấy ai hết. Tôi tiếp tục đi và vẫn còn cảm thấy có ai đó đang đi theo mình. Đường phố vắng lặng và thiếu bóng người. Tôi rất sợ hãi và bước đi càng lúc càng nhanh hơn, nhưng dù tôi có bước nhanh tới mấy đi nữa, kẻ đó vẫn bám sát mình. Trong cơn tuyệt

4 mesa: đồi có đỉnh bằng và sườn dài

vọng, tôi ù té chạy cho tới khi muốn dứt hơi thở. Tôi chui liền lên giường ngủ ngay sau khi về nhà, nhưng đã phải đánh thức vợ mình dậy khi cần vào phòng tắm. 'Anh làm sao vậy?' bà ấy hỏi. Tôi đáp 'Đừng hỏi gì nhiều; em cứ đi theo anh tới phòng tắm và đợi anh ngoài cửa.' Để chắc chắn là bà ta không bỏ tôi lại một mình, tôi đã không đóng cửa lại. Đột nhiên bà ta kêu thét lên. Tôi chạy về phía bà và trông thấy bà nổi đẫy da gà. 'Cái gì vậy?' bà hỏi, và tôi chỉ có thể nói 'Anh không biết'.

Sự việc ý thức được sự hiện diện của một kẻ nào đó mà không thể trông thấy kẻ nam hay nữ đó, là điều tiếp diễn trong khoảng một tháng, và điều đó làm cho tôi điên loạn.

Thói quen của tôi là ban đêm thức cho tới thật khuya, và tôi thường thích ngủ trên chiếc divăng ngoài hiên trước nhà có cửa sổ kính và cửa ra vào cũng bằng kính. Tôi thích nhìn thấy được thiên nhiên bên ngoài. Khi ban đêm trở nên yên lặng, tôi cảm được sự rung động của latihan. Và chỉ để giết thì giờ, tôi thích nghe âm nhạc từ một máy quay đĩa nhạc.

Cái divăng đặt theo hướng làm cho cái phần đầu của nó hướng về phía cổng nhà. Một buổi sáng nọ vào khoảng 3 giờ, khi sắp nằm xuống, tôi nhìn thấy xuyên qua phần đằng sau của đầu mình một kẻ đang đứng trước cổng nhìn trộm qua cửa sổ. Khi nhìn thật kĩ hơn, tôi trông thấy đó là một người lính Nhật. Điều tôi nhận thấy là một khúc chân của hắn bị cưa từ phần trên của đầu gối. Tôi cũng nhận thấy không có chút gì lộ vẻ sống trên khuôn mặt hắn; trông hắn như một pho tượng đang đi đứng hay một thây ma đội mũ. Tôi bị điều đó làm cho hầu như mải mê tới nỗi không lấy làm lạ như thế nào mình có thể nhìn xuyên qua phần đằng sau đầu của mình. Nhưng khi cuối cùng nhận thức được điều đó kì lạ như thế nào, tôi bắt đầu hiểu được mình đang nhìn qua con mắt tâm linh, và điều mình trông thấy là linh hồn của một người lính Nhật đã chết trong chiến tranh và đã không đủ may mắn nhận được sự dẫn đạo tâm linh trong lúc còn sống. Hình

như qua con mắt tâm linh, tôi có thể rõ rệt nhìn xuyên qua bóng tối. Tất cả chỗ đó đều được chiếu sáng, tuy tất cả các đèn đều tắt và ban đêm đen tối, nhưng tôi lại không thấy sợ!

Một câu hỏi trọng đại là: 'Vị trí của con mắt tâm linh thực sự nằm đằng sau đâu?' Trong những chứng nghiệm trước đây của mình, tôi đã học được sự việc đặt một câu hỏi mình không thể trả lời được là điều vô ích; điều đó sẽ không dẫn tôi tới đâu hết. Ngoài ra, khi đến lúc, tôi sẽ biết được giải đáp. Và tôi thấy buồn ngủ trong sự an lạc. Quả nhiên là vậy, một vài ngày sau tôi nhận được giải đáp.

Hồi đó tôi ở nhà một mình; bà vợ và mấy đứa con tôi đã đi Jakarta để thăm bố mẹ vợ tôi. Chúng tôi có hai người hầu, nhưng họ ngủ trong chỗ dành cho mình.

Vào khoảng 3 giờ, khi đang nhắm mắt nằm trên chiếc divăng, tôi trông thấy nhiều hồn ma đi xuống từ ngọn núi Kawi mà ta có thể trông thấy từ cổng nhà, ngọn núi đó kéo dài trông như một người đẹp đang ngủ. Có hai hồn ma đi vào và ngồi trên ghế. Tôi đứng dậy và tiếp nhận latihan, điều đó đem tôi tới phía những hồn ma ngồi trên ghế. Chúng đi ra ngoài. Rồi tôi cũng đi ra ngoài và đi vòng quanh căn nhà. Tôi tiếp tục nhận được latihan cho tới khi tất cả bọn chúng đi mất. Tôi đi trở vào nhà và ngồi xuống. Do cái nội thức⁵ của mình, tôi nhận thấy con mắt tâm linh là điều gì như một trái banh có kích thước hình tròn, và không như con mắt của thể xác chỉ có thể nhìn thẳng về trước, con mắt tâm linh còn có thể nhìn tất cả chung quanh. Điều đó cho thấy như thế nào tôi có thể trông thấy linh hồn của người lính Nhật, ngay cả khi mình hướng tới phía ngược chiều.

Sau cái chứng nghiệm đó tôi còn trông thấy thêm nhiều hồn ma, nhiều tới nỗi khiến mình không thể nói tới từng hồn một. Nhưng một khi ở một vị thế trông thấy chúng, tôi không còn sợ hãi nữa. Điều đó y như việc trông thấy

5 inner awereness

những kẻ bình thường. Sự khác biệt là chúng không có một thể xác vật chất, chúng bao gồm ánh sáng. Chúng tồn tại trong nhiều hình thể và kích thước khác nhau, lớn và nhỏ. Đứa lớn nhất mà tôi trông thấy là một đứa lớn như một ngọn núi khổng lồ. Sự thông giao giữa chúng không bằng ngôn từ, mà bằng tư tưởng. Chúng có thể đọc được tư tưởng của tôi, và tôi có thể hiểu được tư tưởng của chúng.

Trong khoảng thời gian đó, nội ngã tôi đã đạt tới cái giai đoạn của 'sự đến tuổi'⁶. Trong chương trên, tôi đã giải thích là trong 6 tháng đầu tiên tập latihan, tôi luôn có những giấc mơ và cơn ác mộng trong lúc ngủ. Kể đến là một thời kì ngủ mà không mơ. Sau đó, thỉnh thoảng tôi vẫn còn nằm mơ, nhưng những giấc mơ đó thường là điềm báo trước về những gì sắp xảy ra cho mình và chung quanh mình. Trong giai đoạn kế tiếp, tôi nhận thấy mình có những chứng nghiệm tâm linh đích thực khi ngủ, và đây là một trong những chứng nghiệm đó.

Một đêm nọ trong lúc đang ngủ, tôi trông thấy một người đàn ông mặc đồ y sĩ đang đến gần giường. Ông cho hay mình đến đây để cắt bao quy đầu của tôi. Tôi lấy làm ngạc nhiên, vì điều đó đã được làm rồi. Tuy nhiên, ông đã lạnh lẽo làm điều mình đến đây phải làm. Tôi đau đớn và trông thấy máu đen và dơ chảy nhỏ giọt khỏi bao quy đầu. Đồng thời tôi cũng cảm thấy có những ô uế tâm linh rời khỏi thân thể mình. Cơn đau do điều đó gây nên vẫn còn đó khi tôi thức dậy. Một cách chậm chạp tôi đứng lên và đi về phía phòng tắm, nơi tôi chậm chạp và thận trọng cởi đồ, nghĩ mình sẽ trông thấy máu chảy từng giọt ra khắp nơi. Cơn đau nhức buốt của vết thương bị mở ra vẫn còn đó, nhưng tôi thấy không có máu.

Ngoài cơn đau đó ra, tôi còn trở nên nhạy cảm. Thật là xui xẻo, vì hôm đó là ngày tôi phải đến dự một buổi họp của các giảng viên. Trong một trạng thái như vậy, tôi

⁶ the coming of age: đọc đoạn dưới chúng ta có thể đoán điều tác giả có lẽ muốn nói là sự việc những chứng nghiệm tâm linh trở thành sự thật, không còn là giấc mơ nữa.

không cưỡng lại nổi những tư tưởng rung động của các đồng nghiệp, và trở về nhà với một cơn nhức đầu buốt óc.

Ba tháng sau trong lúc ngủ, tôi trông thấy bản thân mình dự lễ cưới với vợ mình. Trong khi chiêm nghiệm được điều đó, một ý nghĩ đến với tôi: 'Tại sao mình lại dự lễ cưới với người vợ của chính mình?' Hình như đó là một việc dự lễ có tính chất tâm linh. Rồi 3 tháng sau, một lần nữa, tôi có một chứng nghiệm thấy mình kết hôn với vợ mình. Điều đó là trong bối cảnh của một cuộc kết hôn tâm linh sẽ tồn tại qua thế giới bên kia và mãi mãi.

Sự khác biệt giữa một giấc mơ và một chứng nghiệm tâm linh trong lúc ngủ, là việc một chứng nghiệm tâm linh có thể tiếp diễn sau khi tôi thức dậy, như điều dưới đây.

Một buổi sáng sớm nọ, vào khoảng 4 giờ rưỡi, trong lúc tôi đang ngủ, jiwa [nội ngã] của Bapak đến gặp tôi. Người đứng cạnh giường ngủ của tôi và nói với một thái độ có uy tín: 'Bây giờ hãy làm trắc nghiệm: con sẽ ra sao trong tương lai?' Ngay lúc đó, tôi trông thấy bản thân mình là một người bình thường, mặc một chiếc áo sơ-mi cụt tay màu trắng và một chiếc quần cũng màu trắng, đang dần dần biến thành một tu sĩ mặc áo dài, đầu quấn khăn. Tôi hiểu điều đó có nghĩa là gì: tôi phải trở thành một tu sĩ. Tôi biết đời sống của một tu sĩ đối với mình nhằm chán như thế nào. Chợt nhiên, tôi cảm thấy rất buồn. Tôi thức dậy, ngồi trên mép giường và khóc. 'Không đâu Bapak, con không muốn trở thành một tu sĩ. Con muốn trở thành một giáo sư ăn mặc những bộ đồ đẹp và đeo cà-vạt. Con thích âm nhạc và khiêu vũ, được sống một cuộc đời bình thường.' Bapak vẫn còn đứng đó và nói với một thái độ có uy tín y như trước: 'Nội tâm con sẽ trở thành một tu sĩ, cái bề ngoài của con vẫn còn có thể sống một cuộc đời bình thường. Và khi nội tâm con được như vậy, Bapak sẽ phái con đến khắp thế giới.' Tôi không khóc nữa và chấp nhận những lời lẽ đó.

Trong những ngày nghỉ học của nhà trường trong năm 1960, tôi đến Jogjakarta để thực hiện một vài công việc

khảo cứu. Tôi nghiên cứu về cái ý nghĩa có tính biểu tượng của cơ cấu và lối bố trí của lầu đài của Quốc Vương Jogjakarta, về cái ý nghĩa có tính biểu tượng của đền Borobudur, của nhiều đền đài và công trình kỉ niệm trong khu vực đó. Khi trở về nhà, tôi nhận được một điện tín đang chờ đợi mình của Bapak bảo tôi trở về Jakarta để làm việc cho Trung Tâm Tâm Linh Thế Giới của hội Subud.

Tôi biết điều đó đang đến, nhưng bây giờ lại cảm thấy rất buồn. Đối với tôi việc từ biệt những anh chị em của mình, là điều khó khăn, những người đã thân cận với mình, những người sẽ lấy làm buồn thấy tôi ra đi. Tôi cũng thấy khó nhọc từ bỏ cái sự nghiệp là giảng viên của mình, và từ giã tỉnh Malang với những phong cảnh đẹp đẽ, với sự mát mẻ và thoáng khí, với những rau cải tươi, những trái cây và bông hoa. Nhưng là một người lính, tôi phải tuân theo mệnh lệnh của cấp chỉ huy.

Tôi đến thăm Bapak ở Jakarta, và người nói với tôi: 'Ở Malang, giới hạn bốn phần của con là một vài sinh viên. Khi con làm việc cho Hội Quốc Tế của chúng ta, địa bàn của con sẽ là thế giới.'

'Tiền về hưu của con sẽ ra sao, Bapak?' tôi hỏi. 'Nếu tiếp tục làm việc cho nhà nước thêm một vài năm nữa, con có thể nghỉ việc với một số tiền về hưu.'

'Ai có thể bảo đảm cho con khá hơn, Thượng Đế hay con người?' là câu trả lời của Bapak. Tôi gật đầu. Vào lúc thích hợp, tôi xin nghỉ việc và trở về Jakarta.

Ý nghĩa của Subud

Tôi thực hiện cái sứ mệnh Subud đầu tiên của mình ở hải ngoại cùng với ông Wirjohudojo, trong năm 1959. Hồi đó tôi vẫn còn là giảng viên ở Malang, nhưng xin được vắng mặt và không nhận lương.

Chúng tôi đến Singapore, Ấn Độ và Tích Lan, và chuyển đi đó là vào khoảng 3 tháng. Ở Ấn Độ, chúng tôi đến thăm Bombay, New Dehli và Calcutta. Từ Calcutta chúng tôi lấy máy bay trở về Colombo.

Trong lúc ở Ấn Độ, hầu như không lúc nào là tôi không đau ốm. Tôi đoán đó không là một căn bệnh thông thường, mà là một kiểu thanh lọc rất mạnh về tâm linh. Trong khi ở Bombay, tôi buộc phải nằm nghỉ khoảng một tuần. Thể chất tôi chẳng có gì trực trực ngoài việc tôi thường đổ mồ hôi rất nhiều. Trong quá trình đó, tôi thấy yếu mệt và trở nên rất nhạy cảm. Vào lúc cuối cái thời kì đó, trong 3 đêm liên tiếp, tôi có những chứng nghiệm tâm linh rất kì thú.

Điều đó bắt đầu với một sự rung động mãnh liệt. Sự rung động đó mau lẹ đem nội tâm tôi ra khỏi thể xác mình. Trong một tíc tắc đồng hồ, tôi thấy mình bay lên trên trời, nơi nội ngã của mình bành trướng. Tôi có thể trông thấy căn nhà của mình ở Malang, và thấy ông bố bà vợ mình đang tập cho Martono, đứa con nhỏ nhất của mình, đi đứng trên vườn. Điều đó có lẽ là một chứng nghiệm đáng

sợ, nếu xảy ra khi tôi vẫn còn mới mẻ trong Subud. Đó là một chứng nghiệm về việc linh hồn rời bỏ thể xác. Nhưng nhờ hành động quy thuận và phục tòng một cách liên tục trong latihan, tôi sẵn sàng chấp nhận điều đó.

Ban đêm kế tiếp, một điều y như vậy lại xảy ra. Một sự rung động mạnh khởi phát từ ngón chân và lan lẹ chạy qua thân thể tôi, khiến nội ngã tôi thoát ra ngoài xuyên qua đỉnh đầu mình. Lần này, từ 'một chỗ cao trên đó', tôi được chỉ cho thấy mẫu thân mình và những người đàn bà khác, những người là tổ tiên trực hệ của mình.

Ban đêm thứ ba, khi một lần nữa được đem lên trên, tôi được chỉ cho thấy linh hồn của 4 đứa con mình, những đứa sẽ sinh ra.

'Nhờ đặc ân của Thượng Đế Toàn Năng mà chúng ta gọi là latihan, con sẽ nghiệm được cái chết trong khi vẫn còn sống, và cũng nghiệm được sự sống sau cái chết. Sau khi đã nghiệm được sự sống sau cái chết là như thế nào, con sẽ không còn sợ cái chết nữa. Cái chết chỉ như việc mở cửa đi vào một căn phòng khác, hay như việc đi tới một chỗ khác thú vị hơn', Bapak nói.

Ở Calcutta, một căn bệnh y như điều tôi mắc phải ở Bombay lại tái phát, và lần này thì còn tệ hơn. Tôi không những đổ mồ hôi rất nhiều, chất nước còn thường xuyên tiêu hết quanh lỗ rốn và tai của mình. Ngoài ra, tôi còn bắt buộc phải nhiều lần vào phòng tắm. Một cơn nhức đầu đau buốt và một cơn đau dạ dày khốn đốn cộng thêm vào cơn hấp hối của tôi. Khi chúng tôi rời khỏi Ấn Độ, tôi bình phục ngay sau khi máy bay cất cánh, và đến Tích Lan trong một tình trạng tốt đẹp.

Tôi nhận thấy hội viên Tích Lan rất phấn khởi, và trong năm 1959 có vài trăm người. Điều gây ấn tượng với tôi là họ coi thường mọi việc khác, nhưng với Subud thì lại rất chân thành. Họ đem chúng tôi lên lầu hai của một toà nhà hai tầng tại đại lộ Torrington ở Colombo. Khi tôi đi xuống dưới lúc 8 giờ, có rất nhiều người tụ

họp chung quanh, đàn ông cũng như đàn bà. Đến trưa họ vẫn còn đó. Tới 4 giờ chiều vẫn còn có nhiều người. Tôi bắt đầu đâm nghi là họ cũng y như mình, khi mình mới vào Subud, trợn lẩn⁷ và 'tập làm' latihan Subud suốt ngày, bỏ bê và quên lãng những bốn phận thể gian của mình. Tôi lấy làm lo cho họ, cho gia đình họ, và tự hỏi không biết họ có bị đuổi khỏi sở làm hay không, hay việc làm ăn của họ bị phá sản. Tôi đã phải bỏ việc làm của mình một vài tháng sau khi vào Subud và thậm chí ít khi đến dạy học tại đại học. Tôi còn ngay cả không có mặt tại chỗ khi vợ mình sinh con ra. Người ta luôn luôn có thể thấy tôi quanh quẩn nơi nhà ở của Bapak, và cho tới lúc Bapak phái tôi tới Medang, gia đình tôi đã phải đau khổ vì điều đó.

Tôi không trách cứ vợ mình một chút nào, khi một hôm bà thách thức tôi: 'Được, bây giờ anh hãy lựa chọn, anh muốn Subud hay tôi? Nếu lựa Subud, tốt hơn anh li dị tôi.' Trong khi đã không cho bà ấy li dị, tôi cũng đã không rời bỏ Subud. Đúng hơn là tôi mong Thượng Đế Toàn Năng sẽ chăm sóc chúng tôi, và Thượng Đế đã làm điều đó. Tuy điều đó hiệu nghiệm với mình một cách thật tốt đẹp, nhưng tôi mong không một ai khác phải đau khổ y như gia đình tôi. Khi ngày kế tiếp đi xuống dưới một lần nữa, tôi vẫn còn trông thấy họ và chào hỏi họ: 'Ha Lô, không việc làm hả?' Mọi người đều có một câu trả lời. Một người nói mình đã sắp xếp xin vắng mặt, một người khác nói mình sẽ trở lại làm việc, sau khi ăn bữa trưa xong. Một người thứ ba giải thích mình có người khác trông coi công việc cho mình và vân vân. Tôi hơi thấy nhẹ nhõm. Chẳng bao lâu tôi quen biết và yêu mến họ.

Vì có nhiều hội viên Subud, nên chúng tôi rất bận rộn. Ngoài những buổi latihan, trắc nghiệm và nói chuyện, những lúc đặt câu hỏi và giải đáp, những cuộc phỏng vấn riêng tư, thời gian của chúng tôi còn được lấp thật đầy với những việc hẹn gặp nhau đi ăn chiều, đi ăn trưa, ngay cả đi ăn sáng với những người đã không thể mời

7 mingling

chúng tôi đi ăn trưa hoặc chiều. Sau tất cả những nhiệm vụ chính thức và những cuộc hẹn đó, đến đêm khuya, tôi lên đi đến chỗ hẹn gặp uống cà phê và những chỗ sinh hoạt suốt đêm với những người bạn Subud của mình.

Chúng tôi nhâm nhi cà phê trong khi chờ đợi những người còn lại của nhóm đến, và khi mọi người đều sẵn sàng, một đoàn xe chở đầy hội viên sẽ lăn bánh tới đem chúng tôi đi chơi và ăn ngoài trời. Đôi khi đó là một bãi biển, đôi khi ngay cả một khu rừng, nơi chúng tôi có những buổi sinh hoạt suốt đêm ngoài trời. Chúng tôi trở về lúc trời rạng sáng, và đối với tôi cái công việc chính thức của Subud bắt đầu trở lại sau khi ăn sáng xong.

Tôi nhận thấy cái công việc khó khăn nhất với mình là ăn uống. Hội viên đã nấu nướng đủ loại thức ăn, và họ nhìn trộm qua tấm màn che để coi loại thức ăn nào chúng tôi đã dùng. Để không làm cho bất cứ một vị nữ giới nào thất vọng, tôi thử dùng từng loại thức ăn một, và điều đó thật khó nhọc.

Một đêm, tôi lấy làm lạ làm sao mình có thể tiếp tục được như vậy mà không ngủ, hay ngủ rất ít. Tôi có một thuật. Trước khi tôi vào Subud, trí óc mình thường lai vãng đây đó một cách vô đích. Trong trạng thái đó, thân thể, óc não và thần kinh tôi, dưới sự kìm kẹp thường trực của trí óc, cảm thấy sự căng thẳng đó một cách mãnh liệt. Để thoát khỏi cái áp lực khiến bị căng thẳng đó của trí óc, tôi cần giấc ngủ. Nhưng vì hoàn toàn không ngủ được, nên tôi đau ốm.

Trong latihan, do kết quả sự hoạt động của Quyền Năng Thượng Đế trong lòng mình, trí óc tôi dần dần rời lòng sự kìm giữ của nó trên thể xác, óc não và thần kinh; tất cả đều được thư giãn, nghỉ ngơi và cuối cùng được giải thoát khỏi những tác động của cái áp lực mãnh liệt đó của trí tuệ.

Với Ánh Sáng Quyền Năng của Thượng Đế là Nguồn Gốc của nghị lực và sức sống thấm nhập vào tất cả

những góc cạnh của thể xác mình, sức lực và sinh khí của tôi trở lại. Rồi thay vì mệt mỏi và buồn ngủ, tôi bắt đầu nhận được nghị lực mới, được hạnh phúc tuyệt vời và vui sướng. Thực ra, điều đó như đang ngủ - đó là việc để cho trí óc nghỉ ngơi - trong khi lại thức dậy. Đấy, đó là cái thuật thức được nhiều giờ mà không ngủ.

Làm sao tôi có thể nói chuyện và trả lời những câu hỏi, khi trí óc mình ở trong 'một trạng thái ngủ' thực sự, hoặc được khiến cho nghỉ ngơi? Quả thực trông tôi có vẻ đãng trí, và tôi thực sự quên đi nhiều điều. Nhưng những điều tôi quên là những điều không cần thiết để nhớ lại trong lúc đó. Điều đó càng là điều dễ dàng hơn với trí óc, vì nó không phải mang theo cái gánh nặng nhớ tới những điều này nọ. Một trí óc trống rỗng tư tưởng và kí ức sẽ chứa đầy Ánh Sáng của Thượng Đế. Bất cứ lúc nào cần, một sự minh triết hay nguồn cảm hứng có tính tự nhiên sẽ xuất hiện, và như vậy luôn luôn có một giải đáp sẵn cho một câu hỏi, và một nguồn cảm hứng tức khắc cho một buổi nói chuyện. Một trí óc minh mẫn sẽ có đầy tư tưởng và hiểu biết về cách học hỏi, một trí óc được soi sáng là một trí óc trống rỗng nhưng xuất sắc.

Một điều khác mà tôi nghiệm được trong sứ mệnh của mình, là việc nhận thức được Quyền Năng vĩ đại của Thượng Đế hoạt động thông qua mình vì lợi ích của nhiều hội viên Subud, y như trong trường hợp những buổi giảng bài của mình ở Malang, khi những lời nói của tôi đi qua cửa miệng mà không do ý chí. Thiên hạ có lẽ đã nghĩ tôi là một người vĩ đại tới cỡ nào, vì đã có thể tạo nên những rung động mạnh như vậy mà hội viên cảm được trong những lúc được dẫn nhập⁸ đó là những lúc tập latihan, những buổi nói chuyện hay những lúc chúng tôi chỉ yên tĩnh ngồi chung với nhau. Đó không là những rung động của bản thân tôi, mà là những rung động của quyền năng Thượng Đế. Nhiệm vụ của tôi chỉ là một con đường truyền dẫn cho Nguồn Đại Sinh Lực tuôn chảy, và tôi cũng được lợi vì những điều đó như mấy người khác.

⁸ initiation, tác giả dùng chữ này theo nghĩa khai mở hay tập latihan, hoặc giải thích về latihan.

Những kinh nghiệm của tôi trong việc đối phó với những hồn ma ở Malang là những điều rất lợi ích cho tôi trong sứ mệnh của mình, vì điều đó khiến tôi ý thức và được cảnh giác trước những trò bịp bợm của chúng trong việc ảnh hưởng tới trí óc của người khác, trước những nỗ lực của chúng để cản trở việc làm của chúng tôi.

Chúng có thể ảnh hưởng tới trí óc của hội viên khiến họ xa lánh Subud, hoặc thù ghét lẫn nhau và chống đối nhau, hoặc khiến cho một phụ tá trở nên kiêu hãnh và ngạo mạn, và do đó làm hại cái nhiệm vụ chánh đáng là một con đường truyền dẫn cho Quyền Năng của Thượng Đế.

Tới đây tôi mong độc giả của tập sách này ý thức hay nhận thức được rằng trong Subud một người, dù là đàn ông hay đàn bà, chỉ đóng một vai trò thụ động trong sự phụng thờ Thượng Đế. Sự phụng thờ nghiêm được trong latihan là một phụng thờ phát khởi do Thượng Đế Toàn Năng để thờ Thượng Đế. Điều đó đúng là ý nghĩa của Subud: một sự phụng thờ từ Thượng Đế đến Thượng Đế. Chúng ta đến từ Thượng Đế và trở về với Thượng Đế, do đó cái biểu tượng của Subud mang hình một vòng tròn trong đó phần đầu gặp phần cuối, hay cả hai phần cuối đều gặp nhau.

Trong latihan chúng ta tiếp nhận được một chứng nghiệm trong đó mình được Quyền Năng của Thượng Đế làm cho cử động. Ban đầu Quyền Năng của Thượng Đế chỉ đụng chạm vào chúng ta trong một vài giây, nhưng dần dần nó tồn tại nơi chúng ta càng lúc càng lâu hơn. Và khi chúng ta tiến bộ, Quyền Năng của Thượng Đế không chỉ tồn tại nơi chúng ta trong latihan, mà còn tiếp tục (hoạt động) ngay cả khi chúng ta không làm latihan. Điều này có nghĩa là Quyền Năng của Thượng Đế không chỉ thúc đẩy chúng ta phụng thờ Thượng Đế trong latihan, mà còn thúc đẩy hay hướng dẫn chúng ta trong đời sống hàng ngày, trong những việc làm có tính chuyên môn, trong đời sống gia đình của chúng ta, và cuối cùng

nhưng không kém quan trọng là trong sự giao cấu là điều định đoạt về phẩm chất những đứa con của mình. Subud là chữ viết tắt của ba chữ Susila, Budhi và Dharma, những chữ trên thực tế có nghĩa là 'sống theo Ý Thượng Đế'. Và chúng ta chỉ có thể sống theo Ý Thượng Đế, nếu được Thượng Đế thúc đẩy và hướng dẫn trong cuộc sống.

Người câu cá

Năm 1962 tôi được phái đi thực hiện một sứ mệnh thứ nhì kéo dài tới năm 1963. Lần này tôi đi một mình tới thăm những nhóm, những trung tâm và hội viên cô lập ở Singapore, Mã Lai, Tích Lan, Ấn Độ và Pakistan. Tiếp tục cuộc hành trình, tôi đi qua Aden để tới Kenya, miền Bắc Rodhesia, miền Nam Rodhesia, Mozambique và Swaziland. Rồi tôi đi quay trở ngược lại Rodhesia và Kenya, đi ngang qua Ai Cập, trở về Pakistan. Từ đó tôi trở lại Ấn Độ, rồi đến Thái Lan, Việt Nam, Mã Lai và Singapore. Từ Singapore, tôi trở về nhà sau một chuyến đi kéo dài tám tháng.

Ban đầu, đó là một sự thử thách thường trực về đức tin. Hồi đó người Indonesia không được phép có bất cứ ngoại tệ nào; nói cho đúng, nếu ai có thì phải đem đến ngân hàng đổi thành tiền Rupiah. Có một sự khác biệt rất lớn giữa giá chợ đen và giá hối đoái chính thức. Đối với một thường dân như tôi thì hầu như khó có thể mua được ngoại tệ với giá chính thức tại những ngân hàng của nhà nước, và việc mua với giá chợ đen là điều phi pháp. Do sự hạn chế đó, một vé máy bay được Subud Tích Lan gửi đến cho tôi, và tôi lên máy bay đi mà không có một đồng cắc nào trong chương mục của mình. Tuy nhiên, nhờ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng, tôi đã có thể hoàn thành sứ mệnh của mình ở hải ngoại. Vì đã bỏ công việc giảng

viên của mình trong năm 1960, nên tôi đi đây đó như một người làm việc cả ngày cho Subud.

Lần này tôi được chuẩn bị kĩ hơn cho sứ mệnh của mình và không bị đau ốm, ngoại trừ một cơn trục trặc không đáng kể về bao tử, do sự khác biệt của những loại thực phẩm mình phải ăn.

Khi đáp máy bay xuống Singapore, tôi nhẹ nhõm rất nhiều được thấy thiếu tá Openshaw Stayner, hội trưởng của Subud Singapore, đang đợi mình ở phi trường. Anh Openshaw Stayner là một thiếu tá trong quân đội Anh. Tôi cảm thấy vững tâm khi trông thấy anh đứng đó; càng hơn thế nữa vì chính tôi đã không thuê được một chiếc taxi. Cùng có mặt với anh hội trưởng là bà vợ của anh cùng với nhiều hội viên khác.

Tôi được nhóm Johor mời đến thăm. Phần đông là người Hồi giáo, nhưng trong nhóm cũng có những hội viên là người Thiên Chúa giáo và đạo Hindu.

Trong lúc ở Johor, tôi làm quen với một hội viên người Trung Hoa tên là Liu. Liu kể cho tôi nghe một câu chuyện thú vị. Anh nói mình đã là một kẻ vô thần. Một hôm, anh đến nhà một người bạn thăm, nơi có nhiều người đang tụ họp. Anh cảm thấy họ có mặt nơi đây không như lúc thường. Thiên hạ đang yên lặng ngồi chung với nhau; không ai nói chuyện với ai, thậm chí có một vài kẻ đã nhắm mắt lại.

‘Tất cả những cái đó là gì vậy?’ anh hỏi người bạn của mình. ‘Ồ, chúng tôi vừa tập xong latihan và hiện đang yên lặng ngồi thư giãn’ là câu trả lời.

‘Latihan là gì?’ Liu hỏi.

‘Ồ, latihan là một cách phụng thờ Thượng Đế’, người bạn đáp.

‘Tâm bậy! Tôi không tin ở Thượng Đế. Không có cái gì là Thượng Đế. Ta không bao giờ có thể chứng minh có

Thượng Đế, Liu nói một cách khinh khỉnh.

Người bạn nói 'Có thể anh sẽ tự mình chứng minh được điều đó, nếu gia nhập Subud và tập latihan.'

'Tâm bậy! Tôi không tin việc đó.'

'Thế này, là một người Cộng Sản và vô thần, có lẽ anh thấy không hề chi làm một cuộc thí nghiệm, vì theo tôi hiểu thì họ tin ở kết quả của thí nghiệm. Anh nên thử tập cái latihan này trong ba tháng. Nếu không nhận được bất cứ bằng chứng nào trong vòng ba tháng, anh có thể bỏ' người bạn nói với anh.

Liu đồng ý và được khai mở, hay được 'dẫn nhập'. Trong lúc được khai mở trong tư thế đứng, Liu ngã té xuống, lăn lộn trên sàn nhà và khóc lóc.

Sau latihan người bạn hỏi: 'Thế nào, anh nghĩ gì về điều đó, Liu?'

'Thật là một điều lạ, nhưng đó không là bằng chứng về việc có Thượng Đế.'

'Đừng lo, anh vẫn còn ba tháng để rời khỏi Subud' người bạn nhắc anh nhớ lại.

Ngày kế tiếp, Liu bị một tai nạn xe hơi rất tệ hại. Chiếc xe của anh bị ép nát giữa một chiếc cam nhông lớn và một chiếc xe buýt. Anh cho tôi coi một tấm hình của chiếc xe bị tan tành. Ta khó tưởng tượng được có bất cứ ai có thể thoát nạn mà còn sống sót, nhưng Liu đã bần ra khỏi xe và thoát nạn mà không bị một vết bầm.

'Anh vẫn không tin ở Thượng Đế, Liu?' người bạn hỏi.

'Không có chút gì dính dáng tới Thượng Đế. Tôi chỉ bần ra khỏi xe do sự va chạm khi đụng nhau.' Liu chống cãi. Người bạn không biện luận gì thêm.

Một vài ngày sau, Liu trở lại và cho hay có một kẻ tìm

cách ám sát mình. Khi đi đến một khu phố tối om gần góc của một cao ốc, với một cử động do phản xạ, anh chợt quay mình lại và trông thấy một kẻ đang dơ tay lên sắp đâm mình với một con dao. Nhưng chợt nhiên bàn tay của kẻ sắp biến thành sắt nhân run rẩy, và con dao rớt xuống đất. Kẻ đó nói với Liu cho hay là mình đã bám sát theo anh cách đây ba tuần, đợi chờ cơ hội giết anh, nhưng hẳn nhận thấy không thể làm điều đó. Hẳn cho biết là mình đã được kẻ thù của Liu giao cho nhiệm vụ giết anh với một số tiền thù lao. Hẳn xin Liu tha thứ cho mình và xin anh đừng nói điều đó với cảnh sát.

‘Bây giờ anh có tin ở Thượng Đế không, Liu?’ người bạn hỏi.

‘Không. Tôi vẫn chưa tin Thượng Đế,’ anh nói. Nhưng giọng nói của anh không còn khiến người ta tin điều anh nói.

Lần tới khi đến, anh lại có một câu chuyện kì lạ khác để kể. Anh đi với người đốc công của mình tới một khu rừng, để điều tra về một vụ có thể có một mỏ thiếc. Vì chỉ có một đường đi bộ nhỏ, nên họ không thể đi cạnh nhau. Anh đi trước, người đốc công đi theo mình đằng sau. Tới giữa khu rừng, anh chợt quay mặt lại và kinh ngạc trông thấy người đốc công của mình đang lúc lắc vì bị vòi của một con voi quấn vào. Con voi sắp đạp nát hẳn xuống mặt đất. Cảm thấy như mình đang tập latihan, Liu chòng chọc nhìn vào cặp mắt của con voi, và con thú vật đó chậm chậm đặt người đốc công trên mặt đất, rồi đi chỗ khác. Sau này, người đốc công nói với Liu đó là một con voi đã bị mình bắn trước đây và chỉ khiến nó bị thương.

‘Bây giờ anh có tin ở Thượng Đế không?’ người bạn hỏi.

‘Tốt hơn là tin. Tôi đã bị ba tai nạn trong vòng một tuần, và qua mỗi vụ đó, tôi cảm thấy những rung động của latihan. Tôi không cần bị một tai nạn khác nữa để tin ở Thượng Đế’ anh nói.

Vợ chồng Openshaw Stayners chở tôi từ Singapore đi qua biên giới để đến thăm những nhóm ở Mã Lai, và chúng tôi đi tới tận những chỗ như Kota Bahru, ở Kelantan, cái quốc gia ở phía cực bắc của Mã Lai.

Vợ chồng Vittachi sống hồi đó ở Kuala Lumpur là một điều thật hay. Noryambi và Varindra Vittachi là một cặp đã đem Subud đến Tích Lan. Họ được sự dẫn đạo của Bapak ở Anh trong chuyến đi đầu tiên của người đến Tây Phương. Tôi ở chung với họ trong cuộc viếng thăm của mình tại đó, và những xuất latihan cũng được tập tại những căn nhà rộng lớn của họ.

Từ Mã Lai tôi đến Tích Lan. Có một sự việc trong lúc mình ở đó mà tôi muốn kể lại nơi đây. Một hôm, tôi được một vài hội viên dẫn đi chơi ngoài trời tới Vịnh Triconmali. Đó là một vịnh thiên nhiên thật đẹp. Chúng tôi lái xe lên một ngọn đồi, và từ đó nhìn thấy một hang động xuyên qua đó ta có thể trông thấy đại dương ở phía dưới.

‘Cái này là gì vậy?’ tôi hỏi những huynh đệ của mình.

‘Ồ, nó được gọi là Hang Động của Đồi Tình Nhân: ngày xưa có một cặp trai gái yêu nhau rất thắm thiết, nhưng họ đã rất thất vọng vì cha mẹ mình không chịu cho mình lấy nhau. Trong nỗi tuyệt vọng, họ quyết định tự tử bằng cách nhảy xuống đại dương xuyên qua hang động. Điều được quyết định là người con gái nhảy trước, kế đến là người con trai. Người con gái nhảy xuống và kinh hãi kêu gào trong lúc rớt xuống. Nghe thấy những tiếng kêu gào đó, người con trai bị dao động, thay đổi ý định và trở về nhà.

Đêm kế tiếp, trong lúc đang nằm xuống để nghỉ ngơi, tôi trông thấy một cảnh tượng của Vịnh Triconmali. Tôi cũng trông thấy linh hồn người con gái trong hành động tự tử của cô. Cô nhảy xuyên qua hang động, gào thét, rơi tồm xuống đại dương và bị chết đuối. Nhưng liền sau đó linh hồn cô lại trở lên đỉnh đồi, cô lặp lại việc làm y như trước đây, và đã liên tục làm như vậy kể từ lúc chết.

Điều đó hình như là một hậu quả có thể xảy ra do một vài vụ tự tử. Tôi mong điều đó sẽ như điều gì nhắc ta nhớ đó không là cách để chấm dứt nỗi thống khổ của mình, đúng hơn chúng ta nên quay về phía Thượng Đế để cầu xin sự giúp đỡ của Ngài.

Ở Ấn Độ, tôi đi đây đó khá nhiều. Tôi đến thăm Calcutta, Jamshedpur, New Dehli, Bombay, Bulsar, Baroda và Madras. Bulsar là một thành phố nhỏ ở Gujarat. Tôi ở nhà của chị Manek Kotwal, một phụ tá nữ rất thành tín. Người bạn và hàng xóm của chị, chị Triti, kể cho tôi nghe câu chuyện về việc mình vào Subud như thế nào. Chị nói là Manek đã nói với mình về Subud, nhưng chị thấy không hấp dẫn. 'Làm sao một người như tôi theo đạo Hindu, có thể theo đường lối tu tập của một sư phụ vô danh là một người Hồi giáo ở Indonesia; trong lúc thì lại có rất nhiều những vị sư phụ và maharishi⁹ ở ngay Ấn Độ?' chị hỏi. Nhưng một đêm, trong một giấc mơ, chị gặp một vị thánh ăn mặc theo lối Tây phương và thắt cà-vạt. Ông không có râu cằm, râu mép, và tóc ông không dài. Trong giấc mơ của chị, vị thánh đó nói: 'Nếu không gia nhập Subud thì con sẽ không bao giờ đến được cái giai đoạn đặc đạo.'

Chị Triti nói ở Ấn Độ việc đặc đạo là hình thức cao nhất của thành tựu tâm linh. Sáng hôm sau, chị đến gặp Manek và kể cho Manek nghe về giấc mơ của mình, chị hỏi Manek có một cuốn nào về Subud không. Manek đưa cho chị một cuốn sách, và khi mở nó ra, chị trông thấy một tấm hình của Pak Subuh. 'Đây là vị thánh tôi trông thấy trong giấc mơ đêm qua', chị kêu to lên vì kinh ngạc; ngay sau đó chị quyết định vào Subud.

Khi tôi ở Bulsar, có hai người hội viên nam và nữ đến từ Baroda. Chúng tôi tập một xuất latihan, và sau đó họ mời tôi đến Baroda. 'Có hai người bạn muốn được khai mở' họ nói. Chị Manek và tôi quyết định đi, và bởi chỉ có hai người được khai mở, nên chúng tôi mua những vé xe khứ hồi, có ý định trở về ngày kế tiếp. Đêm hôm đó, 9 người thông thái của đạo Hindu.

khi đang nằm trên giường, tôi trông thấy cảnh tượng của một vịnh biển. Giữa vịnh có hai người đang tung lưới bắt cá. Khi nhìn kĩ hơn, tôi trông thấy họ đang bắt cá giữa biển mà không dùng một chiếc thuyền nào, và họ có thể đi trên mặt nước. Rồi tôi nhận thức được họ không là những người thường, mà đúng hơn bao gồm ánh sáng. Trong khi đang lấy làm lạ về điều đó, tôi được cho hay họ là những thiên thần đang câu bắt linh hồn.

Cái cảnh tượng đó kéo dài khá lâu, và tôi lấy làm thích thú được nhìn thấy nó. Khi nó biến mất, tôi nhớ tới vị trí của Baroda trên một bản đồ mà mình đã nghiên cứu. Từ Bulsar, cái vị trí đó ở cùng một hướng với cái vịnh mà mình đã trông thấy trong mộng ảo.

Khi đi về phía căn nhà của một hội viên thuộc nhóm Bulsar, tôi trông thấy nhiều người cùng đang đi tới phía đó. Khi đến căn nhà của người anh em mình, tôi được dẫn lên một căn phòng trên lầu. Trong khi đang rửa mặt ở phòng tắm, tôi nghe thấy những âm thanh của nhiều người đang đi đứng đây đó dưới nhà, và tôi thắc mắc không biết họ là ai. Khi đi xuống dưới sau đó, tôi nhận thấy phòng khách đầy nhóc người. Phần đông đang ngồi khoanh chân trên sàn nhà, nhưng một vài người đã phải đứng vì không có đủ chỗ ngồi cho mọi người. Tôi hỏi khế chủ nhà: 'Họ là ai vậy?'

'Tôi không biết' là câu trả lời.

'Anh nói chỉ có hai người muốn được khai mở?'

'Đúng, điều đó là vậy.'

'Anh có mời họ đến?'

'Không.'

Rồi tôi hiểu đó là việc làm của những 'người câu cá' trong cái cảnh tượng trông thấy đêm qua. Với những người đến tụ họp, tôi có một buổi nói chuyện về Subud, và lúc chấm dứt tôi hỏi:

‘Có ai nơi đây muốn nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế?’ Mọi người đều giơ tay lên, và chẳng bao lâu chị Manek phải bận rộn với việc khai mở phái nữ, còn tôi thì với phái nam.

Tới lúc khuya trong đêm đó, chị Manek hỏi tôi: ‘Prio, những vé khứ hồi thì tính sao đây?’ Tôi nói: ‘Tốt hơn nên để cho dịp khác những vé mua dành chỗ trước. Chúng ta không thể bỏ đi, sau khi đã chỉ khai mở cho những người đó.’ Cuối cùng chúng tôi ở lâu hơn dự định, và khai mở cho được hơn 40 người.

Sự kiện đó khiến tôi nhớ lại cách mình vào Subud. Cách đó không khác với cách của họ - một con cá bị bắt trong lưới của ‘người câu cá.’

Chị Triti có một chiếc xe kéo bò thật lạ lùng. Chị chở chúng tôi đi thưởng ngoạn cảnh mặt trời lặn trên vịnh. Nhìn chăm chăm Ấn Độ dương lúc mặt trời lặn khiến tôi cảm thấy mình nhỏ bé như thế nào với tư cách là một con người. Đằng xa phía bên kia đại dương, vợ con tôi đang đợi mình trở về. Tôi rất nhớ tới họ, nhưng phải tiếp tục (làm công việc của mình)

Sự phát triển của nội tâm con người

Trong lúc tôi ở Tây Pakistan, anh Bill Smith, một người làm việc cho công ty B.O.A.C cho tôi ở nhà của anh ở Karachi, và giáo sư Halepota cho tôi ở nhà của ông ở Hyderabad.

Ở Karachi, tôi được Trường Adamjee mới đến nói chuyện về Subud, và có khoảng hơn chục vị giảng viên xin được khai mở.

Tiến Sĩ Halepota là chủ nhiệm Khoa Tôn Giáo So Sánh tại đại học Hyderabad; bà vợ của ông là một giảng viên tại Trường Cao Học Nữ tại địa phương. Tiến Sĩ Halepota và bà vợ của ông mời bạn bè họ, tất cả đều là trí thức, đến gặp tôi tại tư gia của họ. Giáo Sư Halepota sắp xếp cho tôi nói chuyện tại Rotary Club¹⁰

Những gia đình Subud khác thì mời tôi đến dùng cơm hay uống trà. Tôi nhận thấy phái nữ thường dọn đồ ăn lên bàn, hoặc không đến ngồi với mình. Mọi việc đều được làm do những người ở là phái nam hay những đứa con trai trong nhà. Phái nữ phải đứng đằng sau một tấm màn, và khi đi ra ngoài nhà, họ che lấp mình từ đầu cho tới chân. Khuôn mặt họ bị một chiếc purdah che lấp và có hai lỗ nhỏ xuyên qua đó họ có thể nhìn được.

Một buổi sáng, Tiến Sĩ Halepota đi làm về sớm và nói rằng tôi được mời nói chuyện về sự phát triển nội tâm của con người với những nghiên cứu sinh và giáo sư tại trường Cao Học Nữ.

‘Khi nào?’ tôi hỏi.

‘Trưa nay.’

Tôi cầu xin nội tâm mình hướng dẫn và được cho hay là mình nên đi.

Khi giáo sư Halepota và tôi đến Trường Cao Học Nữ, tôi nhận thấy quanh đó có những bức tường cao và cổng ra vào được nhân viên an ninh canh giữ. Hình như phái nữ được quyền tháo chiếc purdah ra trong phạm vi của những bức tường cao này, và lần đầu tiên kể từ lúc đến Pakistan, tôi thấy được khuôn mặt của phụ nữ Pakistan. Vẻ mặt của họ lộ sự thân mật nhưng tò mò. Chúng tôi được dẫn đến một căn phòng rộng lớn, nơi có hàng trăm phụ nữ đang chờ đợi. Sau sự giới thiệu ngắn ngủi của vị chủ nhiệm khoa, tôi được mời lên diễn đàn, và tôi nói với họ về sự phát triển nội tâm của con người. Buổi nói chuyện có vẻ như đã gợi cảm hứng cho các vị giáo sư, vì ngay trưa hôm đó họ đến gặp tôi tại tư gia của tiến sĩ Halepota. Tôi không bao giờ biết được các sinh viên đã có những ý kiến gì, vì không bao giờ được gặp họ một lần nữa.

Sau khi có thêm một vài câu hỏi, tất cả các vị giáo sư đều xin được khai mở. Đêm đó là một vấn đề, vì chúng tôi không có phụ tá nữ. Bà Halepota đã được bà vợ của Bapak là Ibu khai mở tại phi trường Karachi, và đó là lúc duy nhất bà đã có latihan. Một lần nữa, tôi xin được nội tâm mình hướng dẫn.

Tôi yêu cầu vợ chồng Halepota chuẩn bị hai căn phòng gần nhau để tập latihan, rồi tôi yêu cầu phái nữ đi vào một trong những căn phòng đó.

Tôi giải thích về những điều họ nên làm để bắt đầu tập latihan, và bảo họ hãy ngưng tập khi tôi gõ ba lần trên cánh cửa. Trước khi tôi đi ra ngoài phòng, một người đàn bà đến phía tôi và cho hay là mình có kính. ‘Theo những giới luật của đạo Hồi’ chị nói ‘một người đàn bà trong

lúc có kính không được phép làm lễ cầu nguyện. Tôi rất mong nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, nhưng mình có thể làm được điều đó khi có kính?’

Tôi lấy làm tiếc cho chị nhưng không muốn xúc phạm tới bất cứ một giới luật nào, cho nên tôi bảo chị yên tĩnh ngồi ngoài phòng. Tiến sĩ Halepota và tôi vào tập latihan trong căn phòng khác. Cái latihan đó rất mạnh, và trong khi nó đang tiến triển tôi nghe thấy đủ loại tiếng động và âm thanh, nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên là tiếng động lớn nhất đến từ ngoài phòng. Khi tôi đi ra ngoài sau latihan, người đàn bà tại hành lang đến phía tôi và nói: ‘Tôi đã nhận được sự giao tiếp! Tôi đã nhận được sự giao tiếp!’ Và chị vẫn còn nhận được sự giao tiếp, khi latihan đã tập xong.

Quả thực ta phải tuân theo nhiều luật lệ và điều lệ, nhưng Thượng Đế biết được những gì Thượng Đế đang làm. Vì bao bọc vạn vật, nên quyền năng của Thượng Đế có khắp nơi: ở những cảnh giới cao và thấp nhất, trong những chỗ trong sạch và dơ bẩn nhất. Chỉ có chúng ta là phân biệt điều này điều nọ.

Tôi ở nhà anh Nat Koffsky tại Nairobi, ở nhà anh Philipp Legg tại Salisbury, ở nhà một anh độc thân tên là Sidney Legg tại Bulawayo. Họ là những người tiên phong cho sự bành trướng của Subud ở Phi Châu. Chính quyền Nam Phi không thị thực cho tôi được nhập cảnh, nên điều được sắp xếp là cuộc họp mặt với các hội viên Nam Phi được tổ chức tại Swaziland, lúc đó vẫn còn là một thuộc địa của Anh.

Từ Bulawayo tôi lấy máy bay đến Lourenco Marques ở Mozambique, nơi tôi gặp anh Richard Lacey, và cùng nhau chúng tôi đi xe hơi tới Swaziland. Anh Richard và vợ anh là chị Patricia sống tại Johannesburg, họ là cặp Subud đầu tiên đem Subud tới đó. Chuyển đi đó bằng xe hơi thật thú vị, khi chúng tôi đi trên những con đường trải sỏi, xuyên qua khu rừng có hàng ngàn những con thú trong khu cấm săn bắn chạy tán loạn về phía trước,

khi chiếc xe của chúng tôi phóng tới. Tuy nhiên, chúng tôi không gặp được một người nào trên đường đi. Swaziland có một dân số chỉ độ mười ngàn người. Hội viên Nam Phi đã sắp xếp cuộc gặp mặt của chúng tôi tại một ngôi trường truyền giáo trống rỗng vì kì nghỉ hè. Vị trí của nó nằm giữa một nông trại trồng dứa, và nó được đặt tên là Mục Vụ Truyền Giáo Usutu. Chúng tôi nhận thấy đó là một nơi chốn thô sơ. Trong căn phòng của ông hiệu trưởng chỉ có một chiếc divăng; những hội viên đến đó phải ngủ trên sàn nhà, và một vài người ngủ trong xe hơi mình. Chúng tôi vui đùa về việc những hội viên Subud da trắng phải ngủ dưới đất, trong khi tôi là một kẻ không đủ tư cách được thực thị cho nhập cảnh, do màu da của mình, thì lại là kẻ duy nhất được ngủ trên một chiếc divăng. Và mọi người vui vẻ một cách tự nhiên.

Tôi nhận thấy cái quyền năng của Thượng Đế phổ biến trong cuộc gặp gỡ kéo dài suốt ba tuần, là điều gì rất mạnh. Thậm chí, các hội viên đã cảm thấy một sự rung động mãnh liệt đung vào mình, khi họ bước vào cổng của cái nông trại chỉ cách trường học không mấy xa. Chúng tôi thấy cái chỗ ở thô sơ của mình không ăn nhằm gì hết, vì nó được sự bù đắp của vẻ đẹp thiên nhiên chung quanh. Điều bất lợi duy nhất là không có chỗ đi cầu có thể xả nước. Đối với tôi đi ra nhà xí bên ngoài như đi vào địa ngục. Liên quan tới việc tắm gội theo điều mình có thể làm được, chúng tôi có thể sau xuất latihan lái xe đi vào một khu rừng cách đó độ một vài miles, để đến một vũng nước nóng thiên nhiên. Không ai trong chúng tôi đã nghĩ tới việc đem theo những bộ đồ tắm trong chuyến đi của mình. Tuy nhiên, với việc phái nữ chọn một chỗ kín đáo và phái nam một chỗ khác, chúng tôi đã có thể tắm gội khiến mình được thoải mái, dưới sự che chở của bóng tối, theo lối của thổ dân.

Swaziland hồi đó do một ông vua tối cao cai trị, một người có hơn 40 bà vợ. Không như ở Tây phương, nơi một thân hình mảnh mai được coi là đẹp, ở đây một thân hình mập mạp lại được coi là đẹp. Do đó, cái viễn tượng

về sắc đẹp của phụ nữ là sự mập mạp, và đối với đàn ông, có nhiều người vợ mập là điều cho thấy cái địa vị cao của mình trong xã hội.

Tôi được dịp dự một buổi lễ cầu đảo mưa, điều được vương tộc tổ chức. Tôi trông thấy vào khoảng 160 phụ nữ biểu diễn lối múa chậm chạp của họ, theo nhịp điệu và nghi lễ. Thân thể họ chỉ có những mảnh quần áo nhỏ bé che lấp. Ông vua tối cao có mặt tại đó, và tôi được cho hay những người đàn bà kia là những bà vợ cùng với những cô con gái của ông.

Sau vụ nhảy múa đó, điều này kéo dài khá lâu, một nhóm đàn ông bước vào một bãi quây trâu bò, để bắt một con trâu đen. Những kẻ đuổi bắt trâu cùng với những thổ dân tụ tập quanh bãi quây, la hét một cách man rợ, tiếng hét của họ như tiếng sấm. Cao điểm của buổi lễ đó việc giết chết con trâu, điều họ thực hiện chỉ với bàn tay mình. Khi con trâu chết, cơn mưa thực sự đến. Suốt buổi lễ đó, tôi thấy nhức đầu buốt óc do sự tham dự của những ma quỷ trong lối dùng tà thuật của họ.

Khi tôi về đến Mục Vụ Truyền Giáo Usutu, một bà chị xin tôi cho chị được nói chuyện riêng với tôi. Chị nói trước khi vào Subud, mình đã tập lối khiến cho hồn vía có thể du hành¹¹ Sự phụ của chị là một phụ nữ. Chị kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây: 'Tôi hầu như sắp thành công với lối tập khiến cho hồn vía du hành,' chị nói. 'Một đêm nọ, khi cái vía của tôi sắp rời khỏi thân thể mình, một người đàn ông đến. Ông nắm lấy cái vía của tôi và đặt nó vào thân thể mình. Trong khi làm điều đó, ông nói với tôi là mình không bao giờ được làm như vậy, vì nó rất nguy hiểm. Tôi thực sự kinh hãi và bị chấn động. Tôi nói với sự phụ mình về điều đó, nhưng bà khuyến khích cứ tiếp tục, nói rằng tôi gần thành công. Khi tôi thử lại một lần nữa, người đàn ông đó lại đến. Một lần nữa, ông lại nắm bắt hồn vía tôi, khi nó rời khỏi thân thể mình, và nhắc tôi nhớ rằng mình không nên tập cái lối nguy hiểm đó. Tôi lại đến gặp sự phụ mình, và nói với bà mình muốn bỏ tập, vì tôi thực

11 astral travel

sự thấy sợ. Sư phụ tôi khuyên tôi không nên bỏ cuộc, nhất là khi tôi sắp thành công. Tôi quả thực thử lại một lần nữa, và điều y như vậy lại xảy ra. Khi hồn vía tôi sắp rời khỏi thể xác, người đàn ông đó lại đến và đem hồn vía tôi trở về thể xác. Đối với tôi thì được cảnh giác như vậy là quá đủ rồi, và tôi quyết định không bao giờ thử lại một lần nữa.'

Người đàn bà đó tiếp tục kể chuyện về mình, cho tôi hay một hôm có một người bạn đến từ Nam Phi thăm mình. Khi người bạn của mình sắp ra về, chị trông thấy một cuốn sách nằm trên ghế xe, khiến mình chú ý. Chị mượn cuốn sách đọc, và khi mở nó ra, chị trông thấy tấm hình của một người đàn ông đã ba lần ngăn cản cuộc du hành bằng hồn vía của mình. Tên của người đàn ông đó là Muhammed Subuh, và cuốn sách chị đọc là cuốn *The Path of Subud* (con đường của Subud) do Hussein Rofe viết. Chị quyết định gia nhập Subud và đến Nam Phi để được khai mở.

Sau khi đọc chương này, độc giả có lẽ sẽ hỏi: 'Đâu là sự khác biệt giữa du hành bằng hồn vía và điều ông nghiệm được, khi nội ngã ông rời khỏi thể xác?'

Du hành bằng hồn vía là điều do ý muốn của cái Tôi sai khiến, trong khi điều tôi nghiệm được đến một cách bất ngờ. Điều đó xảy ra ngoài ý chí của tôi. Ngoài ra trong trường hợp của tôi, điều đó xảy ra sau khi nội ngã tôi đã tiếp nhận được Ánh Sáng của Thượng Đế, và bắt đầu đã lớn lên hay phát triển.

Trước khi phát triển, nội ngã tôi nằm chôn trong lòng mình như một hạt giống chưa mọc lên. Nó chứa sự sống bên trong nó, nhưng vẫn còn ngủ. Tôi không cảm hay ý thức được sự hiện hữu của nó. Khi nội ngã bắt đầu tăng trưởng, tôi cảm và nhận thức được sự hiện hữu của hai người bên trong mình: người thứ nhất là cái Tôi tuân theo ý muốn của trí tuệ, người thứ hai là nội ngã chỉ tuân theo ý muốn của Thượng Đế.

Ban đầu khi nội ngã vẫn còn yếu, ý muốn của cái Tôi nằm quyền. Khi nội ngã trở nên mạnh hơn, một cuộc tranh chấp bắt đầu xảy ra giữa cái Tôi tuân theo trí tuệ và nội ngã tuân theo ý muốn của Thượng Đế.

Tôi cho một thí dụ đơn giản về việc điều đó xảy ra như thế nào. Một hôm, cái Tôi tuân theo trí tuệ muốn đến thăm một người bạn là anh Suroto, một cựu sinh viên trường luật. Nhưng nội ngã tôi không muốn đi. Đối với tôi, điều đó được cảm thấy như một bản năng hay trực giác ngăn cản không cho mình đi. Cái Tôi mạnh hơn và tôi tiếp tục đi, nhưng chỉ khiến mình nhận thấy là người bạn của mình không có nhà. Tôi thất vọng và trở về nhà. Tới nhà, tôi được cho hay là Suroto đang kiếm mình và đã đi khỏi nhà cách đây 15 phút.

Cuộc tranh chấp đó, giữa ý muốn của cái Tôi và ý muốn của nội ngã, tiếp diễn trong một lúc lâu. Cuối cùng cái Tôi tự mình nhận thức được đó là điều an toàn hơn và có lợi hơn, nếu nó tuân theo ý muốn của nội ngã, trên thực tế là tuân theo sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Sau khi nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, nội ngã bắt đầu tăng trưởng, và nó tăng trưởng theo từng giai đoạn. Trước hết, từ một tia sáng nhỏ bé, nó tăng trưởng thành một ánh sáng càng lúc càng lớn. Khi bành trướng, nó cũng xô đẩy hay liệng ra ngoài cơ thể tất cả những loại dơ bẩn và bệnh tật. Cơ thể phải được chuẩn bị thành một nơi chốn khoẻ mạnh cho nội ngã tăng trưởng.

Nội ngã tiếp tục tăng trưởng tới giai đoạn là biểu tượng của thảo mộc có thể mang trái và hoa. Khi đạt tới cái giai đoạn là biểu tượng của thú vật, nội ngã bắt đầu triển khai những giác quan tâm linh của mình: đó là con mắt tâm linh, những phương tiện tâm linh của thính giác, khứu giác, xúc giác và cảm giác. Cái giai đoạn tiếp theo là trình độ con người theo đó trí tuệ phát triển, điều gọi là 'ý thức của nội tâm'.¹²

12 inner consciousness

Nếu đó là Ý Thượng Đế, nội ngã của một người nào đó vẫn có thể phát triển tiếp tới giai đoạn thường gọi là trình độ thứ năm của sự phát triển tâm linh. Tới giai đoạn đó, nội ngã một người đàn ông hay đàn bà sẽ có một ánh sáng hay hào quang tạo cho mình cái uy quyền trở thành một vị wali đích thực hay một thánh nhân đích thực. Mắt thường không thể nhận thấy những hào quang đó, nhưng ta sẽ nhận diện được một vị thánh là nam hay nữ qua lễ lối cư xử hay những lời nói uyên thâm của người đó.

Sự tăng trưởng của nội ngã không tương ứng với tuổi tác hay năm tháng. Nó có thể tăng trưởng nhanh hay chậm, tùy thuộc nơi tiềm năng của mình hay Ân Huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Điều cũng có thể xảy ra là nội ngã hoàn toàn không tăng trưởng cho tới lúc chết.

Một vấn đề sinh tử

Từ Swaziland, anh Sidney Legg và tôi trở về Bulawayo. Anh tắm nước nóng trong một lúc lâu và nói: 'Thật là sung sướng được trở về với văn minh.'

Chương trình của tôi thật eo hẹp. Tôi phải lấy máy bay tới Nairobi, và từ đó tới Cairo. Nhưng vì là năm mới, nên chúng tôi quyết định đến coi Thác Victoria. Lái xe suốt đêm, chúng tôi đến đó lúc tảng sáng. Thác đó rất hùng vĩ và người ta cho nó là thác cao nhất thế giới. Chung quanh Thác Victoria có khu vực gọi là 'Rừng Mưa', nó được đặt tên như vậy vì ảnh hưởng của thác nước tạo nên một trận mưa liên tục. Chúng tôi có vẻ hầu như đung vào cầu vòng được, vì nó hạ xuống thấp.

Trong khi ở đó, chúng tôi đi chơi trên thuyền. Dọc theo sông, chúng tôi thích thú ngắm nhìn cá sấu và hà mã. Tuy nhiên, cuộc du ngoạn của chúng tôi thật ngắn ngủi, vì phải trở về nhà ngay trưa hôm đó.

Lần cuối cùng tôi trông thấy những con thú trong khu cấm săn bắn ở Phi Châu, là từ trên máy bay ở Nairobi. Khi máy bay cất cánh, những con hươu cao cổ, hươu nai, ngựa vằn, linh dương đầu bò chạy tán loạn theo sau. Đó là một quang cảnh đáng ghi nhớ.

Ở Cairo, tôi gặp tại phi trường tiến sĩ Maraahof, một người hồi đó là đại sứ Tích Lan. Chúng tôi đã quen biết

mhau, khi ông là đại sứ Tích Lan ở Indonesia. Tiến sĩ Maraahof là một hội viên Subud rất thành tín và là một người quý phái có nhân phẩm nhưng khiêm nhường, gốc người Moore¹³. Câu chuyện tôi kể cho ông nghe về cuộc hội họp ở Swaziland đã ấn tượng với ông, vì đó là một nơi có những người da màu và chủng tộc khác nhau được Ý Thượng Đế kết hợp lại qua Subud.

Một buổi chiều, ông mời nhiều vị đại sứ ở Cairo đến dùng cơm, và yêu cầu tôi nói cho họ nghe về Subud. Trong tất cả những vị đại sứ ngồi nghe cuộc nói chuyện, vị duy nhất đã được thúc đẩy xin khai mở là vị đại sứ của Indonesia, Ngài Sanusi Hardjadinata, ông đã từng là tổng trưởng nội vụ của nước Cộng Hoà Indonesia. Ông mời tôi tới dùng bữa trưa ngày kế tiếp, và xin được khai mở. Ông lập tức nhận được sự giao tiếp, và đã thực sự lấy làm cảm động vì cái kinh nghiệm đó.

Trong lúc tôi thi hành công tác của mình trong cái sứ mệnh đó, người ta đã ưu đãi tôi trong nhiều dịp bằng cách đem mình đến chơi trong một chốc lát những chỗ đáng đến. Trong khi ở Cairo, tôi được cái cơ hội này: đến coi Kim Tự Tháp, nơi tôi cảm giác được cuộc sống của quá khứ.

Tôi lấy máy bay từ Cairo về Karachi, nơi tôi tiếp tục đến Thái Lan. Tại Bangkok, tôi ở chung với vợ chồng Vogel. Anh Hasan Vogel là một người dân Thụy Sĩ, trong khi bà vợ của anh, chị Istafiah, là một người Thái Lan.

Phần đông hội viên khai mở ở Thái Lan là người ngoại quốc làm việc tại đó, hoặc đến Thái Lan chơi trong một khoảng thời gian ngắn. Sau khi ở đó trong một lúc, họ sẽ rời khỏi Thái Lan để đến những nơi chốn khác, và nhóm Bangkok thu nhỏ lại thành một vài hội viên.

Từ Bangkok tôi đến Sài Gòn. Việt Nam đã có đông hội viên khi tôi đến. Sau khi tôi đến, càng có thêm nhiều người được khai mở. Tới lúc ra đi, tôi đã khai mở cho

13 có lẽ là một sắc tộc ở Tích Lan

1600 hội viên. Ta có thể tưởng tượng được tôi bận rộn như thế nào, vì tập nhiều xuất latihan mỗi ngày khiến cho tất cả hội viên có thể tập được hai latihan mỗi tuần. Ngoài ra còn có những xuất latihan đặc biệt với phụ tá và thành viên ban quản trị. Tôi cũng tập latihan đặc biệt với những hội viên mang bệnh tâm trọng. Trên hết là tôi vẫn còn phải đi dự những bữa ăn được mời và có những cuộc đàm đạo giữa cá nhân.

Tôi hoàn toàn không được quyền sống riêng tư cho mình. Tôi không được sống riêng tư ngay cả trong lúc buổi sáng đi tới phòng tắm, bởi đến đó, tôi phải đi ngang qua phòng khách. Thậm chí lúc tờ mờ sáng cũng đã có nhiều hội viên ngồi trong phòng khách đợi chờ được hẹn gặp tôi, hoặc chỉ đi loanh quanh bên nhà.

Một buổi chiều, khi vừa bước ra phòng, tôi trông thấy phòng khách có đông người. Tôi cảm thấy có một sự kích động mãnh liệt, nhưng chẳng hiểu được gì hết, vì họ đang nói tiếng Việt.

Khi tôi ngồi xuống, một người đàn bà bước vào, có chồng con, bố mẹ chồng và người thân mình đi theo. Trường hợp bà được trình lên cho tôi: một vấn đề sinh tử, người ta cho tôi hay. Bác sĩ đã khám thấy một cục sạn to lớn như một quả chà là trong gan bà, và người ta cho tôi coi những hình chụp bằng quang tuyến X. Bác sĩ nói bà phải mổ ngay lập tức; nếu không thì bà sẽ chết trong vòng hai ngày.

Tôi hỏi: 'Bác sĩ có nói điều gì sẽ xảy ra hay không, nếu bà ta được mổ ngay lập tức?'

'Có lẽ bà ta sẽ sống được 15 ngày!' là câu trả lời. Điều đó đúng là một vấn đề sinh tử!

'Các bạn muốn tôi làm gì?' tôi hỏi.

'Chúng tôi muốn ông cầu xin sự hướng dẫn của Thượng Đế: bà ta có nên mổ hay không?'

Tôi thực sự phải đương đầu với một vụ rất gay go. Tất cả những gì mình nói sẽ dẫn tới những hệ quả trọng đại. Cái trách nhiệm đó quá nặng nề, và tôi mong có cách tránh né nó, nhưng không có cách nào hết, mọi người đều nhìn chòng chọc vào tôi. Căn phòng trở nên thật yên lặng; tôi có thể nghe thấy một cây đinh ghim rớt xuống.

Một cách trầm tĩnh, tôi nhắm mắt lại và hướng về phía Thượng Đế để xin hướng dẫn. Sự hướng dẫn đó đến: 'không được mổ'.

Tôi mở mắt ra và nói: 'Thế này, các bạn đã xin tôi đi hỏi sự hướng dẫn của Thượng Đế, và tôi đã tiếp nhận được điều đó. Sự hướng dẫn cho hay bà đó không nên cho mổ.'

Chợt nhiên thiên hạ trở nên ồn ào. Mọi người đều lấp bấp và la hét, mọi người đều bị kích động. Tôi đứng lên và bảo các phụ tá nữ cùng với người bệnh vào một trong hai phòng ngủ, và các phụ tá nam thì theo tôi vào tập latihan trong một căn phòng bên cạnh. Những chỉ thị của tôi cho các phụ tá là họ không nên suy nghĩ về người bệnh trong lúc tập latihan. 'Các bạn chỉ có thể tiếp nhận latihan một cách tốt đẹp, nếu quy thuận và phó thác mọi việc cho Thượng Đế. Đừng tìm cách giúp đỡ Thượng Đế, vì các bạn sẽ chỉ xen vào công việc của Thượng Đế. Thượng Đế biết được điều Thượng Đế phải làm, và không cần sự trợ giúp của các bạn. Như vậy, các bạn có thể làm được nhiệm vụ của mình như một con đường truyền dẫn tốt đẹp cho sự tuôn chảy của Quyền Năng Thượng Đế.'

Ngay sau khi latihan bắt đầu, các phụ tá nữ đều gậy nên nhiều tiếng động. Họ gào thét, la hét, khóc lóc và đập chân trên mặt đất. Cá nhân tôi cũng cảm thấy một sự rung động mãnh liệt nhập vào thân thể mình. Sau đó, khi tôi gõ ba lần trên cánh cửa ra dấu hiệu chấm dứt latihan, các phụ tá nữ chạy vội vã đến gặp tôi. Bằng một thứ tiếng Anh ngắc ngư, mọi người đều nói:

'Chúng tôi cũng tiếp nhận được rất mạnh: không mổ.'

Tôi nói với họ là chúng ta nên tập một cái latihan khác với người bệnh ngày mốt, và với bản thân mình tôi nói: 'Nếu bà ta vẫn còn sống.'

Tôi háo hức muốn biết được điều gì sẽ xảy ra cho người đàn bà đó trong hai ngày tới, vì các y sĩ đã tiên đoán cái chết của bà trong khoảng thời gian đó, nếu không được mổ.

Hai ngày sau bà ta lộ diện, và điều đó khiến tôi thấy nhẹ nhõm. Chúng tôi tập cho bà một cái latihan đặc biệt những ngày kế tiếp, và hai tuần sau cái sạn đó mất đi trong gan bà. Ba tuần sau, khi đến phi trường để tiếp tục cuộc hành trình của mình, tôi trông thấy bà trong số đám đông đến tiễn đưa mình. Bà vẫy tay từ biệt tôi với những giọt lệ trong mắt. Tôi quan tâm rất nhiều tới tình trạng của bà, và luôn hỏi thăm bà bất cứ lúc nào có thể. Nhờ Ân Huệ của Thượng Đế Toàn Năng, bà vẫn còn sống và mạnh khoẻ ba năm sau, khi tôi hỏi thăm về bà. Trong lúc thực hiện sứ mệnh của mình, bất cứ lúc nào trông thấy cảnh tượng của cá, tôi luôn luôn phải khai mở cho thiên hạ ngay sau đó. Một ngày cuối tuần nọ, các hội viên Subud Việt nam quyết định cho tôi được nghỉ ngơi, và một vài người dẫn tôi lên Đà Lạt, một nơi nghỉ có những cảnh đẹp và không khí trong mát. Nhưng ban đêm trước khi đi, tôi trông thấy cá. Không có một nhóm Subud nào ở Đà Lạt và ban quản trị nghĩ tôi có thể nghỉ ngơi. Chúng tôi đến vào lúc chiều và đến một khách sạn.

Sáng hôm sau, chúng tôi đi dạo trong một công viên. Một hội viên gặp được một người quen, và họ bắt đầu trò chuyện. Trong lúc chúng tôi dùng bữa trưa, nhiều người đến gặp mình trong khách sạn. Tôi được cho hay là tất cả những người đó đều muốn được khai mở. Tôi không muốn làm mất dịp may của họ, nhất là khi điều đó có nghĩa là không màng tới công việc của những người đánh cá vô hình. Cuộc đi chơi cuối tuần có kết quả là việc mở một trung tâm Subud ở Đà Lạt.

Ngày cuối tuần kế tiếp, hội viên dẫn tôi tới một chỗ nghỉ

trên bãi biển gọi là Vũng Tàu. Một hội viên là bác sĩ có một căn nhà một tầng gần bãi biển, vợ chồng ông ta cho chúng tôi trú ngụ tại đó. Một buổi sáng đẹp trời, chúng tôi vui vẻ chèo thuyền trên biển. Khi chúng tôi chèo về bãi, tôi nhận thấy nhiều người đứng trên đó chăm chú nhìn chúng tôi. Tôi tỏ vẻ hồ nghi. Quả thực là vậy, họ là những người muốn được khai mở. Và như vậy, một trung tâm Subud khác được thành lập ở Vũng Tàu.

Thật là điều thú vị khi trông thấy có nhiều người không thiết tha vào Subud, ngay cả sau khi đã biết tới Subud trong nhiều năm; trong khi đó thì lại có những người xin lập tức được khai mở ngay lúc họ nghe nói về Subud. Hình như họ là những con cá được người đánh cá dùng lưới bắt.

Mặc dù có những trận đánh ác liệt xảy ra chung quanh chúng tôi, các hội viên Subud ở Việt Nam đã tập latihan một cách thành tín. Trông nhìn thấy việc đó là điều khiến cảm động.

Cuối cùng đến lúc bay về nhà, và tôi lấy làm vui mừng. Nhưng khi bước ra khỏi phi cơ, tôi bị một cú sốc khi trông thấy vợ mình xanh xao và gầy ốm. Trong lúc tôi vắng mặt, bà đã phải chịu khổ rất nhiều. Cầu xin Thượng Đế luôn luôn ban phước cho bà.

Một luận án tiến sĩ

Năm 1962 khi chuẩn bị viết luận án tiến sĩ, tôi đến gặp giáo sư Haizarin xin ông coi bài cho mình.

Đối với bất cứ ai khác, tiến sĩ Haizarin là một giáo sư khó tính nhất. Tôi có một anh bạn vẫn chưa qua được kì thi về một môn học do ông giảng dạy, ngay cả sau khi đã thi tới 16 lần, và có nhiều sinh viên khác đã gặp khó khăn vì ông. Nhưng tôi luôn luôn được may mắn, tuy đã chọn bốn kì thi dưới sự giám sát của ông: Luật Phổ Thông của Indonesia, Phần Một và Hai; Luật Hồi, Phần Một Và Hai. Mỗi lần, ông đều trả lại bài viết của tôi, sau một buổi vấn đáp ngắn ngủi. Ông là một người rất tinh nhuệ và dứt khoát, ước định được khả năng của sinh viên khi thoát nhìn.

Bạn bè tôi nghĩ tôi đã điên rồ khi chọn ông là người mình đưa bài cho coi; chưa từng có ai đã làm như vậy trước đó. Tuy nhiên, tiến sĩ Haizarin là một vị giáo sư duy nhất có một sự hiểu biết thâm sâu về tôn giáo, cho nên tôi đã thử dịp may của mình.

Sau khi viết xong ba chương, tôi đưa cho ông coi việc làm của mình. Ông cặn kẽ đọc qua, hỏi về hầu hết từng chữ và từng câu.

Các bạn có lẽ còn nhớ được trong chương thứ ba của cuốn sách này, tôi đã đề cập tới cái đầu đề bài luận án của mình là Tính Tình và Lễ Lối Cư Xử của Con Người. Tôi có thể trả lời khiến tiến sĩ Haizarin hài lòng, khi ông hỏi về cái đề tài đó, nhưng khi ông hỏi về xuất xứ luận đề của mình, tôi như bị bắt bí; tôi không nói với ông mình lấy cái đó từ hư vô.

Ông trông thấy sự do dự của tôi, và nói một cách sốt ruột: 'Thế nào, anh lấy cái luận đề đó ở đâu?'

Tôi không biết nói gì, nhưng bởi bị dồn vào chân tường, nên tôi nói: 'Do đọc được những sách về tôn giáo.'

'Những sách nào?'

'Những sách về thần bí học.'

'Những sách nào về thần bí học? Anh không thể bịp tôi được. Tôi đã đọc tất cả những sách về thần bí học có thể kiếm được, nhưng không có một cuốn nào nói về một điều như vậy,' ông phản đối.

Tôi liều mạng, nhưng với một thái độ hoàn toàn quy thuận, tôi chấp nhận: 'Luận đề của tôi dựa trên kinh nghiệm của bản thân tôi.' Tôi tự nghĩ: 'Bây giờ ông sẽ chê mình là không có đầu óc khoa học.' Nhưng điều đó lại khiến ông thăm dò thêm: 'Kinh nghiệm tâm linh nào?' Trong lòng thấy xiu xuống, tôi tự nói với mình: 'Thôi, tất cả chỉ là toi công.' Tuy nhiên, tiến sĩ Haizarin thâm trầm suy nghĩ và lẩm bẩm nói: 'Subud, Subud...Subud... Tôi nghĩ mình đã từng nghe nói tới, nhưng không còn nhớ được ai đã đề cập tới nó. Subud là gì?'

'Subud là một kinh nghiệm về tâm linh.'

'Anh đã nhắc tới Subud, nhưng đó là loại kinh nghiệm gì về tâm linh?'

'Đó là một kinh nghiệm về việc được trực giao với Ánh Sáng của Thượng Đế.'

Ông hỏi tiếp: 'Cái đó có là huyền bí học? Những người mặc khải thần linh cũng tự cho mình đã được trực giao với Thượng Đế.'

'Không. Đó không là huyền bí học. Thuyết huyền bí là lối tu tập dùng quyền lực ý chí của con người, để đạt được mục tiêu của mình; trong khi đó thì Subud là điều hoàn toàn trái ngược. Ta chỉ có thể tiếp nhận được cái kinh nghiệm tâm linh đó, nếu gạt bỏ trí óc và ý chí.'

'Anh làm điều đó như thế nào?' tiến sĩ Haizarin muốn biết.

'Thế này' tôi do dự 'nếu muốn nghiệm được điều đó, thì ông hãy vào Subud. Tôi nghĩ mình không đủ ngôn từ để diễn tả điều đó.'

Điều khiến tôi ngạc nhiên là vị giáo sư đó trả lời: 'Đúng vậy, đúng vậy. Điều đó cũng khó như việc giải thích mùi vị của một trái lê cho một anh nhà quê đã chưa từng nếm nó hay trông thấy nó. Điều tốt nhất là cho y trái lê và bảo y nếm nó. Ai là lãnh tụ của Subud?'

'Bapak Muhammed Subuh.'

'Anh hãy dẫn tôi đến gặp ông ấy. Tôi muốn nghiệm được điều đó' là sự yêu cầu của ông. Tôi hỏi ông: 'khi nào?'

'Bây giờ!' và buổi chiều hôm đó, tôi đi chung với ông đến gặp Bapak. Điều này ngoài sự mong đợi của tôi, việc một ông giáo sư là một người thông minh, lập dị, lại trở nên khoáng đạt, cởi mở, đối với ngay cả một điều gì kì bí như Subud.

Pak Subuh mời tôi chứng kiến sự dẫn đạo (khai mở) của tiến sĩ Haizurin, ông đã nhận được ngay sự giao tiếp. Sau latihan, ông dò hỏi: 'Ai đã đi lang thang với một cái đèn pin?' Không ai đã đi vào latihan với một cái đèn pin; có lẽ ông đã trông thấy một ánh sáng tâm linh.

Tôi đã không đi ra nước ngoài trong những năm 1963 tới

1967. Thực ra, không một ai trong chúng tôi thuộc Trung Tâm Tâm Linh Quốc Tế đã xuất ngoại. Đối với chúng tôi ở Indonesia, đó là một thời gian khó khăn và nguy hiểm nhất, cái thời kì trong đó Cộng Sản tăng cường, dẫn tới cuộc đảo chánh bất thành của họ ngày 13 tháng 9 năm 1965. Hồi đó có những vụ khủng bố và mưu đồ của Cộng Sản ở mọi nơi. Những kẻ chủ mưu muốn diệt trừ những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những nhà trí thức và những nhóm tôn giáo. Subud nằm trong sổ đen của họ, và Bapak bị công tố viên gọi đến để thẩm vấn. Bapak phái tôi đi đại diện cho người. Đó là một trong những điều thú vị mà tôi chưa từng nhận thấy.

Khi bước vào phòng của công tố viên, tôi cảm thấy một sự rung động mãnh liệt. Trí óc tôi trống rỗng nhưng được soi sáng. Điều thú vị là tôi có thể trông thấy trí óc của mình và trí óc của công tố viên.

‘Ông ngồi xuống, ông ngồi xuống,’ công tố viên nói. Nhưng đó là những lời lẽ duy nhất ông có thể nói. Trí óc của ông đã bị quét sạch và trở nên hoàn toàn trống rỗng. Ông bận đàng tội nghiệp đó đang cố gắng rất nhiều để làm cho trí óc mình hoạt động, nhưng vô ích. Ông chỉ có thể nói: ‘Đúng, đúng, đúng...’ Tôi cảm thấy thương hại ông và nói: ‘Thưa ông, tôi đến đây để đại diện cho Subud.’

‘Subud... Subud... Được rồi. Subud... Subud...’ ông lặp đi lặp lại.

‘Ông có muốn biết về Subud?’ tôi mạo muội hỏi.

‘Được rồi, được rồi.’

‘Thế này, Subud không là một tôn giáo cũng như không là một giáo lí,’ tôi bắt đầu. ‘Đó là một kinh nghiệm tâm linh do kết quả sự trực giao với Ánh Sáng của Thượng Đế.’

‘Đúng vậy, đúng vậy,’ ông lặp bập nói.

‘Ông có muốn biết về quan hệ giữa Subud và những nhóm huyền bí khác?’ Một lần nữa, điều ông đáp lại là:

‘Được rồi, được rồi.’

‘Subud không liên hệ gì với bất cứ nhóm huyền bí nào,’ tôi giải thích ‘vì Subud không là huyền bí học. Huyền bí học dùng quyền lực của ý chí và sự tập trung của tư tưởng; trong khi đó thì kinh nghiệm tâm linh của Subud được tiếp nhận nhờ Ân Huệ của Thượng Đế Toàn Năng do kết quả sự quy thuận và phục tòng Thượng Đế của chúng tôi.’

Và tôi nhắc: ‘Ông có muốn biết về việc Subud có liên hệ gì với một đảng phái chính trị?’

‘Được rồi, được rồi.’

‘Subud là một hiệp hội phi chính trị và không là sự giả danh của CIA.’ Tôi nhắc tới điều đó, vì Cộng Sản đã tố cáo Subud là một cơ quan của CIA.

Và điều đó là như thế - diễn đi diễn lại. Thay vì điều tra tôi lên điều tra tôi xuống, công tố viên đã trở thành một khán giả.

Ông lấy lại trí óc mình, sau khi buổi thẩm vấn chấm dứt. Rồi ông nói: ‘Coi này, chính quyền đã trao cho tôi cái trách nhiệm kiểm soát và giám sát tất cả những nhóm huyền bí hiện có. Việc làm đó là để ngăn chặn những hành động phi pháp. Tôi đã nghe ông giải thích về Subud, và tôi thích điều đó. Điều này có làm phiền mình không, nếu ông có một buổi nói chuyện với tất cả những nhóm huyền bí ở đây? Tôi có tất cả địa chỉ và tên tuổi của họ. Và tôi sẽ tổ chức được cuộc gặp gỡ đó trong hai tuần.’

Tôi phải chấp thuận điều đó, và khi đến lúc được ấn định, tôi có một buổi nói chuyện với những vị lãnh tụ của những nhóm huyền bí khác đã được đăng kí với chính quyền. Điều xảy ra là một buổi nói chuyện về cái nhìn khái quát về sự tham dự của con người trong những lối tu hành của tôn giáo và nhiều nhóm huyền bí khác, những nhóm phát khởi do những lối tu hành đó.

Một sự kiện lí thú là, điều tôi quan sát thấy do sự việc trên kia, nếu trí óc tôi trong trạng thái trống rỗng, thì trí óc của bất cứ ai đối diện cũng trống rỗng. Họ sẽ quên những câu hỏi mình muốn hỏi, và khi tôi đối diện những người nghe mình nói chuyện, trí óc của những người đó sẽ điều hoà với trí óc của tôi, và do đó sẽ khiến cho họ chấp nhận và hiểu được buổi nói chuyện một cách dễ dàng hơn.

Có một buổi nói chuyện về Subud thì lại là một chuyện khác. Đó là một việc làm khó khăn nhất, bởi nếu trí óc can thiệp vào, sự tuôn chảy của ngôn từ sẽ ngưng lại, và tôi sẽ bị kẹt.

Khi sự tăng cường của Cộng Sản gia tăng thêm, các nhân viên an ninh cấm đoán hội viên Subud hội họp. Để tránh bị hiểu lầm và nghi ngờ, Bapak yêu cầu tất cả những hội viên không là người Indonesia rời khỏi Indonesia, và những người ở ngoài Indonesia đừng đến đây nữa. Sau khi một nhóm trộm cướp bịt mắt xâm nhập vào hai căn nhà trong khu Subud ở Cilandak, Jakarta, Bapak tổ chức một cuộc canh gác ban đêm. Khoảng nửa chục hội viên Subud đàn ông, phần đông đều ở trong khu đó, mỗi đêm đều thức suốt khuya với Bapak. Những cuộc canh gác đó kéo dài hơn một ngàn đêm.

Độc giả có lẽ còn nhớ tới một việc tôi đã giải thích trong một chương trên về việc tôi có thể sống sót như thế nào mà không ngủ. Trong thời kì đó, những kẻ tham dự vào vụ đó nhận thấy mình đã lên thay vì xuống kí. Chúng tôi cũng đã có thêm rất nhiều sức mạnh tâm linh.

Tuy khởi đầu là một hành động để bảo toàn của cải vật chất của chúng tôi, cuộc canh gác đó biến thành một sự tập luyện cực độ về tâm linh, và đó cũng là một thời gian để chúng tôi cầu nguyện cho sự an toàn của quốc gia Indonesia.

Thật là một điều rất may mắn được gần Bapak trong những đêm đó tại Trung Tâm Tâm Linh Thế Giới Subud.

Đôi khi người làm cho chúng tôi mê mẩn với những giảng giải và những câu chuyện này nọ cho tới 9 hay 10 giờ sáng ngày kế tiếp. Và một tiếng đồng hồ sau đó, người lại ở bên cạnh chúng tôi.

Cũng trong năm 1961, giáo sư Haizurin đã đề nghị với tôi một việc làm là trợ tá cho ông. Tôi hỏi ý kiến Bapak về việc đó. Sau khi nhắm mắt lại trong một vài giây, người nói: 'Con không kiểm công việc đó; trái lại, công việc đó đang kiểm con, con nên nhận nó. Đó là của Trời cho.' Tôi chấp nhận đề nghị của tiến sĩ Haizarun, nhưng cũng cho ông hay là mình có một chuyến đi cho Subud tới nhiều quốc gia Á và Phi Châu. Tôi nói thêm là có lẽ là việc làm đó nên hoãn lại cho tới mình trở về, điều đó khiến ông đề nghị: 'Tốt hơn anh nên nhận công việc đó ngay bây giờ. Về chuyến đi đã dự định của mình, anh cứ việc tiến hành. Và lại, đại học cũng được lợi do vụ đó, vì điều đó chắc chắn sẽ mở rộng tầm nhìn của mình và làm cho kinh nghiệm của anh được phong phú. Anh có thể làm việc như một nhân viên trong ngành nghiên cứu với tiền lương đầy đủ.' Điều đó ngoài sự mong đợi của mình, và tôi rất lấy làm biết ơn.

Đến trình diện đại học sau chuyến đi đó, tôi được bổ nhiệm làm giảng viên về Luật Phổ Thông Indonesia và Luật Hồi tại một chi nhánh của Trường Luật ở Jambi, Sumatra. Trong cái địa vị đó, tôi chuyển tới Jambi bằng máy bay và lưu lại đó mỗi tháng một tuần. Nơi đó tôi gặp lại những sinh viên trước đây của mình ở Melang, những người đã được cho trở về tỉnh của họ sau khi tốt nghiệp. Chẳng bao lâu chúng tôi bắt đầu lập nên một nhóm Subud ở Jambi, cho nên tôi có thể đến thăm nhóm Subud tại đó.

Tôi tiếp tục làm luận án của mình, và may mắn thay, làm xong nó trong năm 1965. Giáo sư Haizarin lấy làm hài lòng vì nó, nhưng phải đương đầu với sự chống đối của các giáo sư khác. Người duy nhất chấp nhận nó là giáo sư Nasrun. Giáo sư Haizarin chưa từng nói cho tôi hay về những tranh luận giữa các giáo sư liên quan tới dựa án

của tôi. Tôi chỉ nghe nói về điều đó do giáo sư Nasrun, ông kể cho tôi hay sau này là tài thuyết phục của Hazairin đã san bằng được con đường khiến họ chấp nhận nó. Giáo sư Nasrun là một người Hồi giáo thành tín đã có một vài kinh nghiệm thần bí.

Theo thông lệ khi trao bằng tiến sĩ, đại học của chúng tôi mời những vị khoa bảng và những quan khách quan trọng khác đến dự một cuộc tranh luận công khai. Trước buổi lễ đó, giáo sư Hazairin nói với tôi: 'Trong một cuộc hội thảo như vậy, anh không còn là một sinh viên nữa, mà là một người ngang hàng với tất cả các thành viên của hội đồng giáo sư. Anh phải nhớ là về việc đó mình tự lo lắng cho mình. Họ sẽ tìm cách 'đánh gục' anh, và anh phải chống trả lại.' Tôi may mắn đã được giáo sư Hazairin cảnh giác mình, và bây giờ tôi được chuẩn bị để trả đũa. Đó là một cuộc thảo luận gay gắt. Có một vị giáo sư thấy chắc chắn ông sẽ bắt bẻ được tôi. Tôi đập tan những lập luận của ông và làm ông kinh ngạc. Vẻ mặt ông trở nên đỏ gay, rồi xanh lè. Tôi được biết là ông chết hai ngày sau đó vì bệnh tim.

Có một vị giáo sư khác chỉ trích tôi, vì tôi đã không trích dẫn của những cuốn sách hiện có. Tuy nhiên, ý kiến của tôi là một luận án nên chứa đựng những luận đề mới mẻ và đặc sắc, chứ không là sự thu lượm những lí thuyết lấy từ những cuốn sách khác.

Tôi thấy nhẹ nhõm rất nhiều, khi cuối cùng lấy được bằng tiến sĩ. Tôi đặc biệt vui sướng vì người cha mình; ông đã làm tất cả những gì có thể làm được để giáo dục con cái. 'Có thể ba không cho con được sự giàu sang vật chất, nhưng ba tin rằng một nền giáo dục tốt còn có giá trị hơn tiền tài,' ông nói. Tôi mang ơn Thượng Đế, vì đã có thể khai mở cho ông, một vài năm trước khi ông mất.

Một đêm trong một buổi canh gác kéo dài 1000 đêm, những người trong chúng tôi đến phiên canh đã trông thấy một ánh sáng dài, màu hơi đỏ, trên nền trời. Khi chúng tôi cho Bapak hay về điều đó, người nói: 'Sẽ có

đỏ máu'. Đó là một sao chổi hiện diện trên nền trời trong nhiều đêm.

Ngay sau đó, ngày 30 tháng 9 1965, đảng Cộng Sản đảo chánh. Họ bắt cóc nhiều tướng lĩnh hàng đầu của quân đội Indonesia. Một vị là tướng Abdul Haris Nasution đã trốn thoát được ; thay vì vậy họ chỉ bắt được viên chuẩn uý là sĩ quan tùy viên của ông.

Dưới sự lãnh đạo của tướng Suharto, quân đội phản công. Khi người ta tìm thấy một giếng nước bỏ hoang, nơi thi thể các vị tướng lĩnh bị liệng xuống, điều đó được truyền hình khắp nơi trên đất nước. Toàn quốc nổi loạn và tiếp theo là một cuộc lùng bắt những người Cộng Sản. Trong vòng hai tuần, khoảng nửa triệu người Cộng Sản đã bị chính nhân dân giết chết. Tại các làng mạc, mọi người đều biết mặt nhau, do đó người Cộng Sản đã bị nhận diện và thanh trừng tận gốc rễ tại những nơi chốn đó.

Chẳng bao lâu, an ninh và trật tự được phục hồi trên đất nước, và Indonesia được giải phóng khỏi sự khống chế của Cộng Sản.

Định luật sống động của Thượng Đế

Hội Tâm Linh quốc Tế Subud có hội nghị quốc tế đầu tiên ở London trong năm 1959. Hội nghị thứ nhì được tổ chức ở New York trong năm 1963, hội nghị thứ ba trong năm 1967 ở Tokyo. Bapak phái tôi đến Tokyo 3 tuần trước đó để giúp sức chuẩn bị hội nghị. Trên đường tới đó, tôi đến thăm những nhóm ở Singapore, Kuala Lumpur, Bangkok, Saigon và Hong Kong. Kế đến tôi đi Tokyo. Ở Nhật tôi đến thăm những nhóm tại Osaka và những nơi chốn khác. Trên đường trở về nhà, tôi đến thăm Hong Kong, Manila và Singapore.

Cuộc hội nghị ở Tokyo xảy ra ở Yomiouriland, một loại Disneyland của Nhật Bản. Đó là một điều khiến cảm động, khi trông thấy những đại diện của các quốc gia đứng đợi chờ tới phiên được gọi tên, từng người một. Khi quan sát họ, một ý kiến đến với tôi: 'Đây rồi, những người thuộc những quốc gia khác nhau, những chủng tộc khác nhau, những tôn giáo khác nhau, những lối sống khác nhau; họ gặp gỡ nhau tại một hội nghị quốc tế và cảm thấy mình là thành viên của một gia đình duy nhất. Thượng Đế đã kết hợp chúng tôi lại.'

Phái đoàn đông đảo nhất đến từ Hoa Kỳ, có tất cả là 126 người. Điều gây ấn tượng với tôi là khi những đại diện đó được kêu gọi, thì mọi người đều đồng thanh đứng lên.

Nhưng tôi cũng cảm động khi chỉ có một người đứng lên để đại diện cho quê hương mình.

Chủ tịch của hội nghị là anh Varinda Vittachi, một người đã từng là chủ tịch của hai hội nghị quốc tế trước đây, và bây giờ được bầu làm chủ tịch của hội nghị này. Nhưng để được hướng dẫn và dẫn dắt, tất cả chúng tôi đều hướng về phía Bapak được coi như một người cha của mình.

Trong chương thứ ba tôi đã đề cập tới việc có hai nhiệm vụ tách biệt nhau trong Subud. Đó là những thành viên của ban quản trị lo tới những việc này nọ hay vấn đề tổ chức, và nhóm phụ tá chăm sóc công việc tâm linh.

Ban ngày, hội nghị bàn luận về những việc này nọ và vấn đề tổ chức. Khi những buổi họp chấm dứt, hội viên báo cáo thành quả những cuộc tranh luận của mình. Thịnh thoàng họ cũng xin Bapak làm sáng tỏ một vài vấn đề, nếu không biết giải quyết như thế nào, và Bapak đã làm sáng tỏ những điều đó và hướng dẫn theo nhu cầu của họ.

Buổi chiều dành cho đời sống tâm linh. Nhiều xuất latihan được tập dưới sự giám sát của Bapak, và sau latihan Bapak thường có một buổi nói chuyện.

Trong lúc có hội nghị Tokyo, Bapak có 10 buổi nói chuyện bao quát những đề tài như: sự quan trọng của hội nghị, sự cần thiết điềm tĩnh trong lúc tranh luận, sự cần thiết của một nội tâm thanh tịnh, của đức tin và quy thuận, sự khác biệt giữa latihan và những phong trào tâm linh khác, sự hướng dẫn cho cái thế gian này và thế giới bên kia, sự cần thiết làm việc trên thế gian này, trách nhiệm của Thượng Đế và con người, sự cần thiết có đồng tiền và sự tổ chức trong Subud, ý nghĩa của Susila Budhi và Dharma, kinh nghiệm trong Subud với tư cách là một ông thầy, sự tiếp nhận của Bapak về cái sứ mệnh của mình trong năm 1933, câu chuyện về Trung Tâm Subud Thế Giới ở Jakarta, Cilandak, các tạo vật và thiên thần, sự trợ giúp những quốc gia kém phát triển, sự hợp tác kỹ thuật và lời kêu gọi sự trợ giúp của các chuyên viên đủ

ngành, khi cần thiết, sự giao lưu và hòa thuận giữa mọi người.

Kinh nghiệm là người thầy trong Subud. Điều này quá thực rất đúng với tôi trong đời sống Subud của mình. Bằng cách tập latihan, tôi lần lần được hướng dẫn để nhận thức được điều gì là phải và trái. Sự học hỏi đó bắt đầu từ trình độ của thể xác, y như việc học hỏi một cách đơn giản khiến ta bị bỏng khi đụng vào lửa, hoặc cảm thấy lạnh khi cầm một cục đá trong tay.

Sau khi tập latihan được một khoảng thời gian, định luật sống động của Thượng Đế nhập vào hệ thống của tôi. Để lấy một thí dụ, tôi kể cho các bạn nghe câu chuyện sau đây:

Một buổi chiều, tôi được một anh bạn mời đi ăn. Bữa ăn đó gồm một xúc xích mà người ta nói với tôi là thịt bò. Ăn thứ đó một cách thật khuây khoả, tôi thực sự thấy ngon. Tuy nhiên, tới giữa đêm, tôi thức giậy với cơn nổi loạn của bao tử. Trong đêm đó tôi nôn mửa. Tôi đau ốm trong hai ngày. Khi lành bệnh, tôi đến thăm chớp nhoáng anh bạn mình, và do tò mò tôi hỏi anh ấy đã cho mình ăn loại xúc xích nào. Một lần nữa, tôi được cho hay, 'đó là xúc xích thịt bò'. Nhưng bà vợ của anh đã nghe lén được chuyện đó và nói: 'Không, đó là xúc xích thịt heo.' Và kể từ lúc đó, bất cứ lúc nào ăn thịt heo dù chỉ một chút xíu, cơ thể tôi sẽ tổng nó ra. Điều y như vậy cũng xảy ra khi tôi ăn đùi ếch. Cơ thể tôi dữ dội phản đối. Do cái kinh nghiệm đó, tôi được biết là một cơ thể đầy Ánh Sáng của Thượng Đế có một cuộc sống của riêng mình và một ý chí của riêng mình. Cái cơ thể đó biết được điều gì là phải và trái, điều gì là tốt và xấu. Trí tuệ sẽ không còn thể chế ngự và điều khiển nó.

Khi chúng chúng tôi rời Indonesia để đến Hoa Kỳ trong năm 1969, đứa con nhỏ của tôi chỉ được 9 tháng. Trên máy bay người ta cho vợ tôi một miếng thịt nhỏ để cho nó ăn. Không nhận thức được mình đang có gì, bà cho đứa bé ăn nhưng hệ thống của nó tức khắc từ chối miếng thịt

đó, vì nhận thấy đó là thịt heo. Sinh ra do những cha mẹ đã tập latihan, cháu đã được cái lợi khí là có latihan trong lòng.

Một thí dụ khác: Tôi nhận thấy khi mình cử động để phát vào đất bất cứ đứa con nào của mình trong một trạng thái tức giận hoặc bực bội, nếu điều đó là một nguyên do không chính đáng, thì cánh tay tôi sẽ không cử động.

Tương tự, nếu có ý đi tới một hướng không nên đi, chân tôi sẽ không cử động.

Một thí dụ khác của một cơ thể tự động lệ thuộc vào latihan: nhiều anh em Subud có thói quen có những quan hệ mật thiết và phóng túng với đàn bà kể cho tôi là sau khi tiếp nhận latihan, họ không còn có thể đeo đuổi cái sở thích đó nữa. Họ nhận thấy mình không thể chinh phục thể xác người đẹp tới nơi tới chốn theo mong ước, và đã bắt buộc phải rút lui một cách nhục nhã.

Ánh Sáng của Thượng Đế nhập vào một cách thâm sâu hơn và thấm vào cảm xúc của mình, nên tôi trở nên càng lúc càng nhạy cảm. Tôi có thể cảm thấy sự buồn bã và phiền não của người khác, tôi có thể cảm thấy sự vui sướng của người khác. Tương tự, tôi có thể cảm thấy việc thiên hạ nói xấu mình, và tôi biết được những kẻ đó là ai. Tôi có thể cảm thấy một người nào đó đang nói sự thật hay nói dối.

Khi Ánh Sáng của Thượng Đế nhập vào trí óc tôi, nó trở nên nhạy cảm tới nỗi không muốn ngay cả có ý định xấu xa. Hơn nữa, trong lúc trò chuyện, trí óc tôi sẽ biết được điều gì nói và điều gì không nói được, và lưỡi miệng sẽ hợp tác trung thành với nó.

`Kinh Koran đích thực không là kinh có những chữ in trên trang giấy, mà là cái định luật sống động của Thượng Đế bên trong chính nơi con người, `Bapak nói.

Độc giả chắc sẽ thắc mắc: 'Tại sao tôi nên vào Subud, nếu làm vậy thì tôi sẽ không được hưởng điều mình thích nhất là nhục dục?'

Tôi phải nói ở đây Subud không là công trình của con người, mà là sự biểu hiện quyền năng của Thượng Đế. Việc thiên hạ vào Subud hay không là tùy thuộc họ.

Nơi đây tôi xin được giải thích là có hai yếu tố liên quan tới sự giao cấu: thể xác và cảm xúc. Chắc chắn là có sự hưởng thụ của thể xác, nhưng cái cảm xúc bên trong là điều có trọng lượng hơn khiến sự giao cấu được thoải mái. Về phần cảm xúc tôi đã nghiệm được nhiều việc. Tại sao? Bởi khi cảm xúc trở nên sống động sau khi được Ánh Sáng của Thượng Đế nhập vào, nó có thể nhận diện hoặc phân biệt giữa những loại rung động khác nhau có đầy trong cảm xúc và gây nên cảm xúc. Những rung động đó được gọi là sinh lực.

Có những sinh lực xuất phát từ đồ đạc vật chất và được gọi là sinh lực vật chất, hay sinh lực ma vương.

Có những sinh lực xuất phát từ cây cỏ và được gọi là sinh lực thực vật. Có những sinh lực xuất phát từ thú vật và được gọi là sinh lực thú vật.

Và sau hết là những sinh lực xuất phát từ con người, những cái đó được gọi là sinh lực con người.

Đặc tính của tất cả những sinh lực đó là gì?

Đối với một kẻ mà cảm xúc chưa trở nên sống động, việc nhận diện hay phân biệt được sự rung động của những sinh lực khác nhau, là điều thật khó. Tuy nhiên, người đàn ông hay đàn bà có thể quan sát thấy một vài biểu hiện của những sinh lực đó trong đời sống bình thường hàng ngày của mình, chẳng hạn như ảnh hưởng của một đồ vật mang hình thức một chiếc xe hơi. Sau khi trông thấy một chiếc xe hơi trên đường, một kẻ nào đó có thể bị hấp dẫn khiến muốn thăm dò nó. Tới chỗ một kẻ buôn bán xe

cô, ta có thể được thông tin đầy đủ về những khía cạnh kĩ thuật của chiếc xe. Người đàn ông hay đàn bà đó nghe người ta nói cho mình biết về tất cả những điều đó. Tất nhiên tất cả những lời nói ngọt ngào của kẻ bán xe được truyền vào người đàn ông hay đàn bà đó. Đương sự sẽ sờ mó chiếc xe, cho chiếc ghế bật lên bật xuống, nắm lấy tay lái và xin được cơ hội thử lái chiếc xe trên đường, để tự mình thấy được nó lợi hại như thế nào.

Trong quá trình đó, một lượng rất lớn của những rung động vật chất xâm nhập vào trí tuệ qua cặp mắt, lỗ tai và tất cả những giác quan của ta. Sự rung động hay sinh lực sẽ gây nên những ham muốn là sở hữu chủ của chiếc xe đó, và sẽ ảnh hưởng tới trí óc để khiến nó được chiếc xe.

Việc đi coi tất cả những chiếc xe đó có thể hay không thể khiến mình mua xe hơi, nhưng trong lúc đó sức mạnh vật chất được dịp xâm nhập vào người đàn ông hay đàn bà đó và khiến đương sự bị kích động.

Trong cái thế giới hiện đại này, có hàng triệu đồ vật, kể cả đồng tiền, đã xâm chiếm lấy người đàn ông và đàn bà, khiến họ bị kích động, điên đầu, khiến họ buồn chán, và trong một vài trường hợp là động cơ khiến họ có những hành vi phạm pháp.

Và sinh lực vật chất ảnh hưởng tới nhục dục của con người như thế nào? Qua thân hình đẹp đẽ của người khác phái. Đối với người đàn ông chẳng hạn, đó là những đường cong êm dịu của thân hình một người đàn bà: mùi thơm, cặp môi, giọng nói. Và trong trường hợp một người đàn bà, có cái cảm xúc về sức mạnh những bắp thịt của người đàn ông, những thanh điệu thâm trầm của giọng nói người đàn ông.

Điều ngạc nhiên là một thứ vật chất như đồng tiền hoặc của cải lại có thể tạo động cơ cho tình dục. Như vậy, nếu cảm xúc chứa đầy sinh lực vật chất, lối giao cấu đó sẽ có hậu quả là một tâm cảm chán nản, thất vọng, chán ghét và khốn đốn.

Tất nhiên sinh lực vật chất không chỉ là sinh lực duy nhất có đầy trong tâm cảm một người nào đó, cái tâm cảm đó cũng có đầy sinh lực thực vật.

Và sinh lực thực vật ảnh hưởng tới tâm cảm như thế nào?

Khi có chung quanh mình màu xanh của cây cỏ hay quần thực vật (flora) trên đồng quê hay trong rừng rậm, ta cảm thấy yên tĩnh và thanh nhàn hơn. Đó là điều khiến những kẻ sống trong những đô thị lớn cần tới đồng quê để thể xác, và điều quan trọng hơn là trí tuệ, được nghỉ ngơi. So với người dân thành thị, người dân quê thường có một tâm cảm yên nhàn và kiên nhẫn hơn. Sinh lực thực vật không những chỉ nhập vào cảm xúc ta bằng cách bao quanh người đàn ông hay đàn bà, mà còn vào hệ thống của ta thông qua những thực vật, hay trái cây và rau cải mà người đàn ông hay đàn bà ăn.

Tuy nhiên, sự điềm tĩnh, yên nhàn và kiên nhẫn xuất phát từ sinh lực thực vật thường bị thực chất hay bản tính của một thực vật chế ngự là điều gì thờ ơ và có tính định mệnh. Giao cấu do sinh lực thực vật thúc đẩy là điều gì thiếu những yếu tố phóng khoáng, lãng mạn, thiếu khí thế hoặc sự nồng nhiệt. Điều đó chỉ được thực hiện như một nhu cầu sinh lí.

Sinh lực thú vật có đầy khoái cảm và khí thế, nhưng cũng có thể khiến ta lâm đường lạc lối, vì thế giới thú vật không ý thức được an ninh và trật tự. Do sự chế ngự của đời sống thú vật, ta dễ bị xúi giục ngoại tình.

Con người bị ảnh hưởng của sinh lực thú vật thông qua những thịt thà mà mình ăn. Nhưng chỉ thông qua sự gần cận đời sống thú vật, chúng ta bị những rung động của nó ảnh hưởng tới. Do đó những ham muốn về nhục dục cũng có thể phát động bằng cách nhìn thấy thú vật giao cấu.

Sinh lực con người hoạt động trong ý thức. Do đó chúng ta có ý thức về an ninh và trật tự. Những kẻ có kiến thức về an ninh và trật tự vẫn có thể cướp đoạt tài sản của

người khác, nếu họ thấy được một cơ hội làm điều đó mà không bị bắt. Chỉ sự răn đe là điều khiến ta sợ bị luật pháp trừng phạt. Người ta không muốn bị bắt bớ và trừng trị.

Nhưng những người mà tâm cảm được sinh lực con người chế ngự, sẽ không muốn đoạt tài sản của người khác, ngay cả khi họ có thể làm như vậy mà không bị bắt; điều đó sẽ trái với lương tâm họ.

Làm tình do kết quả sự tác động của sinh lực con người là điều 'có nhân tính' với tất cả tình thương, sự âu yếm và lòng trắc ẩn của việc làm đó. Cả người đàn ông và đàn bà đều được khiến cho càng lúc càng xích lại gần nhau với tư cách là vợ chồng, trong lúc thịnh và suy, lúc khá hơn và tệ hơn, lúc giàu có hơn và nghèo khổ hơn, trong lúc bệnh hoạn và mạnh khỏe, cho tới khi cái chết khiến họ xa cách. Nhưng trên thực tế, nếu cả người chồng và vợ đều tiếp nhận được sự giác ngộ trong đời sống mình, thì ngay cả cái chết cũng không khiến họ cách biệt; họ sẽ ở chung với nhau 'mãi mãi'.

Làm tình mà động cơ là Ánh Sáng của Thượng Đế quả thực là điều gì thần tiên. Điều đó khiến ta được nâng cao lên và ra ngoài với một tâm cảm tuyệt thú, biết ơn và sung sướng. Ta không cảm thấy mệt mỏi sau khi làm việc đó, ta cảm thấy mình sống và được mạnh khỏe. Trí óc trở nên rộng lớn hơn và được kích thích khiến có cảm hứng. Thực vậy, tôi tin chân lí những lời nói của Bapak, khi người nói: 'Giao cấu có thể là chiếc cầu tới... thiên đàng hay...địa ngục.'

Về mặt thể xác, đáng lí tôi đã hưởng thụ được cái quan hệ giữa vợ chồng, khi mới lấy vợ. Tuy nhiên, tôi có thể nói là đời sống tình dục của chúng tôi hiện nay thú vị hơn; do kết quả của latihan, nên tâm cảm của chúng tôi càng lúc càng chứa đầy những sinh lực cao quý hơn thay vì những sức mạnh có mức độ thấp hơn, những điều khiến thiên hạ chán ghét nhau và rất thường dẫn tới li thân hay li dị. Nhưng ngược lại trong trường của mình, những sinh lực thượng đẳng đã khiến chúng tôi xích lại càng lúc

càng gần nhau hơn cho tới khi, do ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng, hai linh hồn chúng tôi trở thành một, trong lúc thịnh và suy, lúc khá hơn và tệ hơn, lúc giàu có hơn và nghèo khổ hơn, trong lúc bệnh hoạn và mạnh khỏe; thậm chí cái chết cũng không khiến cho chúng tôi xa lìa nhau. Điều đó cho thấy tại sao trong ngôn ngữ thanh cao của Java, người vợ được gọi là 'garwa', đó là lỗi viết tắt của 'sigaring nyawa', có nghĩa là phần nửa của linh hồn. Người vợ là phần nửa linh hồn của người chồng, nếu linh hồn họ được Thượng Đế kết hợp lại. Trong một trạng thái như vậy, chúng ta không muốn làm hại nhau, bởi nếu người vợ bị hại, người chồng cũng sẽ bị hại lây.

Kết quả của giao cấu là việc mang thai một đứa bé, nên ta không được coi thường và trở nên bất cẩn về việc đó. Nếu việc mang thai xảy ra trong lúc giao cấu do sinh lực vật chất (cũng được gọi là sinh lực ma vương) thúc đẩy, đứa bé sinh ra có thể mang tính chất của sinh lực vật chất hay ma vương. Một đứa bé như thế sẽ có tâm tư của đá sỏi, một trí tuệ độc ác, và sẽ là một kẻ bất lương.

Có một đứa con như thế thực sự là địa ngục đối với cha mẹ. Một đứa con trai hay gái có thể gây cho cha mẹ mình nhiều khó khăn và phiền phức, một lô những buồn bực và tủi nhục, và cha mẹ không thể xua đuổi đứa con trai hay gái đó, vì nó là máu thịt của chính mình. Ngoài ra, một đứa con sẽ luôn luôn có liên hệ với cha mẹ về mặt tâm linh. Ngay cả khi họ đem nó cho người khác nuôi, cái quan hệ tâm linh đó không thể đứt đoạn; họ vẫn còn cảm thấy hậu quả việc làm sai trái của đứa con mình.

Và tôi tin chắc là người ta không muốn có một đứa con nhạy cảm nhưng lại thờ ơ và tin tưởng ở định mệnh, hoặc một đứa con mang tính chất của một con ác thú. Ta muốn một đứa con thực sự có tính người. Hiện nay chính sự thiếu thốn của sinh lực con người đã khiến thiên hạ ít quan tâm tới đời sống gia đình. Họ chỉ lo nghĩ tới quyền lợi bản thân. Đứa con trai hay gái đó sẽ không có tình thương đối với người vợ, con cái, cha mẹ hay ông bà

mình. Hiện tượng điển hình của xã hội hiện đại là gửi những người lớn tuổi tới những chỗ ở dành cho người già. Không ai muốn có họ trong nhà mình. Tại Java thiên hạ rất kính trọng và thương mến họ, và sẽ tiếp tục kính trọng và cầu nguyện cho họ sau khi họ chết.

Tai nạn

Năm 1966 Bapak khuyên tôi mua một nông trại. Tuy tôi chưa từng trước đây làm việc nhà nông, nhưng Bapak nói với tôi là tôi sẽ được hạnh phúc trong việc làm đó. Chẳng bao lâu, tôi thấy mình là chủ nhân của một nông trại 70 mẫu Anh kế cận nông trại của Bapak ở Cipanas, Tây Java, cách Tây Nam Jakarta khoảng 70 miles.

Tôi có thể mua cái cơ sở đó với một giá thật rẻ, vì trong nhiều năm do sự chiếm đóng của người Nhật từ năm 1942, không ai đã ở trên mảnh đất đó. Người ta đã bỏ bê cái khu đất đó; mọi người đã bỏ đi do sự do sự khủng bố và cuộc nổi loạn của nhóm Hồi giáo cuồng tín Kartosowurjo¹⁴

Cây cỏ rậm rạp đã khiến cho mảnh đất đó trở thành một khu rừng có những con lợn hoang, những con khỉ, chim chóc và gà rừng. Khu đất đó cao hơn mặt biển khoảng 700 mét, do đó tạo nên không khí ẩm mát. Có một con đường xưa cũ với những hố lớn và sỏi đá. Một chiếc cầu cũ rích không được sửa sang đã sụp đổ cách đây rất lâu.

Thực vậy, tôi rất vui sướng ở nông trại, và không muốn

14 chú thích của tác giả: lãnh tụ cuộc nổi loạn của người Hồi giáo cuồng tín bắt đầu từ cuối năm 1940.

bỏ qua một cuối tuần nào mà không tới đó. Tôi đến thành phố Cipanas bằng xe buýt, nhưng bắt buộc phải đi bộ tới nông trại trên đoạn đường còn lại dài 8 miles. Nhưng điều đó lại khiến tôi vui thích. Khi tôi đã tới đó, quang cảnh của khu vực chung quanh trông rất đẹp, có những đồi núi và một con sông trong suốt. Ở giữa tất cả những cái đó, tôi thấy được yên tĩnh, hạnh phúc và gần gũi Thượng Đế. Phát quang và canh tác khu đất đó khiến tôi có cảm giác được toại nguyện rất nhiều. Đường đi dần dần được tu bổ, nhiều con đường mới mở được tạo nên, khiến cho sau này chúng tôi có thể đến đó bằng xe cộ.

Năm 1969 tôi mua một chiếc xe Jeep mới. Trong khi đang chờ đợi cho chiếc xe được bổ sung, tôi trò chuyện với ông chủ tiệm bán đồ phụ tùng xe hơi. Ông hỏi: 'Ông ở đâu?' Tôi đáp là mình ở Trung Tâm Subud Quốc Tế tại Cilandak.

'Ừa, ông là một hội viên Subud?' Tôi đáp mình là vậy.

'Thật là điều rất lí thú, vì tôi luôn luôn thích những vấn đề tâm linh. Tôi có một sư phụ và ông ấy luôn luôn hướng dẫn tôi.' Tôi hỏi ông vị sư phụ đó là ai.

'Thế này, đáng lí tôi không được nói cho ông hay, vì ông ấy không là một người với một thân xác, nhưng bất cứ lúc nào tôi cần tới, ông ấy đều đến dạy bảo tôi', ông chủ đó giải thích. Rồi đột nhiên toàn thân ông run rẩy, ông ở trong một trạng thái xuất thần. Trong cơn xuất thần, giọng nói ông bị một thực thể cường mạnh, đầy uy quyền, chiếm lấy; cái giọng đó nói : 'Đừng để thằng đó nói với người về chuyện gia nhập Subud. Ta sẽ giết hẳn, nếu hẳn làm vậy.'

Tôi vào trong một trạng thái latihan, và cái hồn nhập vào người đó đi mất. Như giọng nói của nó, đó là một cái hồn cường mạnh, đầy uy quyền. Tôi nói với ông ta rằng sư phụ ông là một hồn người, nhưng ông phản đối : 'Không, ông ấy là một dewa [thánh thần] và ông là sư phụ tôi.'

Sáng hôm sau, tôi lái xe Jeep tới nông trại. Hai hội viên Subud khác đi cùng với tôi: Brodjo Lukito, một người Indonesia, và Trần Công Giác Nguyên, một người Việt Nam. Giữa đêm, nội ngã của Bapak đến. Người nói: 'Con hãy chuẩn bị chết. Bapak sẽ đếm từ một tới ba.' Tôi quy thuận Thượng Đế, và khi Bapak đếm 'Một, hai, ba', tôi sẵn sàng. Thật là dễ. Tôi quy thuận và tự nguyện chấp nhận cái chết của mình, không nghi ngờ và do dự. Linh hồn tôi rời khỏi thân thể mình, và sau một lúc nó trở lại. Tôi mở mắt và thấy mình đang sống. Hiển nhiên đó là một sự thử thách đối với lòng quy thuận và phục tùng của tôi.

Thế nào là sự khác biệt trong cái quan hệ giữa ông chủ bán đồ phụ tùng xe hơi và cái hồn người tự nhận là thánh thần và sự phụ của ông, và cái quan hệ giữa bản thân tôi và Bapak? Trước hết, ông chủ tiệm bán đồ phụ tùng xe hơi là người đã không tiếp nhận được sự giác ngộ. Điều đó hiển nhiên do sự kiện thân thể ông bị một hồn người nhập vào. Một kẻ bị hồn người nhập vào có thể nhận thấy một cơn xuất thần, và không làm chủ được bản thân mình, kể cả thân thể mình. Đương sự có thể không ý thức được gì nữa, kể cả trí nhớ mình. Sau cơn xuất thần, đương sự thường cảm thấy mệt mỏi và đau đớn.

Trong trường hợp mình, tôi chưa từng không ý thức được gì nữa, bởi do kết quả sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, sự tồn tại vĩnh cửu của tôi là nội ngã, đã sống lại. Trí óc có thể ngủ, nhưng nội ngã thì luôn luôn thức. Một người mà nội ngã sống lại, không thể bị bất cứ hồn người nào nhập vào. Khi muốn giao tiếp với linh hồn một người nào đó, Thượng Đế không cần nhập vào người đàn ông hay đàn bà. Thượng Đế giao tiếp với người đó qua Ánh Sáng của Thượng Đế có trong nội ngã đương sự; thay vì không còn biết gì nữa, ý thức của người đó trở nên sáng suốt và rộng lớn hơn, do kết quả sự giao tiếp đó.

Khi nội ngã Bapak giao tiếp với nội ngã tôi, nội ngã người không nhập vào tôi. Chúng tôi giao tiếp nhau như hai nhân vật trong thế giới tâm linh, và chúng tôi hoàn

toàn ý thức được bản thân và tình trạng chung quanh mình.

Ngày kế tiếp, chúng tôi lái xe về nhà và chọn một con đường dài hơn, để có thể dừng lại ăn uống tại một quán ăn mình thích nhất giữa những ruộng lúa gần Sukabami. Tiệm ăn đó có hai ao nuôi cá chứa đầy cá gurame và cá chép, và chúng tôi có thể lựa chọn loại cá mình ưa thích để cho người ta nấu nướng theo ý mình.

Sau bữa ăn, chúng tôi nấn ná lại tại đó, để nghỉ ngơi và hưởng thụ cái không khí trong mát của đồi núi, trong khi đang chậm chậm ngâm nhi li nước dừa tươi. Mãi tới chiều chúng tôi mới thông thả lái xe về nhà. Hôm đó là một ngày nắng thật đẹp, nhưng mặt trời không còn nóng nữa. Đột nhiên, tôi trông thấy một hồn người cao lớn và cường mạnh mở cái hãm xung đằng sau của chiếc xe Jeep, và không vì một động cơ vật lí nào, chiếc xe quẹo qua quẹo lại ba lần. Con đường trên đó xe chạy thì bằng phẳng và thẳng tuột, không mưa, không gió, và tôi chỉ chạy khoảng 30 miles một giờ.

Khi chiếc xe quẹo qua quẹo lại, tôi quy thuận và giao phó bản ngã mình cho Thượng Đế. Như đêm trước, tôi tự nguyện, không do dự và ngần ngại, chấp nhận cái chết của mình. Thế cho nên, tôi rất điềm tĩnh. Điều lí thú là cái yếu tố thời gian. Đáng lí chiếc xe Jeep chỉ mất một khoảng thời gian rất ngắn để quẹo qua quẹo lại ba lần, nhưng trong lúc đó tôi trông thấy nó như một cuốn phim quay chậm về tai nạn. Đối với tôi điều đó hình như kéo dài rất lâu, nhưng tôi rất điềm tĩnh và sáng suốt lúc đó. Rồi thật đột nhiên, tôi trông thấy một thực thể tâm linh tiến đánh cái hồn người đã nâng cao chiếc xe. Cái thực thể đó đột ngột xuất hiện, nhanh hơn vận tốc ánh sáng. Cái thực thể đó đánh đập cái hồn người, để ngăn chặn không cho chiếc xe quẹo qua quẹo lại trên dốc đá và đâm xuống Hồ Lido. Cái linh hồn ám hại bị cú đánh khiến cho văng ra xa, và rất lấy làm sợ.

Khi cuối cùng chiếc xe Jeep đậu lại, tôi hoàn toàn bị bắn

ra ngoài. Trong khi tự nguyện chấp nhận cái chết, tôi cảm tạ Thượng Đế vì Ngài đã cứu mạng mình. Tôi liền ngồi xuống, và trong khi làm vậy nhận thấy mình không thể cử động cánh tay trái.

‘Ôi thôi, ôi thôi, mình đã mất cánh tay trái’ tôi tự nghĩ, ‘nhưng quy thuận và phó thác cho Thượng Đế một cánh tay thì dễ hơn phó thác cuộc đời mình’ là điều tôi nghĩ ngay lúc đó. Tôi mạo muội nhìn cánh tay và thấy không dính máu, nhưng hình như khúc xương giữa vai và khuỷu tay đã gãy. Tôi tin chắc là nó sẽ được bình phục. Và lại, mình không cần ngay cả phó thác cánh tay cho Thượng Đế’ tôi suy nghĩ.

Và tôi chợt nhớ tới chiếc xe mới toanh của mình. ‘Nhưng một chiếc xe Jeep chẳng đáng gì hết so với một cánh tay. Nếu có thể phó thác cánh tay cho Thượng Đế, thì tại sao lại không thể phó thác chiếc xe Jeep mới toanh?’ Ngay lúc đó, tôi ý thức được âm thanh của máy xe, nó vẫn còn chạy! Tôi chậm chạp khiến cho mình đứng lên, và tắt bộ phận đánh lửa. Khi tôi làm vậy, thì anh Brodjo và Giác Nguyên đang nhọc nhằn ra khỏi chiếc xe. Chẳng bao lâu, họ đứng bên cạnh nó và kiểm điểm lại tình cảnh mình là điều chỉ cho thấy một vài vết thâm tím nhỏ nhoi. Thấy mọi người được bình an, tôi ước lượng tình trạng chiếc xe Jeep của mình. ‘Thôi, mình cũng không cần phó thác chiếc xe này cho Thượng Đế; với một cái xác mới, nó sẽ chạy trên đường trở lại.’

Khi bộ ba chúng tôi ngồi trên lề đường, một chiếc xe đi qua và dừng lại. Người lái xe có lòng tốt đề nghị chở chúng tôi về nhà, nhưng tôi hỏi ông có thể đem mình tới bệnh viện gần nhà hay không. Cả anh Brodjo và Giác Nguyên đều yêu cầu được chở thẳng về nhà.

Tôi nhận diện được cái hồn người tìm cách giết mình; đó cũng là cái hồn đã nhập vào ông chủ tiệm bán đồ phụ tùng xe. Cái thực thể tâm linh đã đến cứu tôi là nội ngã của Bapak.

Có một điều kí thú khác mà tôi nghiệm được liên quan tới tai nạn; điều này có vẻ kì quái, và chính tôi cũng không hiểu tại sao; nhưng trong khi trở về Jakarta từ chỗ bị tai nạn với một cánh tay bị gãy, tôi cảm thấy mình đang trở về từ một chiến trận đã thắng. Điều đó khiến tôi choáng váng lấy làm lạ, vì mình đã không đánh một trận nào. Tuy nhiên, cái ấn tượng đó vẫn còn tồn tại. Tai nạn đó xảy ra trên con đường Jakratar-Bogor xưa cũ, trên đường chúng tôi trở về nhà. Tuy đó là một đại lộ chánh, nhưng hồi đó nó vẫn còn chật hẹp, giống với một hương lộ của Mĩ. Bapak ngồi đằng sau với cô con gái mình là Hardijati. Người lái xe là một hội viên Subud tên là Sudibjo. Tôi ngồi gần anh, và một hội viên Subud khác ngồi gần tôi.

Hôm đó Sudibjo lái xe thiếu thận trọng, và có ý định vượt qua một chiếc cam nhông chạy nhanh, nhưng kè lái chiếc xe đó không chịu nhường chỗ cho qua. Sau nhiều lần thử vượt qua mà không thành công, Sudibjo trở nên nóng nảy. Anh tăng tốc độ, nhưng chiếc cam nhông chạy xéo qua để chặn đường, và chúng tôi bị dồn ép vào lề đường. Đột nhiên, một cột điện thoại hiện ra lơ mờ trước mặt chúng tôi. Chỗ đó chiếc xe không thể lèo lái được. Một ý nghĩ chạy qua đầu óc tôi : 'Đây sẽ là điều khiến cho cuộc đời và sứ mệnh của Bapak chấm dứt.' Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên là chiếc xe của mình lại đổi hướng, và hoàn toàn quay ngược để đậu lại trước cái hướng đối diện. Ngay lúc đó, chiếc xe xoay tròn, không đụng vào cả chiếc cam nhông lẫn cột điện thoại. Một lần nữa, tất cả những điều đó tôi cảm thấy như một cuốn phim quay chậm. Như trong tai nạn xảy ra gần đó sau này, tôi trải qua điều đó trong một trạng thái điềm tĩnh và sáng suốt. Cái khoảng cách giữa chiếc cam nhông và cây cột eo hẹp tới nỗi chiếc xe của chúng tôi không thể vượt qua, tuy nhiên chiếc Chevrolet Impala đã quay lại đúng theo hình chữ U. Điều này như có ai đó nâng nó lên cao, như một món đồ chơi. Bapak mỉm cười, nhưng nhận xét mình cảm thấy như có một trọng lượng đè ép lên mình. Sau khi nghỉ ngơi vài phút, chúng tôi tiếp tục lên đường. Ngay sau đó, một trận mưa nặng đổ lên đầu chúng tôi,

và buổi chiều bị bóng tối bao phủ. Đó là một không khí kì quái, hình như thiên nhiên muốn bày tỏ lòng thiện cảm và kính trọng đối với con người được Thượng Đế phái tới và được thoát khỏi một tai nạn tệ hại. Tôi cảm thấy thật gần gũi với Thượng Đế, và mang ơn Ngài vì điều trái qua đó.

‘Sự phản ứng’ kì quái đó của thiên nhiên khiến tôi nhớ tới một điều xảy ra cũng y như vậy trước đây.

Một vài tuần trước cuộc đảo chánh thất bại của Cộng Sản, Bapak cảm thấy không được khỏe. Người đến nghỉ ngơi tại một nơi miền núi tên là Sirnagalih, Tây Java. Theo lệnh của thủ tướng, tiến sĩ Subandrio, Hội Đồng Quốc Gia Subud Indonesia bị viên chức lí về điều tra gọi lên làm việc. Hội trưởng Subud, Ngài Tiến Sĩ Achmad Subardjo, vị tổng trưởng ngoại giao đầu tiên của nước Cộng Hoà Indonesia, và ông phó hội trưởng, một thương gia là bạn thân của tôi, đi dàn xếp vấn đề đó. Tôi được Bapak phái đi để trợ lực họ.

Trên đỉnh cao của quyền thế, viên chức lí không bày tỏ sự tôn kính cũng như nể nang với tiến sĩ Subardjo, một trong những người đã sáng lập ra nước Cộng Hoà Indonesia. Viên chức đó gào thét và la hét, hạ lệnh cấm không cho tiếp tục hội họp. Bapak phái con rể mình là Sjafrudin đi kiểm tôi, để nhờ tôi tường thuật về những điều mắt thấy tai nghe về cuộc họp đó. Tới căn nhà nhỏ một tầng nơi Bapak ở, tôi thấy Sudonohardjo và tiến sĩ Musa Surnajatadjumena đã có mặt tại đó.

Tôi thuật lại cho Bapak hay về cuộc họp. Một cách nghiêm trọng, người nói: ‘Bapak cảm thấy không được khỏe, không phải thể chất không được bình thường vì một nguyên nhân nào đó, nhưng là vì cái không khí trên đất nước đã trở nên rất nóng bỏng và dễ bùng nổ.’

Tiến sĩ Djumena nói: ‘Bapak, tôi nhớ thật rõ lúc chúng ta còn ở Tích Lan. Hồi đó ông thủ tướng [tiến sĩ Bankaranaike] yêu cầu Bapak rời khỏi Tích Lan trong vòng 48 tiếng, vì ông sợ Subud sẽ làm hại đạo Phật là

quốc giáo. Liền sau đó, tiến sĩ Bankaranaike bị một nhà sư bắn chết. Tôi thực sự lấy làm lo cho định mệnh của tiến sĩ Bankaranaike. Điều gì sẽ xảy ra với ông ấy ?’

‘Cá nhân Bapak không giận ông ấy. Nhưng Bapak không thể bảo đảm là nội ngã Bapak sẽ chấp nhận điều đó. Tuy nhiên, Bapak sẽ cầu nguyện cho mọi người,’ là câu trả lời.

Ngay lúc đó, một tiếng sấm nổ, và liền sau đó một trận mưa nặng đổ xuống từ trên trời. Buổi chiều bị bóng tối bao phủ. Tôi cảm thấy hình như thiên nhiên đã có thiện cảm với Bapak.

Liền sau khi Cộng Sản bị đánh bại, thì tiến sĩ Subandrio và viên chưởng lí bị kết án tử hình.

Sau khi mua nông trại, tôi càng lúc càng phấn khởi với kinh doanh nông nghiệp - trồng lúa, ngũ cốc, củ hành, cây ớt, cây lạc và thuốc lá. Có 15 người làm việc cho tôi. Tôi có một chiếc xe cày với cánh quạt và một cultivator¹⁵ được đặt mua, tất cả đều được chở qua từ Úc bằng máy bay. Tôi tạo thêm công tác cho mình bằng cách thuê của nhà nước một khu đất 70 mẫu Anh để canh tác thêm.

Khi Bapak trở về nước trong chuyến đi thế giới 1969, tôi đã không thể có mặt tại phi trường để đón chào người, vì bận rộn việc nông trại. Tuy nhiên, liền sau đó có một thư tín đến cho hay Bapak muốn lập tức gặp tôi. Tôi trở về nhà ở Cilindak, và buổi chiều Bapak đến tư gia của tôi.

‘Bapak đã hứa với các hội viên ở Mỹ là sẽ phái con tới đó. Con phải chuẩn bị đi càng sớm càng tốt,’ người nói với tôi.

‘Khi nào, Bapak ?’ tôi hỏi.

‘Con nên đi trong vòng một tuần !’ Tôi cứng họng.

Rồi Bapak nói ‘Lần này con không chỉ đi du lịch; Bapak muốn con lưu lại đó nhiều năm, với tư cách là đại sứ đầu 15 máy dùng để xới đất, diệt cỏ dại vv...

tiên của Bapak. Cứ đem theo bà vợ và hai đứa bé nhỏ tuổi nhất của con.' Tôi lấy lại giọng nói, 'cái kinh doanh nông nghiệp của con ra sao đây, Bapak?' Về điều đó Bapak đáp, 'Con có thể lựa một nhân viên quản lí chăm nom việc đó.'

Thực vậy, chúng tôi sẵn sàng ra đi trong vòng một tuần ; tuy nhiên chúng tôi phải đợi chờ vé máy bay mua ở Hoa Kỳ.

Khi tôi dò hỏi văn phòng hãng PAN AM ở Jakarta về những vé đó, nhân viên quản lí nói không có một thư tín nào cho hay về việc đó, nhưng rồi ông lại nói thêm : 'Để tôi coi Telex lại.' Khi chúng tôi đến gần máy, thì ngay lúc đó người ta nhận được những thông tin về vé máy bay của tôi.

Ngày 14 tháng 8 1969, tôi đáp xuống Honolulu với bà vợ mình, Rukmiwati, đứa cháu gái nhỏ được hai tuổi rưỡi là Hartiutami và đứa cháu trai 9 tháng là Sutomo, biệt danh Tomito.

Chân văn hoá

Một nhóm hội viên Subud chào đón chúng tôi tại phi trường Honolulu. Chúng tôi được đem tới căn phòng của vợ chồng Snedeker, nơi chúng tôi dùng một vài món ăn nhẹ. Sau đó, chúng tôi đến phòng tập latihan, nơi tôi có một buổi nói chuyện sau xuất latihan.

Hai đứa con nhỏ tuổi của chúng tôi cảm thấy chúng ở trong một môi trường xa lạ; tuy nhóm Subud đã kiếm cho chúng tôi một người giữ trẻ hộ - một cô gái Mã Lai là hội viên dự bị trong Subud - nhưng Harti và Tomito thường khóc cho tới khi buồn ngủ. Khi về nhà, chúng tôi cảm động trông thấy bé Hartiutami, trên lông mi vẫn còn ngấn lệ, ôm lấy đứa em trai nhỏ của nó trong lúc ngủ. Nó hết lòng che chở đứa em trai nhỏ.

Michele và Ludwig von Royk Lewinsky đi từ chỗ ở của họ trên hòn đảo lớn của Hawaii, để đến Honolulu chào đón chúng tôi. Họ nài nỉ chúng tôi đi theo họ đến nhà họ chơi. Trên đường đi, chúng tôi đi ngang qua một nông trại, nơi bé Tomito trông thấy một con ngựa, và chúng tôi hầu như bắt buộc phải nghe những tiếng la hét 'kuda, kuda' của cháu khắp trong xe. Chúng tôi dừng xe lại và nấn ná hơn nửa tiếng đồng hồ, trong khi đứa bé say mê chăm chú nhìn con 'kuda' [ngựa] Cháu cay đắng khóc khi chúng tôi tiếp tục lên đường. Sau này cháu quả thực trở thành một kẻ yêu thích ngựa, và khi được ba tuổi thì đi trên lưng

ngựa theo nhóm những người hát ở Mexico, đuổi bắt bò đực con và la hét om sòm. Những năm sau đó, ngay cả những con thú thuần chủng cứng đầu nhất cũng phải tình nguyện tuân theo mệnh lệnh cháu. Hartiutami sinh ra trong kì lễ vọng một ngàn ngày¹⁶ và là đứa con thứ chín của chúng tôi.

'Harti' nghĩa là người con gái của Hartono, và 'utami' nghĩa là tuyệt hảo. Cháu là một cô gái xinh đẹp.

Sutomo sinh ra sau khi chúng tôi thực hiện xong lễ vọng một ngàn ngày, và là đứa con thứ mười của chúng tôi, đứa út. 'Su' nghĩa là nhiều và 'utomo' cũng có nghĩa là tuyệt hảo. Tất cả những con cái của chúng tôi đều được Bapak đặt tên cho.

Khi bà vợ tôi vào bệnh viện để sinh cháu Tomito, các y sĩ phụ trách cho tôi biết họ không chịu trách nhiệm về việc sinh đẻ đứa bé, nếu tôi không cung cấp cho họ tối thiểu hai lít máu, để họ truyền vào vợ tôi, vì bà rất yếu mệt và đang sinh ra đứa con thứ mười. Có những hội viên Subud từ khắp nơi tới thăm Cilindak, và khi họ nghe nói tới điều đó, mọi người đều tới bệnh viện xin cho máu mình được thử nghiệm, để có thể tặng cho Rumiwati, theo điều họ làm được. Tất cả những người đó tổng cộng cho được hơn hai lít máu. Tuy nhiên suốt lúc sinh đẻ, không một giọt máu nào được cần tới, nhưng tôi rất đội ơn Thượng Đế vì sự che chở của Ngài. Sutumo sinh ra với một thân thể nhỏ bé, nhưng tôi có thể thấy nội ngã nó lớn hơn nội ngã tôi.

Trước khi tôi rời khỏi Indonesia để tới Hoa Kỳ, bà Ibu quá cố nói với tôi: 'Ibu nghe nói Bapak phá con qua Mĩ. Trời, bên đó thì rất nặng nề. Ibu cảm thấy như có hàng trăm chiếc búa đập lên đầu mình. Ibu cầu xin Thượng Đế Toàn Năng sẽ che chở và hướng dẫn con.'

16 thousand days vigil: tác giả không cho biết điều đó là gì, có lẽ là một tập tục nào đó của người Java.

Khi chiếc máy bay đem chúng tôi từ Hawaii tới lục địa Hoa Kỳ đang bay vòng trên Los Angeles, tầm lớn cái thành phố đó gây ấn tượng với tôi. Và đúng vậy, tôi cảm thấy nhức đầu đau buốt. Ibu nói đúng; quả thực có hàng trăm chiếc búa đập lên đầu tôi. Tại Trung Tâm Tâm Linh Quốc Tế ở Cilandak, chúng ta thường sống trong một không khí tâm linh nhẹ nhàng, nhưng đi ra ngoài vào thế giới vật chất, chúng ta bị một loại rung động khác chạm vào. Chúng ta chỉ việc phải sống và làm quen với điều đó. Điều này thì dễ hơn, nếu chúng ta tự cô lập mình tại một nơi chốn hẻo lánh trong rừng rậm hay trên đỉnh núi, để tránh né cảm dỗ.

Lối sống (thích hợp) không là tránh né cảm dỗ, mà là làm chủ được nó, và chúng ta chỉ có thể làm chủ được nó, nếu chứa đầy Ánh Sáng của Thượng Đế. Chính Ánh Sáng của Thượng Đế là điều có thể che chở chúng ta khỏi bị cám dỗ, và giúp chúng ta sống trong lòng cám dỗ mà không bị nó ảnh hưởng hay tác động tới. Điều đó trong tiếng Java gọi là *Topo ing rame*, nghĩa là theo một lối sống khổ hạnh trong lòng sự xáo trộn của thế gian. Việc này làm thì khó hơn nhiều, nhưng đồng thời cũng là điều khiến ta được nhiều công đức hơn là theo một đời sống khổ hạnh trong cô tịch. Chúng ta không chạy trốn khỏi thế gian; đúng hơn, bổn phận chúng ta là đóng góp tất cả những gì có thể để cải biến thế gian.

Ngày kế tiếp sau khi tới Los Angeles, tôi đến cơ quan đầu não của Subud và bắt đầu lập văn phòng của mình tại đó. Tôi nhận thấy tổ chức Subud bị nợ nần, thậm chí cái vé máy bay mua để đến đất nước này cũng đã được mua bằng tín dụng. Tôi cũng thấy hội viên thiếu phần khởi. Ban đêm, nội ngã Bapak đến báo cho hay tôi phải đi đây đó. Và lập tức tôi ra đi. Hai hội viên Subud từ Vancouver, Canada, lái xe về nhà từ Los Angeles, mời tôi đi chung với họ. Họ báo trước cho Vancouver và Seattle, và liền sau đó người ta sắp xếp cho hội viên tụ tập tại những vùng lân cận, để họ gặp mặt tôi. Đi xe với hai hội viên Vancouver tới miền Tây Bắc là khởi điểm của những chuyến đi trong

nội địa Hoa Kỳ. Cuối cùng tôi đến thăm nhiều nhóm cũng như nhiều hội viên cô lập trên khắp đất nước. Người ta bắt đầu thấy phấn khởi, và hội viên vui vẻ gia nhập sinh hoạt của nhóm.

Để cho cơ cấu tổ chức hoạt động hiệu nghiệm hơn, tôi xúc tiến việc thành lập những tổ chức địa phương. Do đó Subud Hoa Kỳ chia thành 7 vùng, đó là: Subud Pacific Islands, Subud California, Subud Tây Bắc Pacific, Subud Rocky Mountains, Subud miền Nam, Subud miền Trung Tây, Subud bờ biển miền Đông. Khi sau này thư tín của Bapak đến bảo tôi lo toan việc thành lập những tổ chức địa phương, thì những cái đó đã được thành lập rồi.

Bapak đã từng nói với tôi : 'Những gì con nghe được từ cái bên ngoài của Bapak giảng giải, là những cái giới hạn. Sau này tới lúc con sẽ gặp được Bapak trong thế giới tâm linh. Nơi đó nội ngã Bapak sẽ nói chuyện với nội ngã con, và mọi điều sẽ rõ ràng hơn với con.'

Thực vậy, tuy thể xác Bapak có thể ở rất xa, nhưng nội ngã Bapak thì ở khắp nơi, và sẽ đến hướng dẫn tôi bất cứ lúc nào cần.

Có trường hợp những điều nội ngã Bapak nói lại trái ngược với những điều cái bề ngoài của Bapak nói. Tôi đưa vấn đề đó ra và hỏi : 'Bapak, khi những điều nội ngã Bapak nói khác với những điều cái bề ngoài của Bapak nói, thì con nên theo bên nào?' Người đáp : 'Tất nhiên con nên theo cái bên trong của Bapak. Đó là chân lý tuyệt đối, trong khi cái bên ngoài của Bapak chỉ là một người bình thường.'

Tuy Subud Hoa Kỳ thuê cho chúng tôi một căn nhà ở Los Angeles, nhưng những chuyến đi thường xuyên của mình khiến chúng tôi ít khi được ở nhà. Một vài tháng sau khi chúng tôi đến Mỹ, có điều này là một vài hội viên vùng bờ biển miền Tây mua một cái trại trước đó dành cho thiếu nhi, Skymont, gần Front Royal, Virginia, và tuy chưa mua đứt được nó, chúng tôi đã dời tới đó. Càng lúc càng

có nhiều hội viên cảm thấy sự hấp dẫn của Skymont, nên họ dời tới đó với gia đình. Chẳng bao lâu, nơi chốn đó biến thành một trung tâm Subud.

Có lần Bapak nói : 'Trước kia, các cộng đồng tôn giáo đều trở thành cội nguồn của chân văn hoá là một đặc ân trong hình thức một nguồn cảm hứng từ Thượng Đế. Nguồn cảm hứng được ban cho họ do kết quả cuộc đời đạo hạnh chân thành của họ. Do lòng mộ đạo, một vài người sống trong những cộng đồng đó đã tiếp nhận được sự giác ngộ.'

Tất cả các loại võ thuật ban đầu đều xuất phát từ các tu viện hay chùa chiền của tôn giáo. Sau khi tiếp nhận được sự giác ngộ, ta tiếp nhận được những động tác tự nhiên. Hồi đầu, những động tác đó đều thô kệch, thiếu nhịp nhàng hoặc hệ thống. Dần dần những cái đó biến thành những động tác võ thuật. Một loại võ thuật được tiếp nhận và phát triển theo cách đó luôn luôn tương ứng và thích ứng với tình trạng thể chất của người tiếp nhận. Nói cách khác là loại võ thuật đó thích hợp như một bộ áo được may cho người tiếp nhận. Vì người tiếp nhận tiến bộ về mặt tâm linh, nên những động tác mình tiếp nhận càng lúc càng trở nên uyển chuyển và tinh tế, phát triển thành những nghệ thuật nhảy múa, ca hát và làm nhạc.

Có một cộng đồng Subud như Skymont, chúng ta hi vọng sẽ tiếp nhận và phát triển được chân văn hoá.

Chân văn hoá là gì ?

Chân văn hoá không là một kiến thức chuyên môn đạt được nhờ giáo dục, học hỏi và tập luyện, mà là một tài nghệ nảy nở bên trong bản thân mình.

Làm sao có thể biết và làm được điều gì mà không học hỏi của người khác? Ta luôn có thể biết và làm được điều gì là thiên tính, thiên tư của mình, y hệt như một đứa bé bú sữa từ vú người mẹ, hoặc một con cọp phát triển cái

năng khiếu hay tài nghệ sẵn mồi mà không học hỏi của một con thú khác. Hoặc ta hãy xem xét cách một con chim xây tổ chỉ bằng cách theo bản năng của nó. Hoặc một loại cây có thể tự nhiên mang hoa quả, theo bản tính của nó.

Thiên khiếu của con người cũng nên được tự nhiên nảy nở và phát triển. Nhưng bởi những con người như chúng ta có dục vọng và trí tuệ, nên cái dục vọng và trí tuệ đó thường khiến chúng ta đi lầm đường. Khi còn là một đứa bé, chúng ta tuân theo bản năng mình. Nhưng khi chúng ta lớn lên, thì nhiều loại sinh lực xâm nhập vào mình, và điều đó càng lúc càng tiếp tục thêm qua những điều chúng ta trông, nghe, ngửi, cảm và nếm thấy. Tất cả những sinh lực mà tôi đã đề cập tới trước đây như vật chất, thực vật, thú vật và con người, đã thành công trong việc thấm càng lúc càng sâu hơn vào bản năng và nội ngã chúng ta, sâu tới nỗi phần đông chúng ta đã không làm chủ được bản năng và nội ngã mình, và không còn cảm thấy sự tồn tại của những thuộc tính đó bên trong mình.

Đó là nguyên nhân khiến chúng ta phải trở về trạng thái một đứa bé để có thể giao tiếp với Thượng Đế. Là trẻ thơ, cuộc sống chúng ta không bị sự chế ngự của những sinh lực từ bên ngoài, nhưng được Thượng Đế hướng dẫn qua bản năng mình. Là con người, chúng ta cần tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, vì chỉ Thượng Đế mới giúp được chúng ta trở về trạng thái một đứa bé trong trắng hay thanh khiết.

Làm sao ta tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế?

Chỉ do ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Đôi lúc Thượng Đế Toàn Năng ban cho những người được lựa chọn sự giao tiếp với Ánh Sáng của Ngài. Tuy không có gì bảo đảm là ta sẽ tiếp nhận được, nhưng mỗi tôn giáo đều nhận được một sự hướng dẫn hay chỉ dẫn về sự giao tiếp đó. Trong đạo Hồi chẳng hạn, điều chỉ dẫn là nên làm tròn năm bốn phận của đạo:

1) Cái Syabadah hay sự tuyên bố là không có Thượng Đế nào ngoài Allah và Muhammad là ngôn sứ của Allah.

2) Cái Solat hay làm lễ 5 lần mỗi ngày.

3) Trai giới trong tháng Ramadhan.

4) Cái Zakat Fitrah hay sự bố thí cho người nghèo.

5) Cái Hadj hay cuộc hành hương tới Mecca.

Bằng cách chân thành và tận tâm làm tròn 5 bốn phận của đạo, điều mong ước là người đàn ông hay đàn bà sẽ không chìm đắm quá mức trong lạc thú và đam mê của cuộc sống thế gian. Trai giới Ramadhan là điều khó nhất đối với phần đông mọi người, nhưng do trai giới từ tăng sáng tới lúc mặt trời lặn, điều mong ước là dục vọng và đam mê của con người sẽ yếu đi.

Sau khi trai giới 20 ngày, tình trạng nội tâm của một người nào đó có thể ở trong một hoàn cảnh thuận tiện để giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Tiếp nhận sự giao tiếp đó trong tháng Ramadhan được gọi là tiếp nhận cái Lailatul Qodar. Điều được khuyên răn là ta nên thức đêm sau khi đã trai giới 20 ngày, với hi vọng là trong 10 ngày cuối cùng của trai giới, ta may ra tiếp nhận được cái Lailatul Qodar, hoặc sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Ngoài ra, một người Hồi giáo cũng được khuyên là đừng tự cô lập mình. Người Hồi giáo là đàn ông hay đàn bà được khuyên nên làm lễ chung trong chùa cùng với những người khác, nên hành hương tới Mecca với hi vọng là sẽ gặp được một người đã tiếp nhận được sự giác ngộ hoặc giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, và nhờ đó ta sẽ được giác ngộ. Tuy nhiên, do những áp lực càng lúc càng nặng nề của đời sống hiện đại, ta càng lúc càng thấy khó khăn được trong trạng thái tiếp nhận cái lailatul Qodar. Thiên hạ đã bị áp lực nặng nề của các sinh lực hạ đẳng, ngay cả trước khi họ sinh ra, vì phần đông, trong lúc người mẹ mang thai, là hậu quả của một sự giao cấu do sinh lực hạ đẳng thúc đẩy. Do đó để cứu thoát nhân

loại hoàn toàn khỏi bị diệt vong, Thượng Đế Toàn Năng đã phái Subud xuống thế gian qua một người được Ngài lựa chọn: Bapak Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo.

Subud hình như là đáp án đối với sự thách thức của thế giới hiện đại. Pak Subuh tượng trưng cho một nhà máy điện rất mạnh, để Ánh Sáng của Thượng Đế hoạt động. Nhờ Bapak, một kẻ đang chết như tôi đã được bình phục, và trên thực tế còn cảm thấy mình có sức sống nhiều hơn ngay cả trước đó. Nhờ Bapak, một kẻ tàn tạ về thể chất như tôi có thể khiến cho trở thành một chiếc tàu ra khơi đã đi trên bầy đại dương của thế giới. Đối với tôi, đó là cái bằng chứng sống động về việc sứ mệnh của Bapak có một tầm vóc lớn.

Thông qua Subud, Thượng Đế Toàn Năng đã không phái tới cho nhân loại những giáo lí, vì những cái đó đã được ban cho ta qua những thông điệp trước đây của Thượng Đế. Và thông qua Subud, Thượng Đế Toàn Năng đã đem tới Ánh Sáng Bản Thân Thượng Đế vào thế gian, để hướng dẫn người đàn ông và đàn bà ra khỏi bóng tối; một Ánh Sáng có thể tổng khứ sinh lực hạ đẳng khỏi nội ngã; một Ánh Sáng có thể cho nội ngã một người nào đó một chút sự sống, khiến cho một bào thai lớn lên thành giai đoạn một hài nhi, và từ giai đoạn đó tới giai đoạn của một người hoàn toàn trưởng thành. Và khi nội ngã một người nào đã hoàn toàn trưởng thành, thì thiên khiếu của đương sự bắt đầu phát triển. Chính cái thiên khiếu được phát triển đó tạo nên văn hoá, một văn hoá sống động vì được Ánh Sáng của Thượng Đế gợi hứng, và chứa đầy cái Ánh Sáng đó.

Về trường hợp của bản thân mình, tôi chưa từng được đào tạo và giáo dục như một tu sĩ, nhưng đã được Thượng Đế hướng dẫn để làm việc và hành động như một tu sĩ chỉ cho thiên hạ thấy con đường tới Thượng Đế. Trước khi vào Subud, tôi đã không thể nói chuyện trước công chúng; đối với tôi nói một vài câu trước một hội nghị của sinh viên là điều khó khăn, ngay cả với sự trợ giúp của những điều

được ghi chép. Tuy thế, hiện nay do Ý Thượng Đế, tôi có thể nói chuyện hàng tiếng đồng hồ trước một cử tọa mà không cần ghi chép gì hết, không ai đã dạy cho tôi những bí thuật về cách làm điều đó. Và nhờ thiên khiếu, tôi đã có thể viết một luận án tiến sĩ mà không lấy tài liệu trong những cuốn sách khác. Tất cả những điều đó xuất phát từ bên trong do kết quả nguồn cảm hứng và sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Tôi chỉ dùng một vài trang để mô tả chân văn hoá, nhưng trên thực tế điều đó có thể đòi hỏi nhiều thời gian, và thậm chí ta không thể chắc chắn là trong kiếp sống mình nội ngã sẽ đạt tới cái tình trạng trưởng thành, để tạo nên những thành quả của chân văn hoá.

Ở Skymont, mọi người chúng tôi đều thử sống trong một cộng đồng Subud với hi vọng là mình có thể trợ giúp nhau trong sự tiến bộ về tâm linh. Trong cái cộng đồng đó, điều tối thiểu là ta không thể tránh né được việc tập đều đặn latihan hai lần mỗi tuần. Bằng cách tập latihan chung với nhau, sự tăng trưởng của jiwa hay nội ngã được kích thích. Những người trong cộng đồng được gợi hứng chơi nhạc, ca hát, viết nhạc, biên đạo múa¹⁷ nhảy múa, khâu may, làm những nghề tay chân, làm việc trong vườn hay những công việc nhà nông, lập nên những kinh doanh thương mại, vân vân. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy sức lực mình được tăng cường rất nhiều, và khi đến lúc ra đi, tất cả chúng tôi đều đi tới những phương hướng và nơi chốn dành cho mình.

Hoá học tâm linh

Sau khi làm việc được hai năm trong ranh giới của Hoa Kỳ, tôi bắt đầu đi đây đó xa hơn. Tôi đến thăm những nhóm ở Canada, và sau đó phải đi tới biên giới miền Nam của Hoa Kỳ, để tới một số quốc gia: Mexico, Trung Mỹ, Colombia, Ecuador, Peru, rồi Chí Lợi, Á Căn Đình, Uruguay, Brazil, Surinam, Venezuela.

Trước khi đi xuyên qua Canada, tôi đã gặp một vài hội viên Canada đến thăm mình ở Seattle, Chicago, Skymont và những nơi chốn khác tại Mỹ. Nhưng năm 1971 tôi đi qua biên giới tới quê hương họ, và tới thăm những nhóm ở Vancouver, Victoria, Calgary, Ottawa, Montreal, Toronto, và bất cứ nơi nào khác có những trung tâm và nhóm nhỏ.

Điều đáng kể là cuộc sống bên đó bình yên hơn ở Hoa Kỳ. Nói chung, thiên hạ bình thản hơn, trầm lặng hơn và điềm đạm hơn; ở đó sinh lực thực vật rất mạnh. Ta có thể lập tức cảm thấy sự khác biệt của những rung động, sau khi đi qua biên giới giữa hai quốc gia.

Tuy đất đai của Canada có phần rộng hơn của Hoa Kỳ, nhưng số dân cư lại ít hơn. Ở đó ảnh hưởng của những môi trường xung quanh thiên nhiên trội hơn ảnh hưởng của sinh lực vật chất. Mặt khác, sinh lực vật chất lại trội hơn trong những đô thị lớn của Hoa Kỳ như Los

Angeles, Chicago và New York.

Ta có thể sánh thân thể con người với một bình chứa. Những sinh lực là linh hồn 4 phạm trù thuộc về những tạo vật của Thượng Đế [đó là những sinh lực vật chất, thực vật, thú vật và con người] có thể xâm nhập vào thân thể.

Trước khi vào Subud, đầu óc tôi chứa đầy sinh lực vật chất. Sau khi tôi tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, cái Ánh Sáng đó dần dần thẩm nhập vào đầu óc tôi. Kết quả là đầu óc tôi trở nên sống động. Trong khi điều đó xảy ra, thật khó nhận thấy sự tương phản; tôi cảm thấy sinh lực vật chất là một gánh nặng trong đầu mình. Vì nhiều sinh lực vật chất được ép vào đó hết năm này tới năm khác, nên chúng đã kết tinh lại. Nhìn theo quan điểm tâm linh, thì đó là một hòn núi có đầy đá sỏi đè nặng lên vai tôi trong tất cả những năm tháng đó, và mang một đầu óc như thế đi đây đó thực sự là điều rất nặng nề. Cái hòn núi đầy đá sỏi đó phải được dọn dẹp, và chỉ Ánh Sáng của Quyền Lực Thượng Đế mới làm được điều đó. Ban đầu một vài cục đá được vớt bỏ, điều này như có ai đó đang đập nát những đá sỏi đó với một cái đục. Bất cứ lúc nào điều đó xảy ra trong latihan, tôi thấy nhức đầu. Với thời gian, công việc phá huỷ cái hòn núi đó gia tăng cường độ. Sự đục phá không chỉ có trong latihan, mà hầu như xảy ra bất cứ lúc nào trong ngày. Đôi khi hình như có một loại chất nổ nào đó đã được dùng, để phá nổ những đá sỏi đó, và tôi cảm thấy có điều gì trong đầu mình đang bùng nổ. Ngay sau đó tôi thấy nhức buốt đầu đầu.

Trong trường hợp của tôi, điều khó khăn nhất là loại bỏ những sinh lực vật chất đã tự động biểu hiện như vậy. Điều đó mất nhiều năm tháng, và khiến tôi đau đớn. Do hệ quả của cái quá trình thanh lọc đó, tôi không chỉ bị những cơn nhức đầu kinh khiếp đó, và nhiệt độ trong và chỉ chung quanh đầu tôi thôi sẽ gia tăng không vì một động cơ vật lí rõ rệt nào.

Sinh lực vật chất là nguyên nhân khiến tôi mất ngủ, bị

căng thẳng, mang bệnh lao, và nhiều lúc hầu như bị hoàn toàn bại liệt.

Khoảng thời gian tôi dời tới Malang, phần nhiều những 'đá sỏi' trong đầu óc đã được lấy đi. Malang vẫn còn là một nơi yên lặng, khi chúng tôi tới đó. Căn nhà của chúng tôi nằm trên một đồng lúa, và sống giữa cây cối, tôi cảm thấy bình thản hơn, yên tĩnh hơn, ngay cả khi ý thức được sự thanh lọc của sinh lực vật chất đang xảy ra trong lòng mình.

Một hôm, nội ngã Bapak đến và nói: 'Bây giờ trải nghiệm. Sinh lực vật chất tác động tới óc não và thần kinh hệ như thế nào?' Lập tức tôi trông thấy xác thịt có lông và gai mọc lên từ óc não và thần kinh hệ. Điều đó khiến tôi nghĩ tới việc người nói tới sự giao tiếp trong thế giới tâm linh: 'Khi nội ngã Bapak nói chuyện với nội ngã con, mọi việc trở nên rõ rệt hơn.' Thực vậy, khi nội ngã Bapak bảo tôi trải nghiệm, tôi không chỉ nghe và hiểu được những điều người nói, mà còn có thể trông thấy tình trạng óc não và thần kinh hệ của mình.

Sáng hôm sau, mông đít tôi bị ngứa rất khó chịu. Cái cơn ngứa khiến mất bình tĩnh đó càng lúc càng trầm trọng hơn, và thêm vào đó là những nốt mọc lên cũng tại nơi đó. Có thời kì tôi bị tới 9 cái nốt cùng một lúc. Một cái nốt cũng khiến tôi đau đớn muốn điên đầu rồi, nhưng 9 cái nốt cùng một lúc thực sự là một sự hành hình tàn bạo. Tôi không thể ngồi cũng như nằm trong 3 ngày. Khi tôi than phiền về điều đó với Bapak, người nói: 'Con đã may mắn vì tất cả những sinh lực vật chất đó đã bị loại bỏ như vậy. Nếu những cái đó còn trong đầu óc mình, con sẽ bị ung thư. Và nếu nó vào ngực, điều này sẽ gây nên bệnh lao và bệnh suyễn. Con chỉ việc nên kiên nhẫn chấp nhận điều đó.' Và 'kiên nhẫn' có nghĩa là tôi phải chờ đợi tới 9 năm, cho tới khi tất cả những cơn ngứa và mụn nốt đó cuối cùng tan biến. Mỗi lần, một 'tảng đá' là sinh lực vật chất được đập vỡ thành từng mảnh nhỏ bên trong đầu óc tôi, và hoà tan thành một khối lượng có đầy chất

liệu của sinh lực vật chất, và những cái đó đi từ đầu óc tôi xuống phía dưới, xuyên qua ngực, để cuối cùng biểu lộ thành những cơn ngứa và mụn nhọt.

Sinh lực vật chất biến mất khỏi đầu óc tôi, khiến cho tự động một nơi chốn lập nên để sinh lực thực vật đi vào. Trong giai đoạn chuyển tiếp đó, tôi khai thác cái thú vui trồng hoa. Nhiều loại hoa hồng bắt đầu chen đua mọc trong vườn, to lớn và tươi đẹp tới nỗi thiên hạ nghĩ rằng chúng là thứ nhân tạo. Cùng với việc đó, tôi còn trồng thêm những cây cối để trang trí trong nhà, và tất cả những thứ đó đều tươi tốt và đẹp mắt. Hồi đó, việc chăm nom và chiêm ngưỡng chúng cũng y như việc được ở trên thiên đàng. Tôi say mê chăm sóc chúng tới nỗi quên cả ăn uống.

Thật là nhẹ nhõm hết sức được dứt khỏi những cơn nhức đầu khổ sở, và cái gánh nặng phải mang một tảng đá lớn trong đầu đi đây đó; cuối cùng là được giải thoát khỏi những cơn ngứa và mụn nhọt. Đầu óc tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn nhiều, và tôi cảm thấy an vui và điềm tĩnh hơn nhiều. Như vậy, điều đó đã thực sự là một cảm giác như được ở trên thiên đàng so với cái tình trạng đau đớn trước đây. Sự tương phản đó trong tâm cảm là điều được nhận thấy nhiều năm sau, khi tôi qua biên giới Hoa Kỳ để vào lãnh thổ Canada.

Về thế giới của thảo mộc thì có nhiều loại, mỗi loại có đặc tính riêng của nó và ảnh hưởng tới thiên hạ theo lối riêng của nó.

Sinh lực vật chất khiến cho trí óc của người đàn ông và đàn bà có đầy tư tưởng, tưởng tượng và ý niệm. Sinh lực thực vật hoạt động nhiều hơn trong cảm xúc của con người, khiến người đàn ông hay đàn bà cảm thấy yên bình, điềm đạm và bình thản. Người ta thường thực sự khó có thể tin và hiểu được rằng thảo mộc có thể tạo nên tính tình và lối cư xử của mình, nhưng điều đó có thể hiểu được là ta đã được thiên nhiên tạo nên, trước khi sinh ra. Trong khi ta còn nằm trong bụng mẹ, yếu tính của thảo

mộc đã được dùng để tạo nên mình qua những đồ mà người mẹ đã ăn.

Trong khi thịt của thảo mộc được dùng để tạo nên cơ thể, thì linh hồn của thảo mộc mà chúng ta gọi là sinh lực thực vật, đã tham dự vào việc tạo nên tính tình và lối cư xử của một đứa bé. Vì trí óc một đứa bé chỉ phát triển sau này, nên làm sao nó có thể hiểu biết những gì đã xảy ra trong lúc còn trong bụng mẹ?

Cách duy nhất để hiểu biết hoặc ý thức được nguồn gốc của một đứa bé là thông qua sự giao tiếp chặt chẽ với cái vĩnh hằng là Ánh Sáng của Thượng Đế. Đối với Ánh Sáng của Thượng Đế thì không có quá khứ, hiện tại và tương lai. Và nếu giao tiếp chặt chẽ với Thượng Đế, ta có triển vọng được Thượng Đế chỉ cho thấy những bí mật về những tạo vật của Thượng Đế được thể hiện trong khoa học là điều không khác hơn cái kiến thức về định luật của thiên nhiên, về thuộc tính của các sự vật.

Với trẻ thơ, người ta dùng khoa học để dạy cho nó hay, như đã đề cập trên kia, rằng lửa thì nóng và một ngón tay sẽ bị phỏng nếu chạm vào lửa. Một đứa bé sẽ học được điều nước đá thì lạnh, nếu cầm trên tay. Sau đó, đứa bé sẽ biết được việc bằng cách nấu nướng rau cải và thịt thà trên lửa, ta sẽ thấy ăn ngon hơn; việc bằng cách đun nước trên lửa, ta có thể tạo nên hơi nước; việc bằng cách ép hơi nước vào một bình chứa, ta có thể tạo nên một năng lượng đủ sức làm cho một cái máy chạy được. Cái kiến thức đó về thực chất của các sự vật và cái cơ cấu khoa học chi phối chúng là những điều có thể tiếp diễn tới vô tận.

Trong khám phá mới nhất về những bí mật của thiên nhiên, người ta tới chỗ biết được vật chất không là vô tri vô giác; nó sống động và như vậy cũng y như những tạo vật khác của Thượng Đế. Người ta khám phá được trong vật chất có hàng triệu phân tử, và trong phân tử có những nguyên tử gồm những proton, electron và neutron, và những cái đó thì luôn luôn chuyển động. Điều thiên hạ

chưa biết là ngoài phân tử, nguyên tử, proton, electron và neutron, vật chất còn có một linh hồn hay sinh lực. Điều đó đã không nhận ra được, vì những linh hồn hay sinh lực đó là những cái mắt phàm không thể thấy được. Tuy thế, chúng hiện hữu. Chúng là một thực tại trong thiên nhiên mà con người không thể không biết tới, và hơn bất cứ những gì khác chúng thực sự ảnh hưởng tới đời sống của thiên hạ.

Cái kiến thức về vật chất gọi là vật lí. Cái kiến thức về thảo mộc gọi là thực vật học; cái kiến thức về thế giới thú vật gọi là động vật học, và cái kiến thức về con người gọi là giải phẫu học. Nhưng ta nhận thức được một con người không chỉ là thân thể; con người có một trí óc, dục vọng và linh hồn. Do đó cái kiến thức về con người không thể chỉ giới hạn trong giải phẫu học. Vì sống trong một xã hội có trật tự với những người đồng loại và để hiểu biết người khác, nên ta cũng phải nghiên cứu luật pháp, khoa học xã hội, văn hoá hay môn học về loài người. Trong những lĩnh vực nghiên cứu đó, sinh viên nhận được bằng cử nhân. Và một kẻ muốn học cao hơn, khiến mình hiểu biết thâm sâu hơn về môn học của mình, sẽ nhận được bằng tiến sĩ. Đến đây, họ chỉ cần đi thêm một bước nữa là tiếp nhận được của Thượng Đế sự giác ngộ và do đó có thể hiểu biết được những bí mật về linh hồn hay sinh lực. Một khi đã hiểu biết được những sự việc có tính chất đó, ta sẽ trở thành một cử nhân về môn hoá học tâm linh, sẽ biết được điều gì về những sinh lực là động cơ của tư tưởng. Ta sẽ biết được những sinh lực đằng sau cảm xúc, những sinh lực gợi nên tình dục. Ta sẽ tới được tình trạng đạt đạo mà thực tế là việc ý thức được nội ngã mình. Và điều này rất quan trọng, bởi chỉ vì vậy mà ta có thể sống được một cuộc đời của chính mình. Tới điểm đó, ta sẽ không còn là nô lệ của dục vọng và sinh lực vật chất nữa, những điều khiến mình lạc lối và càng lúc càng bị kéo ra xa khỏi Thượng Đế; đó là những sinh lực vật chất tước đoạt lấy cái nhân tính của mình, khiến ta bị thoái hoá thành một con thú, một thứ cây cỏ thụ động, và tệ hơn nữa, thành một 'tội phạm' là một thân thể của một người

với một trí tuệ ác độc và một tâm cảm bằng đá.

Một đêm khi tôi ở Malang, nội ngã Bapak đến. Trong cái chứng nghiệm này, nội ngã Bapak muốn chỉ cho tôi thấy cái tiến trình về việc linh hồn của một người chết rời khỏi thân thể như thế nào, khi đương sự chết. Như thường lệ, trong thế giới tâm linh những điều được giảng giải không chỉ bằng ngôn từ, mà là việc tôi có thể thực sự thấy được những điều được nói tới hay giảng giải. Và ngay lúc đó, tôi trông thấy linh hồn đương sự rời khỏi thể xác. Ông là một hội viên Subud đã nhiều năm tập latihan. Ông sẵn sàng chấp nhận cái chết. Nội ngã ông đã đạt tới tình trạng của cảnh giới thực vật - hay cái cảnh giới thứ nhì của sự phát triển nội tâm - và màu sắc linh hồn ông là màu xanh lá cây. Tuy hồi đó quả thực đương sự vẫn còn sống, nhưng cái trải nghiệm đó cho thấy nội ngã ông sẽ như thế nào khi ông chết, hoặc tới lúc ông chết.

Tuy không là cái cảnh giới cao nhất về sự phát triển nội tâm của một người, nhưng điều đó đã khá hơn nhiều so với những điều của phần đông thiên hạ. Tối thiểu ông đã tiếp nhận được ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng trong hình thức của sự giác ngộ.

Sau khi một người tiếp nhận được sự giác ngộ, và tuy điều đó chỉ là cái cảnh giới thứ nhất của sự phát triển nội tâm, nhưng dù sao thì đó cũng là một lợi thế đáng kể, vì nội ngã đương sự đã sống lại và sẽ phát triển từ một tia sáng nhỏ bé thành một ánh sáng lớn hơn. Sau này, đương sự sẽ ý thức được sự hiện hữu của nội ngã mình. Nói cách khác là ta sẽ tới chỗ đạt đạo, đó là sự nhận thức được ngoài cái Tôi ra còn có một 'nhân vật' khác trong lòng mình. 'Nhân vật' đó có thể điều chỉnh lại nội ngã mình, nếu nó bắt đầu đi lạc hướng, hay bắt đầu làm điều bậy. Hành động đó, trong những giai đoạn đầu tiên nhất, được cảm thấy như một bản năng. Trong cái thế giới hiện đại, nơi sinh lực vật chất rất mạnh, chỉ có thật ít người đã khiến cho cái tri giác nội tâm đó được hồi sinh; với những người hiện đại thì điều đó không còn hoạt động được tới

một mức độ đáng kể, thế nhưng đó lại là một phương tiện quan trọng nhất để giao thông với Thượng Đế. Thông qua bản năng hay trực giác, chúng ta có thể tiếp nhận của Thượng Đế sự hướng dẫn.

Vì cái ánh sáng ban đầu chỉ là tia sáng nhỏ li ti bắt đầu khuếch trương, nên nó sẽ phát triển cho tới khi bao bọc cả cái thân xác trong đó nó cư ngụ. Trong triết học Java, một tình cảnh hay trạng thái như thế được gọi là 'kodok hangumuri leng', hiểu theo nghĩa đen là 'một con cóc che đậy cái lỗ của nó.' Một bộ óc biết suy nghĩ sẽ nói điều đó không thể có được; làm sao một con cóc có thể che đậy cái lỗ trong đó nó sống? Cái nghĩa bóng được đề cập tới là trạng thái phát triển nội tâm của một người mà linh hồn đã vượt ra ngoài những giới hạn của thể xác. Một người mà trí óc đã phát triển tới cái mức đó có thể cảm thấy hay nhận biết được trí óc và tâm cảm của những người khác. Cái linh hồn hay nội ngã đó không chỉ cho những chỉ dẫn thông qua bản ngã hay trực giác, mà còn có thể hoạt động như một máy radar tâm linh nhận biết được những tình cảnh chung quanh mình.

Điều đó khiến tôi nhớ tới một buổi nói chuyện với những vị tù trưởng của người Anh Điêng¹⁸ Hopi tại khu vực của họ gần Hotevilla, Arizona. Tôi nói chuyện qua trung gian một người thông ngôn là người con của một trong những vị tù trưởng đó. Tôi nói: 'Thưa các anh em, các bạn nên hãnh diện vì đã có những tổ tiên minh triết.' Họ cùng nắm tay đập lên bàn ba lần coi như một dấu hiệu đồng thuận.

'Tôi nhận thấy các vị tổ tiên minh triết của các bạn đã để lại cho các bạn một truyền thống theo đó các bạn được tự do để bộ tóc đẹp của mình mọc dài tới ngang vai.'

Một lần nữa, họ lại nắm tay đập lên bàn ba lần.

'Tôi tin chắc các bạn đồng ý với tôi là những vị tổ tiên minh triết của các bạn đã để lại cái truyền thống đó với một mục đích thâm sâu, chứ đó không là điều gì phù

¹⁸ Indians: người Mĩ da đỏ.

phiếm.'

Lần này, họ không lập tức nắm tay đặt lên bàn, nhưng họ do dự, người này nhìn người kia. Một người trong đám gật đầu, và những người kia đều đồng thuận. Khi không còn điều gì để nói nữa, họ lại nắm tay đập lên bàn ba lần.

'Theo thiển kiến của tôi thì đó là việc các vị tổ tiên minh triết của các bạn muốn các bạn đi tìm cái chân lí tàng ẩn về biểu tượng tóc dài.'

Lần này, họ nhìn nhau một lần nữa trong một lúc, trước khi đập lên bàn ba lần.

'Tóc dài tượng trưng cho máy radar tâm linh. Thượng Đế đã ban cho con ốc sên những xúc tu¹⁹ hoạt động như một máy radar. Các vị tổ tiên minh triết của các bạn muốn bạn phát huy một loại radar tâm linh, khiến các bạn không còn mò mẫm trong bóng tối trên thế gian như một kẻ mù.'

Lần này, họ cùng đứng lên; với một khí thế hùng hổ họ đập lên bàn mạnh tới nỗi khiến nó xém gãy.

Cái cảnh giới thứ nhất đề cập tới trước đây về sự phát triển nội tâm có thể được coi là tượng trưng cho việc chuẩn bị đất đai, để cấy cối tâm linh mọc. Trong quá trình đó, ta được giải thoát hay thanh lọc khỏi bệnh tật. Như vậy, quá trình của latihan xúc tiến việc chúng ta được mạnh khoẻ, và điều này sẽ tạo nên những điều kiện thuận tiện cho sự tăng trưởng và phát triển của linh hồn.

Vậy, trong Subud không có lối chữa bệnh bằng tâm linh. Tuy nhiên, nhờ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng, những người tận tâm tập latihan không sớm thì muộn sẽ nhận thấy tình trạng sức khoẻ của tinh thần và thể xác được cải thiện.

Cái cảnh giới kế tiếp là cấy cối tâm linh mọc lên.

19 feelers: bộ phận mảnh và dài ở một số động vật, để kiểm nghiệm mọi thứ bằng xúc giác.

Một người mà nội ngã đã đạt tới cái cảnh giới thứ nhì của sự phát triển tâm linh - hay cảnh giới thực vật - sẽ ở trong một trạng thái thường trực tiếp xúc với Ánh Sáng của Thượng Đế. Nội ngã ta đứng thẳng như một thân cây của ánh sáng. Người đàn ông hay đàn bà sẽ tiếp nhận được một cái dzikhir [cầu nguyện] tự nhiên, một dzikhir không do ý chí mình, mà do sự thúc đẩy của Ánh Sáng Thượng Đế. Gần một người như vậy, ta có thể sẽ cảm thấy được an vui và yên tịnh, và những cơn nhức đầu cùng với nỗi lo lắng của mình, tối thiểu là tạm thời, có triển vọng sẽ chấm dứt. Một người như vậy nên làm nghề nông thì sẽ phát đạt. Người đàn ông hay đàn bà đó có thể trở thành công cụ chữa bệnh.

Con mắt tâm linh

Khi qua biên giới miền Nam của Hoa kì để vào Mexico, tôi nhận thấy những cơ quan thuế vụ và di dân rất sạch sẽ và ngăn nắp, những nhân viên của cơ quan là những người làm việc đàng hoàng, có hiệu quả. Tuy bên kia sự ngăn nắp và hiệu quả đó không mấy hiển hiện, nhưng tôi cảm thấy một sự thoải mái mới mẻ ngay khi vào địa phận của Mexico. So với Hoa Kỳ cuộc sống ở đây nói chung vui vẻ và thoải mái hơn, và điều đó là do sự giảm thiểu của áp lực sinh lực vật chất. Tính vui đùa và tinh thần của người Mễ là cái hiện tượng về sự hoạt động của sinh lực thực vật trong tâm cảm họ. Và cái sinh lực đó cũng khiến cho tính khí và những xúc động về tình dục của họ trở nên sôi nổi.

Trong chương vừa rồi tôi đã đề cập tới việc mình thấy nhẹ nhõm nhiều như thế nào, khi đầu óc mình không còn chứa đựng sinh lực vật chất; tới việc sau đó khi đạt tới cái cảnh giới kế tiếp, sinh lực thực vật đã thể hiện như thế nào sự an vui và yên tịnh; tới việc tôi đã biết ơn Thượng Đế như thế nào về điều đó.

Hồi đó tôi chỉ hiểu biết được sinh lực vật chất và sinh lực thực vật. Ngoài ra, tôi cũng biết được sự rung động của latihan là sự rung động của Ánh Sáng Thượng Đế. Và tôi cũng tới chỗ hiểu được nội ngã mình đã bắt đầu áp đặt ý chí của nó, và đôi khi còn chống lại ý chí của cái Tôi.

Tới lúc tôi bắt đầu tiếp nhận được những khêu gợi của sinh lực thú vật. Điều đó bắt đầu với cái xu hướng nuôi gà, khi tôi còn ở Malang. Tôi mua 10 con gà con tuổi tác được một ngày, và để chúng vào một cái hộp với một bóng đèn điện, khiến chúng được ấm áp.

Sau mỗi ngày làm việc xong xuôi, tôi thích thú đến ngắm những con gà con đó với tất cả những trò vui đùa nho nhỏ khiến buồn cười của chúng.

Khi những con gà con đó lớn lên, tôi xây một chuồng gà cho chúng tại cái sân đằng sau, và tiếp tục lớn vớn bên quanh chúng. Thời gian lặng lẽ trôi qua, khi tôi mãi mê chăm lo cho hạnh phúc của chúng, và ngắm nhìn việc chúng lớn lên và phát triển. Thường thường, tôi nhận thấy mình vội vã mặc quần áo, để đến trường giảng bài.

Một hôm khi về nhà, tôi thấy một con gà đang chết, và điều đó khiến mình lo lắng. Không biết phải làm gì, tôi quyết định tập một latihan. Đứng gần nó và nhắm mắt lại, tôi bắt đầu tập. Phần trên của cơ thể và bàn tay tôi cử động. Đột nhiên, bàn tay phải của tôi chộp túm lấy chân con gà và đưa nó lên cao. Nó sắp chết tới nỗi không thể ngay cả kêu lên chi chút. Trong lúc thân nó đang lúc lắc, đầu cúi xuống, thì một chất lỏng chảy ra từ mỏ nó. Tôi liền quỳ xuống, và bắt đầu xoa bóp thực quản và điều²⁰ của nó. Điều này khiến cho cái chất lỏng đó chảy nhiều hơn trong một lúc, rồi ngưng lại. Trong khi vẫn còn đang tiếp nhận latihan, tôi cầm thẳng nó trong một lúc. Khi rốt cuộc đem nó xuống đất và thả nó ra, tôi vui mừng thấy nó bắt đầu đi đứng.

Con gà đó lớn lên thành một con gà trống cao lớn, mạnh khỏe, nhưng sau này nó khiến tôi phải xấu hổ nhiều. Thế này, tôi tự hỏi việc khiến cho nó sống lại có là một điều tốt lành và thích đáng hay không. Tôi đem nó cho một người ở Yojakarta, và sau này khi đến đó thăm, tôi bị bạn bè chọc ghẹo, họ cho hay là 'con gà của Prio

20 crop: bộ phận giống như chiếc túi dưới cổ họng con chim, và là nơi thức ăn được chuẩn bị cho tiêu hóa trước khi vào dạ dày.

luôn luôn đuổi bắt các cô gái'. Chính trong lúc tôi đến thăm đó, một cô gái sợ con gà trống đó tới nỗi đã tự nhốt mình vào phòng tắm. Ngoài cửa, cái con gà gây phiền phức đó nôn nóng chờ đợi – cho tới khi nó bị xua đuổi đi.

Trong số 10 con gà tôi nuôi, có 5 con là gà trống và 5 con là gà mái. Được những con gà của mình đẻ trứng là điều khiến tôi hài lòng nhất. Tôi cảm thấy những trứng đó có một mùi vị thượng hạng, và một anh bạn của tôi luôn luôn mua một vài cái, vì coi đó là điều quan trọng. Chính tôi cũng không tin điều này, nhưng anh nói rằng những trứng đó giúp cho căn bệnh suyễn của mình được giảm bớt. Có lẽ đó chỉ là điều anh tưởng tượng. Dù sao đi nữa thì anh luôn nài nỉ được mua một vài trứng về nhà, bất cứ lúc nào đến thăm tôi.

Người hầu của chúng tôi về làng thăm thân nhân, khi chi xin nghỉ phép. Khi trở về, chị đem theo một con gà mái 'kampung', đó một loại gà mái ở thôn quê được nuôi theo lối cổ điển. Những con gà đó đi lang thang trong vườn cào bới tìm thức ăn. Đôi lúc chúng may mắn được người ta ném cho thứ thức ăn dư thừa. Ở nước Hoa Kỳ hiện đại, những con gà nuôi theo cách đó có thể được xếp vào loại 'hữu cơ' (organic).

Bốn ngày sau khi đến, con gà mái loại mới đó bắt đầu đẻ trứng. Bản chất của loại gà kampung là đẻ trứng trong 12 ngày liên tiếp, rồi bắt đầu 'ấp', đó là việc chúng làm cho cơ thể trở nên nóng và ngưng giao cấu cũng như ngưng đẻ trứng. Tới lúc thiên nhiên bảo chúng nằm trên trứng, để cho ra gà con và nuôi nấng những đứa con đó. Cái quá trình đó đòi hỏi 4 tới 6 tháng. Theo cái chu kỳ đó, một con gà mái chỉ đẻ được khoảng hơn 20 trái trứng mỗi năm.

Sau khi mỗi ngày đẻ một trái trứng cho 12 ngày, con gà mái bắt đầu ấp. Ở thôn quê, tôi nhận xét thấy là để cho gà mái tiếp tục đẻ trứng thay vì tuân theo cái xu hướng thiên nhiên đó, chủ nhân của chúng đem chúng nhúng xuống ao hai lần, cất giấu trứng của chúng, và sau một vài tuần chúng có thể bắt đầu đẻ trở lại. Tôi quyết định

thử điều đó. Không có một cái ao, nên tôi cảm thấy một chậu nước cũng làm được việc. Tôi phát hiện được nếu làm đúng, thì mình có thể được những con gà hữu cơ đẻ trứng hữu cơ suốt năm. Nuôi gà theo lối kampung thì dễ dàng và rẻ tiền hơn, vì chúng có khả năng tự tìm kiếm lấy thức ăn.

Tôi bảo một anh thợ mộc xây một chuồng gà lớn hơn, và cái sân đằng sau của chúng tôi là chỗ ở của 20 con gà mái cùng với 4 con gà trống trước đây.

Thêm vào cái thú nuôi gà của mình là việc tôi giữ một vài con chim perkunut, một giống chim thuộc loại bồ câu, nhưng nhỏ bé nhiều hơn chim bồ câu. Đó là loại chim sống lâu và rất được người Java ưa chuộng.

Loại chim đó rất nhạy cảm và có thể cảm được những gì sắp xảy ra. Nếu chủ nhân của một con chim hiểu được những điều nó báo trước cho mình hay, thì đương sự sẽ có thể được cảnh giác để chờ đợi những diễn biến nào đó. Tất cả những con perkunut đều thông y như nhau, chỉ một tay nhà nghề mới có thể hay được con nào đáng giá hàng triệu rupiah. Tuy nhiên, trên thực tế thì phần đông chỉ đáng rất ít hoặc không đáng một đồng xu nào hết.

Do may mắn, tôi tình cờ được một con chim thượng hạng. Đối với tôi việc nhận biết được một con chim tốt thì dễ dàng, vì tôi có thể cảm được nội tâm nó. Ở Java người ta có thói quen đặt một chuồng chim perkunut lên cao trên một cột bằng tre, và tới chiều thì đem nó xuống, như trường hợp kéo cờ lên và kéo cờ xuống. Một con perkunut được đánh giá theo phẩm chất cái tiếng của nó, tức là theo sự trong trẻo, âm lượng, tiết điệu và nhịp lệch của tiếng, theo tiếng keng (gong) của giọng nam trầm (bass) sau khi nó ca xong.

Những cuộc thi đua về chim perkunut rất được ưa thích ở Java. Trong một cuộc thi đua đó, một con chim perkunut với một linh hồn nhỏ bé không có dịp may nào thắng được, vì nó sẽ ngần ngại ca hát trước sự hiện diện của

những con chim với linh hồn lớn hơn. Tuy nhiên, nó có thể hát suốt ngày ở nhà.

Tôi chưa từng đem con chim đặc biệt của mình đi thi đua, vì nó là một con chim rất tốt và rất nhạy cảm. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và vui mừng, khi lần đầu tiên cầm nó. Liên sau đó, tôi bắt đầu hiểu được những điều báo trước của nó. Khi nó hát theo một cách nào đó, tôi biết được mình sẽ có tiền. Một hôm khi nó ca 'bài hát đồng tiền', thì một người xuất hiện khoảng hai tiếng đồng hồ sau và đem tiền đến cho tôi. 30 phút sau nó lại ca y hệt như vậy. Tôi nghĩ nó đang cho mình hay về một điều gì đang xảy ra, vì tiền bạc đã đến. Nhưng hai tiếng đồng hồ sau, một người khác đến cho tôi tiền. Khi con chim ca y như vậy một lần nữa lúc 5 giờ chiều, tôi nghĩ nó đang kéo chân mình; các bạn tin hay không thì tùy, nhưng lúc 7 giờ có một người khác xuất hiện tại cửa nhà với một số tiền. Thật là quá nhiều, nhưng không chỉ tới đó là hết. Lúc 10 giờ đêm con perkutut lại tiếp tục báo trước. 'Con chim này chắc chắn đang tìm cách làm cho mình khùng' tôi nghĩ. Tuy nhiên, tới giữa đêm một người khác mang tiền tới.

Lúc 1 giờ sáng, con chim lại cất tiếng âm ỉ một lần nữa. 'Không thể có chuyện đó được nữa,' tôi tự lẩm bẩm với mình. 'Có ai trên thế gian này đem tiền đến cho mình lúc sáng sớm như vậy?' Hai tiếng đồng hồ sau, anh bạn Varinda Vittachi gõ cửa. Anh đến từ New York, và máy bay anh tới trễ. Thậm chí, tôi không biết là anh đang đến. Anh cũng có một số tiền cho tôi. Ngoài gà và chim, những năm sau đó tôi cũng có những con cừu, dê và bò. Thêm vào đó, chúng tôi vui mừng được một ao có đầy cá. Cùng với điều đó là việc tôi nhận thấy mình có một cái thú mới: ngựa.

Con ngựa đầu tiên của chúng tôi là một con ngựa giống²¹ Á Căn đình. Trường Đại Học Quân Sự đã nhập cảng con ngựa đó để dùng, nhưng sau một vài năm phục vụ, nó bị cho về vườn vì những vết thương bất trị ở 4 chân. Sau khí đổi chủ được 2 lần, nó được bán cho ông trưởng làng

21 stallion: ngựa chưa bị thiến.

của làng Purwojero bên cạnh, tại Trung Java, là quê quán của bà ngoại tôi.

Cậu con trai tôi, Martono, sống tại đó với bà ngoại và muốn có một con ngựa. Tôi cũng thích ngựa.

Để kiểm cho cậu con tôi một con ngựa, tôi đến thăm ông trưởng làng của một làng bên cạnh là chủ nhân của một chuồng ngựa gồm 20 con. Trong cái chuồng đó, một con ngựa A Rập màu xám khiến tôi chú ý, một con ngựa rất đẹp mã. Khi về nhà, tôi cho những vị bô lão trong làng hay về điều đó, và nhờ họ đi coi như thế nào. Mọi người đều biết rõ là họ đã thừa hưởng được điều gì như thuật coi tướng ngựa. Về phần mình, cho đến nay tôi vẫn chưa có kinh nghiệm về việc xem xét ngựa. Sau khi dò xét con ngựa giống, các vị bô lão khuyên tôi đừng mua nó. Tôi tò mò muốn hiểu tại sao, và họ giải thích: 'Tướng của nó cho thấy nó không sống lâu. Nếu ông muốn mua một con ngựa, thì con ngựa giống Á Căn Đình màu xám là một sự lựa chọn khá hơn.'

Tôi đã nhìn thấy con ngựa đó, nhưng bởi trông nó ốm yếu và bệnh hoạn, nên tôi đã coi thường nó. Và tôi hỏi tại sao họ lại khuyên mua nó.

'Con ngựa đó có tướng của một kẻ nghĩa hiệp đang bắn tên' là lời khuyên của họ.

Vì không có bất cứ một kinh nghiệm nào, nên tôi hỏi ý kiến của nội tâm mình nó cho hay là tôi nên theo lời khuyên của họ. Như vậy, tôi mua được con ngựa đó với giá rất rẻ.

Các vị bô lão nuôi ăn và chăm sóc nó. Họ bắt 3 con thằn lằn, dùng lửa nướng chúng, và đưa chúng vào thức ăn của con ngựa giống. Trong vòng 2 tuần, tất cả các vết thương đều lành lại, và sau một khoảng thời gian, Dornorojo, tên con ngựa, lấy lại sức khỏe và sức lực. Tôi bỏ ra nhiều thời gian cho nó, và vui mừng thấy nó phát triển thành một con ngựa tuần tú có cái vẻ chững chạc đàng hoàng riêng

biệt của nó. Tôi bắt đầu phục cái thuật coi tướng ngựa của các vị bô lão.

Ở Trung Java, đua ngựa thực sự là một ngày lễ hội đối với dân chúng. Tuy những cuộc đua đó không được tổ chức quy củ, nhưng mọi người đều rất lấy làm vui. Trong một dịp đó, tôi trông thấy một con ngựa giống đẹp mã màu đỏ sẫm, nhưng khi đến gần nó, tôi bị nổi da gà khắp nơi. Tôi hỏi những người quen của mình về việc chủ nhân của nó là ai. 'Ông chớ đừng mua con ngựa đó', họ cảnh báo. Tôi tò mò. 'Nó có tướng của một tấm vải liệm, tức là cái chết' họ cho hay.

Hôm đó, cuộc đua ngựa có hàng đông người tới xem. Con ngựa giống màu đỏ sẫm chạy rất nhanh, nhưng hôm đó trận đua kết thúc một cách bi thảm, vì con ngựa làm gãy rào chắn khiến cho 4 người thiệt mạng.

Tôi đem con ngựa Á Căn Đình về nông trại ở Tây Java. Nó nhã nhặn với trẻ con tới nỗi nhiều lúc 4 đứa con nhỏ của tôi có thể đồng thời ngồi trên lưng nó, và nó an toàn mang chúng đi chơi đây đó. Một khi đã lấy lại sức khỏe, nó trở nên rất cao lớn và mạnh khỏe. Chính tôi cũng nhiều giờ ngồi trên lưng nó. Tôi thích cỡi ngựa tới đỉnh đồi trong một đêm đầy ánh trăng, để thưởng ngoạn cái phong cảnh tươi đẹp chung quanh, trong khi ngựa đang yên vui gặm cỏ, và đôi khi tôi lưu lại đó tới quá nửa đêm.

Ngoài Dorojojo, sau này tôi còn có một con ngựa giống Anh thuần chủng tên là Sapujagad. Ông anh Erdy của tôi đem 20 con ngựa cái tới từ Sumbawa, một hòn đảo miền Tây của Bali. Những con ngựa cái được tự do chạy trong nông trại, nhưng 2 con ngựa giống thì bị giữ trong chuồng. Một buổi sáng, tôi cỡi con ngựa Dorojojo để coi xét nông trại. Tới đỉnh đồi, tôi chợt nhận thức được chúng tôi bị 20 con ngựa cái bao vây, và chúng nhanh chóng xiết chặt vòng vây. Dorojojo trở nên dữ tợn, và tôi không thể kìm giữ được nó nữa. Tôi không còn thời giờ nữa để xuống ngựa, vì những con ngựa cái chạy lung tung và đến gần chúng tôi. Chợt nhiên Dorojojo leo lên lưng một con

ngựa cái, trong khi tôi vẫn còn ngồi trên yên. Nó có thể làm điều đó mà không khiến tôi bị tung bắn khỏi lưng nó. Sau khi xong xuôi với con ngựa cái đó, nó leo lên mình một con ngựa cái khác. Điều đó cứ như vậy từ con này tới con khác, và như thế nó phục vụ được 7 con ngựa cái, trong khi tôi vẫn còn trên lưng nó. Nó thực sự chứng tỏ được mình là một kẻ nghĩa hiệp bản tâm, như điều đã được các vị bô lão của làng tôi tiên đoán.

Tôi đã thuật lại có lần đầu óc mình nặng nề như thế nào vì sinh lực vật chất. Sau khi những cái đó được dọn dẹp, sinh lực thực vật thể chỗ cho chúng, và sinh lực vật chất bị đẩy xuống chỗ thấp hơn trong cơ thể.

Khi sinh lực thú vật chiếm cứ đầu óc, sinh lực thực vật bị đẩy xuống dưới và chiếm cứ ngực; sinh lực vật chất bị đẩy xuống thấp hơn, có đầy nhóc trong bụng và những chỗ thấp hơn.

Sinh lực thú vật có thể tạo nên một xung lực mạnh mẽ về nhục dục. Thậm chí, ta không cần phải ăn thịt của thú vật để có điều đó. Như đã trình bày trên kia, ta có thể bị sinh lực thú vật ảnh hưởng tới chỉ bằng cách có trước mặt sự hiện diện của thú vật, đặc biệt khi chúng đang giao cấu. Những sức mạnh đó có thể nhập vào con người qua cách khác. Một người đàn bà có thể có đầy sinh lực thú vật trong những quan hệ tình dục với một người đàn ông cũng có những sức mạnh đó, và ngược lại.

Sự hiểu biết của mình sẽ vô dụng, nếu chúng ta không kiểm soát và điều khiển được điều đó. Một người có thể biết thật rõ ngoại tình là tội lỗi, đó là việc vi phạm luật pháp, đạo đức và những quy tắc luân lí. Nhưng nếu sự ham muốn của mình chứa đầy sinh lực thú vật, thì người đàn ông và đàn bà sẽ không ngần ngại gì mà không làm điều đó.

Sinh lực là thứ gì tinh trong hơn không khí, tinh trong hơn ánh sáng. Thế nên, không bức tường nào do con người xây cất có thể ngăn cản sự tuôn chảy tới lui của nó.

Chúng ta không thể tránh khỏi nó, vì sống trong một thế gian chứa sinh lực thú vật. Chúng có trong những thực vật và trái cây mà chúng ta ăn. Thậm chí, thể xác của chúng còn hiện diện trong hình thức của vi trùng và vi khuẩn. Chúng ta phải sống với sinh lực thú vật, và đừng để cho nó ảnh hưởng tới mình.

Phát triển tới cảnh giới thứ ba hay thú vật có nghĩa là nội ngã ta bắt đầu phát triển những giác quan tâm linh của nó, như các phương tiện tâm linh để nhìn, nghe, ngửi, cảm và nếm. Chỉ như vậy ta mới trông thấy hay nghiệm được cái thế giới tâm linh, và cuộc sống trở nên lí thú hơn, vì ta nhận thức được những thực tại tâm linh. Chẳng hạn, ta có thể ý thức được một con người sẽ trở thành gì sau cái chết, cũng như ý thức được những hiện tượng tâm linh khác. Cái chết sẽ không còn bị coi là một sự tối tăm kinh khiếp, vì bây giờ ta có thể thấy được cái thế giới bên kia trong lúc vẫn còn mang một thân xác.

Điều tối quan trọng là ngoài việc chạy theo những tiến bộ vật chất, người đàn ông và đàn bà cũng nên dành thời giờ cho sự phát triển tâm linh. Nếu không chuẩn bị cho mình những phương tiện để sống tại thế giới bên kia, người đàn ông và đàn bà sẽ bước vào cái thế giới đó như một kẻ mù, và chắc chắn sẽ không kiếm được đường đi. Thay vì đi vào thế giới con người, ta có thể sẽ đến cái thế giới của những linh hồn vật chất, tức là cái thế giới của ma quỷ. Và kiếp sống nơi đây trên trần gian chỉ là điều gì ngắn ngủi như cái khoảng thời gian của một nháy mắt, nếu so với cuộc sống sau cái chết là điều gì mãi mãi tiếp diễn.

Xin cho tôi được thảo luận chi tiết hơn một chút về con mắt tâm linh. Trong chương thứ tư, tôi giải thích con mắt tâm linh là một loại kích thước hình tròn; khác với con mắt thể xác chỉ có thể nhìn thẳng về phía trước, con mắt tâm linh có thể nhìn khắp nơi chung quanh. Theo cách mô tả đó, ta có lẽ sẽ có cảm tưởng nó giống với một khối cầu, và ta có thể nhìn khắp hướng xuyên qua bất cứ phần

nào trên diện tích của nó.

Một hôm khi chúng tôi lái xe băng qua những cánh đồng từ miền Tây tới ven biển miền Đông của lục địa Hoa Kỳ, thì lúc đó tôi đang cầm lái trong lúc vào Arizona. Lúc đó khoảng 3 giờ sáng. Liền sau đó tôi có một cảm giác kì dị càng lúc càng trở nên mãnh liệt hơn. Rồi tôi nhận thức được nó giống với sự rung động của Ánh Sáng Thượng Đế. Tới một chỗ đậu xe để nghỉ mệt, tôi lái xe vô đó để nghỉ một chút. Khi đang nghỉ ngơi tại đó, tôi nghe thấy hàng trăm tiếng la hét chém giết của người In Đìêng, và trông thấy hàng trăm hồn ma của người In Đìêng đang tiến đánh về phía tôi. Liền sau đó tất cả những hồn ma đó nhập vào nội ngã mình, và tôi có thể rõ rệt trông thấy chúng. Đó là linh hồn của những chiến sĩ In Đìêng bị sinh lực thú vật giam cầm.

Làm sao con mắt tâm linh có thể thực sự trông thấy được? Nó trông thấy một đối tượng bằng cách bao bọc cái đối tượng đó. Chẳng cần phải nói ở đây là ta chỉ có thể bao bọc một điều gì nhỏ bé hơn chính mình, hoặc ta chỉ có thể bao bọc điều gì, nếu mình lớn hơn cái đối tượng mình bao bọc. Do kết quả của việc tiếp nhận sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, nội ngã ta sẽ liên tục tăng trưởng càng lúc càng lớn.

Tôi xin được giải thích một cách vắn tắt về điều kiện tâm linh của những chiến sĩ In Đìêng. Trong lúc còn sống trên trần gian, những chiến sĩ đó đã bị sinh lực thú vật chế ngự. Chính những sinh lực đó đã khiến họ trở nên dững dưng và có sức mạnh để can trường đối phó tử thần trên chiến trường. Cũng chính những sinh lực đó đã khiến họ có lối hành xử của những người can đảm trong một trận đánh với một tinh thần trọng danh dự và nhân phẩm. Họ đã dùng cái chiến thuật và chiến lược y như của một con thú đang bắt mồi, tuân theo bản năng hay trực giác của nó để làm điều đó. Ngược lại, nếu một người đàn ông hay đàn bà bị sinh lực vật chất chế ngự, thì đương sự sẽ tìm cách giết kẻ thù trong một trận phục kích; người đàn

ông hay đàn bà đó sẽ không dám đối diện kẻ thù trong một trận đánh mặt đối mặt. Nhưng tuy có tốt tới mấy đi nữa, những đặc tính đó không xuất phát từ nội ngã của con người; chúng chỉ là sự biểu hiện của ảnh hưởng của sinh lực thú vật.

Bảy vòng tròn

Có lần khi tôi vẫn còn ở Melang và đang trên chiếc đivăng lúc khoảng 4 giờ chiều, thì nội ngã Bapak đến gặp tôi. Lần này đi theo Bapak là một người đàn ông mặc áo dài đen và một người đàn bà làm trợ tá. Tôi đứng lên. Người trợ tá nữ quay về phía Bapak để đợi chờ những sai bảo cuối cùng. Bapak gật đầu và người đàn bà đó bắn một tia sáng vào cơ thể tôi qua đỉnh đầu.

Tôi không biết điều đó có nghĩa gì, nhưng chắc chắn cảm thấy mình khác xa sau đó. Tôi ngồi xuống và tiếp nhận một cái dzikir [âm thầm cầu nguyện] Sau này khi gặp Bapak ở Jakarta, tôi nói cho người hay về cái chứng nghiệm đó. Sau khi nhắm mắt lại trong một lúc, người nói:

“Điều đó có nghĩa là nội ngã con đã tới tình trạng jasmani.”

Cảnh giới jawmani là gì? Điều này có nghĩa là nội ngã đã phát triển tới cái tình trạng là tiêu biểu của một con người, nội ngã đã phát triển được một ý thức riêng biệt của mình, một sự minh triết rộng lớn và thâm sâu hơn trí tuệ.

Kể từ đó trở đi, cái xu hướng và sở thích của tôi không

còn là về thú vật nữa; đúng hơn, đó là việc được sát cánh với hội viên Subud, làm công việc phụ tá của mình, và để ý tới những bốn phận của một hội trưởng. Tuy vẫn còn nuôi gà và giữ chim, nhưng tôi không còn thấy chúng làm mình say mê nữa.

Khi sinh lực con người vào đầu óc tôi, sinh lực thú vật đi xuống ngực, sinh lực thực vật đi xuống bụng, và sinh lực vật chất đi xuống chân.

Trong thuật ngữ tâm linh, sinh lực con người được gọi là daya jasmani, sinh lực thú vật là daya hewani, sinh lực thực vật là daya nabadi, và sinh lực vật chất là naya saitioni, hay sinh lực ma vương. Trong số tất cả những sinh lực đó, sinh lực vật chất có một phẩm chất thấp nhất, và có thể khiến cho một người có lối hành xử của ma quỷ - hoặc thực sự trở nên độc ác- nếu đương sự hoàn toàn bị sinh lực vật chất chế ngự.

Bốn loại sinh lực đề cập tới trên kia được gọi là những sinh lực phụ thuộc, hoặc những sức mạnh hạ đẳng trên thực tế là những cái ngoại lai đối với con người, nhưng lại có thể xâm chiếm hay xâm nhập vào trí tuệ, dực vọng của họ. Những loại sức mạnh đó có thể ảnh hưởng tới họ, khiến họ có lối hành xử của chúng. Như đã nói trên kia, sinh lực ma vương khiến ta có lối hành xử của ma quỷ. Sinh lực thực vật khiến ta có lối hành xử của thực vật. Và sinh lực thú vật khiến con người có lối hành xử của thú vật, và sinh lực con người có lối hành xử của con người. Bên trong linh hồn có một sự tranh chấp giữa những sinh lực đó, mỗi sinh lực đều tìm cách giữ ta làm tù nhân. Điều đó cho thấy tại sao trí óc, dực vọng và tình cảm của người đàn ông hay đàn bà thường thay đổi.

Những người dân thành thị bị ảnh hưởng của nhiều loại sinh lực thường có trạng thái tâm thần bị rối loạn hay chán nản. Phần đông đều đau khổ vì ảnh hưởng của sinh lực vật chất nhập vào thần kinh hệ khiến họ bị căng thẳng. Nếu nhập vào thần kinh hệ, chúng khiến ta suy nghĩ liên miên. Chúng cũng có thể trồng cấy những tư

tường ác độc vào đầu óc mình. Chúng có thể nhập vào những thị dục, khiến người đàn ông và đàn bà trở nên thiên về vật chất và ích kỉ. Khi chúng có đầy trong tâm cảm, người đàn ông hay đàn bà cảm thấy cô đơn, u sầu và nản chí. Cái tình trạng đó thực sự là ở trong địa ngục, trong khi ta còn sống trên thế gian này. Chính cái tình trạng kiêu đó khiến ta tự tử, mà không hay rằng ngay cả tự tử cũng không là cách khiến ta hết khổ, đúng ra đó là cách khiến mình bị giam giữ trong đó.

Những sinh lực phụ thuộc của con người không nên làm cho nội ngã bị rối loạn. Như đã nói trước đây, đó là những thành tố ngoại lai, trong khi nội ngã là phần vĩnh cửu. Chúng đã có đó trước khi chúng ta sinh ra, sẽ còn đó trong cuộc sống của mình nơi đây trên trần gian, và sẽ tiếp tục tồn tại sau khi ta chết.

Câu hỏi là: 'Nội ngã chúng ta sẽ tồn tại như thế nào sau khi mình chết?' Theo chỗ tôi biết, có 3 điều có thể xảy ra.

Điều thứ nhất là trường hợp của những kẻ trong lúc vẫn còn sống đã để cho những sinh lực phụ thuộc, hay sức mạnh hạ đẳng, chế ngự và kiểm soát mình, để những cái đó vào bên trong mình nhiều tới nỗi khiến chúng kết tinh lại. Nếu nội ngã họ không có cơ hội tiếp nhận được Ánh Sáng của Thượng Đế, và do đó không có dịp may được tăng trưởng trong lúc mình còn sống nơi đây trên trần gian, thì nó chỉ còn trong hình thức một hạt giống của linh hồn, y hệt như tình trạng trước đây, trước khi ta sinh ra trên cái thế gian này. [Trong triết học Java, người ta nói kích thước cái hạt giống của linh hồn thì nhỏ bé như 'mricha binibut', có nghĩa là hạt giống của một hạt tiêu bị lột vỏ. Khi vỏ bị lột đi, kích thước của nó nhỏ bé hơn nhiều.]

Cái hạt giống nhỏ bé đó của linh hồn và cái Tôi bị những sức mạnh hạ đẳng đã kết tinh giam cầm, những sức mạnh tạo thành một bức tường không thể phá nổi chung quanh linh hồn. Khi những người đó chết, thể xác họ sẽ mục nát hay tan rã, nhưng những sức mạnh hạ đẳng đã kết tinh

bên trong họ thì không tan rã, mà vẫn còn là thứ gì đặc sệt trong hình thù những thể xác trước đây của họ. Vì những sinh lực đó [sức mạnh hạ đẳng] tinh trong hơn ánh sáng, nên ta không thể trông thấy chúng với mắt phàm. Bị sức mạnh hạ đẳng giam cầm, những linh hồn rải rác đó vẫn còn tiếp tục vương vấn đây đó trên cái thế gian này, và thường được gọi là hồn ma. Những cái Tôi hiện thân trong những linh hồn đó sẽ nhớ tới những khoái cảm và lạc thú của thế giới vật chất - thức ăn và thức uống ngon, nhục dục - Nhưng chúng không còn hưởng lạc được nữa, vì những phương tiện vật chất để làm điều đó đã bị phá hủy. Trông thấy tất cả những thứ ngon lành đó cám dỗ mình trong lúc đói khát thì khiến ta đau khổ nhiều. Tuy thế, hiển nhiên chúng có thể thường thức được mùi thơm của hương trầm. Và đó là điều khiến cho một vài người đốt hương để làm vui lòng hay mời một hồn ma đến. Sống trong cái tình cảnh đó sau cái chết thực sự là sống trong địa ngục.

Điều thứ hai có thể xảy ra là trường hợp của những kẻ trong lúc sống đã có một cuộc sống tốt lành và đúng đắn. Sức mạnh hạ đẳng không tập trung nhiều bên trong họ. Nhưng về việc tiếp nhận được sự giác ngộ trong lúc mình còn sống thì họ không được may mắn cho lắm. Tất nhiên điều đó có nhiều lí do. Cái lí do đơn giản nhất có thể là những kẻ đó thấy mãn nguyện và nghĩ rằng mình đã có một cuộc sống tốt lành, hay ngay cả đạo hạnh, và họ không cảm thấy sự thúc bách khiến mình tìm kiếm thâm sâu hơn. Cái thái độ tự cho mình là đúng đó có thể là một nguyên nhân khiến họ mất dịp may được giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Nhưng còn có nhiều nguyên nhân khác.

Điều thứ ba có thể xảy ra là trường hợp của những người trong lúc còn sống nơi đây trên trần gian đã tiếp nhận được sự giác ngộ, nội ngã họ tăng trưởng. Đồng thời họ cũng được thanh lọc khỏi bệnh tật và sức mạnh hạ đẳng.

Nội ngã chỉ là một tia sáng nhỏ bé chứa trong cơ thể và bị bao bọc bởi trí óc, dục vọng và tình cảm, và sẽ dần dần lớn hơn cái chỗ chứa của nó. Thể xác, trí óc, dục vọng, tình cảm và cái Tôi sẽ được nội ngã bao bọc. Đó là trạng thái được tiêu biểu là 'kodok hangumuri leng', hay 'một con cóc bao che cái hổ trong đó nó sống.'

Những người đó khi chết, thì thân xác họ sẽ tan rã hoặc mục nát. Tuy thế, bởi cái Tôi, trí óc, dục vọng và tình cảm của họ đã được thanh lọc, và được cái thành tố vĩnh hằng bao bọc là nội ngã, nên họ sẽ vĩnh viễn được bảo toàn. Ngay cả sau cái chết, họ vẫn có kí ức về tất cả những kinh nghiệm nơi đây trên trần gian, và họ sẽ trở về cái nơi chốn cội nguồn của nội ngã với một kinh nghiệm có giá trị trong lúc mình còn sống nơi đây trên trần gian. Và chính vì vậy mà Thượng Đế Toàn Năng đã phái con người tới sống trên trần gian, để chứng kiện sự vĩ đại về sự sáng tạo của Thượng Đế từ cái thấp nhất, cái thế giới vật chất hay ma vương trong đó chúng ta sống, cho tới cái cao nhất. Cái thế giới cao nhất đối với con người là cái thế giới của những linh hồn con người, hay cái thiên đàng thứ tư.

Sinh lực con người có đặc tính gì?

Sinh lực con người là cái sinh lực khiến ta có tính người. Là một học giả về luật, tôi có thể nói rằng sinh lực con người là nguồn gốc của luật lệ và cái ý thức về pháp lí trong lòng con người. Nó cũng là nguồn gốc của luân lí và đạo đức trong một xã hội văn minh của con người. Và chính cái sinh lực đó khiến con người tôn trọng luật pháp một cách tự do theo ý chí của mình. Những nguyên tắc về luật lệ và pháp lí trong một xã hội là những điều bắt nguồn từ cái bản chất và những đặc tính của sinh lực con người.

Làm sao sinh lực con người có thể nhập vào và ảnh hưởng tới con người? Điều đó thông qua sự giao cấu giữa vợ chồng, và chính việc thông qua cái đường dây đó là điều khiến cho con cái thừa hưởng sinh lực con người của cha mẹ.

Trong triết học Java, một người chồng được gọi là guru-laki, nghĩa là một người là, hay nên là, một người chồng cũng như một vị guru của vợ mình, vì đương sự có cái khả năng là một dụng cụ cho sự thanh lọc của người vợ. Đó chính là trách nhiệm của người chồng khiến vợ mình loại bỏ được những ảnh hưởng của sinh lực vật chất hay cái daya satoni, của sinh lực thực vật hay cái daya nabadi, của sinh lực thú vật hay cái daya hewani. Đó cũng là phận sự của người đàn ông khiến người vợ loại bỏ được cái daya jasmani, cái sinh lực con người mà người vợ thừa hưởng của cha mẹ và tổ tiên.

Tại sao một sinh lực tốt lành như sinh lực con người phải được thanh lọc khỏi nội ngã ?

Tuy tốt lành tới mấy đi nữa, nhưng sinh lực con người vẫn còn là một sinh lực ngoại lai đối với nội ngã. Nội ngã không thể được tự do hay độc lập, trừ phi ta có thể khiến cho mình được thoát khỏi ảnh hưởng của của sinh lực con người, một sinh lực cũng tham gia với những sinh lực khác để giam cầm nội ngã.

Ngoài những đặc tính đề cập tới trên kia của sinh lực con người, còn có một đặc tính khác nên được nói tới ở đây: cái ý thức về quan hệ gia tộc. Không như trường hợp của một con thú, liên hệ gia tộc bắt nguồn từ sinh lực con người và là điều gì rất mạnh, từ dưới lên trên qua nhiều thế hệ, đó là các tổ tiên của mình. Và nó cũng xuống phía dưới tới con cái, cháu chít vv... Trên thực tế, điều đó là một mối liên hệ tâm linh mãnh liệt tới nỗi khiến cho trong trường hợp của một đứa con đau ốm, người cha và người mẹ, vì không nỡ thấy con mình đau khổ, đã vì vậy mà cầu xin Thượng Đế truyền căn bệnh của nó vào bản thân mình.

Chính vì vậy mà các thẩm phán không được phán xét con cái hay thân nhân mình, vì họ sẽ có những lúc khó khăn khiến mình không được vô tư trong sự phán xét, do ảnh hưởng của sinh lực con người. Tương tự, các bác sĩ phẫu thuật không được giải phẫu vợ con hay thân nhân

mình, vì lí do họ có thể không làm chủ được những xúc động của mình, khi đang thực hiện phẫu thuật.

Tất nhiên, cái tình cảm hay sự xúc động đó chỉ được nhận thấy, nếu đương sự có đầy sinh lực con người.

Sau khi đạt tới cái cảnh giới đó của sự phát triển tâm linh, tôi càng lúc càng ý thức được mình là công cụ trong việc thanh lọc bà vợ. Khi chúng tôi có những quan hệ tình dục, những sức mạnh hạ đẳng trong cơ thể bà tuôn chảy qua cơ thể tôi, và trong latihan của mình, tôi được thanh lọc khỏi những cái đó. Cái tiến trình đó tiếp diễn cho tới khi tôi rốt cuộc nhận thức được những sức mạnh hạ đẳng mà bà ta đã thừa hưởng của cha mẹ và tổ tiên, đã được lấy đi khỏi nội ngã bà. Chính vì vậy mà một người đàn bà đã bỏ cái tên lúc chưa lấy chồng, để lấy tên người chồng khi thành hôn.

Có một lần trong cái quá trình đó, tôi cảm thấy mình như đàn bà. Tôi cảm thấy mình không còn thể hành động và ứng xử như Prio [nghĩa đen của Prio là đàn ông] tôi trở nên nhu mềm. Khi tôi đến thăm Bapak ở Jakarta và hỏi về điều đó, người nói: 'Hiện nay linh hồn người vợ con ở bên trong con. Khi trở về Malang con hãy để ý thật kĩ và sẽ nhận thấy vợ mình hình như ứng xử một cách hơi dẫn độ, có vẻ như là bà ấy đã đánh mất cái đầu của mình. Hiện nay linh hồn bà ta đã rời khỏi thể xác, để kết hợp với linh hồn con. Sau này, sẽ tới lúc nó trở về cái thể xác của bà ta, nhưng nếu vậy thì nó sẽ không còn y hệt như trước đây, vì trong thể xác con, linh hồn bà ấy đã được nhào nặn và đúc khuôn theo cái mẫu của Prio. Linh hồn bà ấy sẽ được đem trở lại thể xác với tư cách là bà Prio Hartono có cái garwa, nghĩa là phần nửa linh hồn của Prio.'

Ngay cả trước khi về Malang, tôi đã có thể nhận thức được bà vợ mình quả thực đã ứng xử theo như Bapak đã diễn tả. Bà thường quên lãng, như một kẻ đã đánh mất cái đầu của mình. Sau này, Bapak giải thích: 'Linh hồn lớn lên theo từng giai đoạn gồm 8 năm tâm linh.'

‘Cái giai đoạn 8 năm đầu tiên là giai đoạn của trẻ thơ. Con có lẽ còn nhớ được là khi mới vào Subud, trong latihan con đã hành động như một đứa con nít, khóc lóc, cười cợt, bò lê, lảm bảm nói năng, và ca những bài hát không ý nghĩa.’

‘Giai đoạn thứ nhì là cái tuổi giữa 8 và 16. Đó là cái giai đoạn của một đứa bé lớn tuổi hơn, có nhiều nghị lực và can đảm.’

‘Giai đoạn thứ ba là vào khoảng giữa 16 và 24, cái tuổi quan trọng nhất đối với một người nữ. Một người nữ quá thực trông hấp dẫn nhất ở cái tuổi đó, nhưng linh hồn thì thiếu sức mạnh. Bản chất của người nữ là một ‘chỗ thụ nhận’.

‘Cái giai đoạn sau đó bao gồm những tuổi giữa 24 và 32, cái tuổi trong đó linh hồn trở thành một người đàn ông mạnh khỏe và có tài năng. Bản chất của người đàn ông không là thụ nhận, mà là ban bố. Người đàn ông là kẻ ban bố hạt giống cho người đàn bà. Khi linh hồn một người đàn ông được như vậy, đương sự sẽ có khả năng đem linh hồn người vợ trở về thể xác bà ta. Nhờ vậy, đương sự thực sự trở thành một người đàn ông, về bên ngoài lẫn bên trong, một guru-laki. Nói cách khác, đương sự bây giờ thực sự là người chồng và vị guru của vợ mình, một người đáng được tôn kính và tuân theo.’

Tôi đã giải thích trên kia về việc tuổi tác tâm linh không tương ứng với tuổi tác của cơ thể. Cái khoảng thời gian khiến cho nội ngã tăng trưởng cũng không tương ứng với cái khoảng thời gian trong đó ta tập hay tiếp nhận latihan. Điều đó có thể nhanh hoặc chậm hơn cái tuổi đích thực của mình.

Tôi xin được nói trở lại cái quá trình của sự chết: nội ngã ta phải phá thủng nhiều hàng rào, để được giải thoát khỏi ngục tù, trước hết là thân xác. Quả thực là thân xác sẽ tự động đổ vỡ, khi nó mục nát. Nhưng cái yếu tính hay nội dung của bốn chất liệu tạo nên thân xác – đó là

đất, nước, khí và lửa - sẽ không cho phép linh hồn rời khỏi thể xác, nếu người mang cái linh hồn đó không trả nợ cho chúng, khi chúng phục vụ đương sự nơi đây trên trần gian. Điều chúng muốn được trả công cho những phục vụ của mình là được đem lên thiên đàng. Nếu người đàn ông và đàn bà không làm được điều đó, thì chúng sẽ ngăn chặn con đường ra ngoài của đương sự. Mắt phàm không thể trông thấy sự tranh đấu của linh hồn để thoát khỏi xiềng xích của yếu tính của chất khí, và điều ta cũng nhận thấy là hơi thở của người đàn ông và đàn bà dần dần đi từ ngực lên tới cổ họng, để cuối cùng tất cả đều dừng lại, khi yếu tính của 4 thành tố không còn giữ lại được linh hồn của người đàn ông và đàn bà.

Trong thuật ngữ tâm linh, yếu tính của 4 thành tố được gọi là dục vọng. Tương ứng với sự tồn tại của 4 thành tố là 4 loại dục vọng; đó là cái dục tham là yếu tính của đất, cái dục sân là yếu tính của nước, cái dục cô liêu hay cô lập²² là yếu tính của khí, và cái dục kiên nhẫn là yếu tính của lửa.

Màu sắc của 4 cái dục đó là đen, đỏ, vàng và trắng. Chính vì vậy mà một lối tu tập tâm linh trau dồi và khai thác năng lực của cái dục màu đen [tham] được gọi là pháp thuật đen²³; một lối tu tập tâm linh trau dồi và khai thác năng lực của cái dục màu đỏ [sân] được gọi là pháp thuật đỏ; một lối tu tập tâm linh trau dồi và khai thác năng lực của cái dục màu vàng [cô liêu và cô lập] được gọi là pháp thuật vàng; một lối tu tập tâm linh trau dồi và khai thác năng lực của cái dục màu trắng [kiên nhẫn] được gọi là pháp thuật trắng²⁴

Pháp thuật đen cũng còn gọi là duy linh thuật²⁵ vì lối

22 Bản tiếng Anh là solitude (cô liêu) và isolation (cô lập) Chúng tôi đoán có lẽ điều tác giả muốn nói là việc luôn luôn cho mình là phải, là độc đáo, cái thái độ tự tách biệt mình khỏi đám đông.

23 black magic. Trong tiếng Anh, từ ngữ này có nghĩa là tà thuật, những pháp thuật làm điều xấu.

24 white magic, những pháp thuật làm điều tốt.

25 spiritism: lòng tin vào khả năng nhận được những thông điệp của người chết.

tập luyện đó đòi hỏi việc kêu gọi hồn ma. Pháp thuật đó gọi là thôi miên. Được yếu tính của nước trợ giúp, người ta cố gắng phát triển một năng lực để chẳng hạn nâng một đồ vật lên cao. Pháp thuật vàng gọi là huyền bí thuật (occultism) Được yếu tính của khí hay gió trợ giúp, người ta tìm cách tiên đoán tương lai. Và pháp thuật trắng liên quan tới tâm điện²⁶ người ta tìm cách mở một con đường thông giao qua tâm linh với một người khác tại một nơi xa xôi nào đó.

Thế cho nên, đối với một người đàn ông hay đàn bà đang chết chưa 'trả nợ' xong, sinh lực vật chất sẽ tìm cách bắt giữ đương sự lại. Có lần ở Jakarta một cô gái người Hoa, một người bạn của em gái tôi, đến gặp tôi. Cô hỏi tôi có thể đến nhà cô hay không, để cầu nguyện cho thân phụ cô đang chết, vì hiển nhiên cô đã hay được là tôi dính dáng tới một nhóm tâm linh nào đó. Tôi đoán là thân phụ cô chỉ cần có người cầu nguyện cho mình một cách thông thường, để tâm thần mình được an ủi. Nhưng khi vào nhà, tôi nhận thấy ông đang nằm trên sàn trong một căn phòng rộng lớn mà đồ đạc đã được dọn đi hết, và nơi đó ông đang nằm rên rỉ trong cơn hấp hối. Tôi hỏi cô gái đó: 'Tại sao cô lại để ba cô nằm trên sàn?' Cô đáp: 'Điều đó là tục lệ của chúng tôi. Chúng tôi làm như vậy, vì một người đang chết thường lăn qua lăn lại. Ông thấy đó, ba tôi đang giãy giụa, đá chân và đập tay.'

'Ông ta như vậy được bao lâu rồi?'

'Bốn ngày. Tôi mong ông có thể giúp ba tôi khiến ông ấy được chết nhẹ nhàng.'

Tôi nhận thức được ông ta đang tranh đấu khiến cho mình được giải thoát khỏi sự bắt bớ của sinh lực vật chất. Tôi làm một cái latihan cho ông, và một vài tiếng đồng hồ

²⁶ magnetism. Tác giả hiểu chữ magnetism không như lối hiểu thông thường của chữ đó trong ngôn ngữ Âu Tây. Trong tiếng Anh chẳng hạn magnetism chỉ được hiểu là một năng lực huyền bí xuất phát từ cơ thể có khả năng chữa bệnh. Như vậy, đáng lí dịch là cơ điện, chúng tôi đã dịch là tâm điện.

sau, ông chết.

Tôi nghe kể một câu chuyện ở Jakarta về một hội viên: trước khi chết anh ấy đã thuật lại cho bạn bè và thân nhân mình hay về việc mình đã trông thấy nhiều loại thực vật và thú vật đến phía mình. Tất cả những thực vật và thú vật đó đến đòi hỏi anh trả nợ cho chúng.

Trong trường hợp của những người đã được Thượng Đế ban cho ân phước để tiếp nhận sự giác ngộ, việc trả nợ cho tất cả những điều mà chúng đã phục vụ trong lúc mình còn sống, là điều xảy ra trong quá trình thanh lọc. Dần dần những sinh lực ngoại lai được tổng khứ đi và trở về những nơi chốn cội nguồn của chúng: sinh lực vật chất về cái thế giới của những linh hồn vật chất; sinh lực thực vật về cái thế giới của những linh hồn thực vật; sinh lực thú vật về cái thế giới của những linh hồn thú vật; và sinh lực con người về cái thế giới của những linh hồn con người. Có thể trở về nơi chốn cội nguồn được gọi là 'trở về thiên đàng.' Và những sinh lực đó chỉ có thể trở về thiên đàng của chúng qua hành động trung gian của con người. Do đó mà một người đàn ông, chẳng hạn, có thể làm theo sở thích của mình với những vật chất, thực vật và thú vật chung quanh mình, và ngay cả với đàn bà, theo một lối nào đó. Nhưng đương sự có trách nhiệm đem lên thiên đàng bất cứ một người đàn bà nào ngủ chung với mình. Nhưng nếu chính mình không thể lên thiên đàng, thì làm sao có thể đem tất cả những gì khác lên những thiên đàng của chúng?

Cái thế gian hay trần gian này được một lớp mang yếu tính của nước bao bọc, điều gọi là cái alam lahut. Trên cái đó có lớp mang yếu tính của khí, hay cái alam malakut; và trên cái đó nữa là một lớp mang yếu tính của ánh sáng, hay cái alam jabarut. Chính những nơi chốn đó là những chỗ mà yếu tính của 4 chất liệu vừa nói tới, muốn được đem tới sau khi phục vụ con người.

Cái thế giới này cùng với tất cả những hành tinh, tinh tú và ngân hà và tất cả những gì khác trong vũ trụ bao

gồm vật chất, được gọi là cái alam saitoni. Trên cái đó thì không còn có vật chất nữa. Vậy, cái cảnh giới kế tiếp được gọi là alam nabadi hay cái thế giới của những linh hồn thực vật. Trên cái đó là cái alam hewani hay cái thế giới của những linh hồn thú vật. Và trên cái đó nữa là cái alam jasmani hay cái thế giới của linh hồn con người.

Trên cái thế giới của linh hồn con người là cái alam rochani, hay thế giới của những linh hồn rochani.

Trên cái alam rochani là cái alam rochmani, hay cái thế giới của những linh hồn rochmani. Trên cái đó là cái alam rubani hay cái thế giới của những linh hồn rubani.

Bảy lớp đó của các thế giới, hay bảy thiên đàng, liên hệ cái này với cái kia bằng ánh sáng. Và có bảy ánh sáng khiến bảy thế giới hay bảy thiên đàng đó liên hệ với nhau. Đó là điều Bapak phân giải về cái biểu tượng của Subud có 7 vòng tròn với 7 đường thẳng cắt ngang qua.

Tôi xin được bàn tiếp: sinh lực con người cũng bắt giữ linh hồn của một kẻ đang chết. Đối với một kẻ mà tâm cảm chứa đầy sinh lực con người, thì khó có thể rời bỏ gia đình mình khi đang chết. Thế cho nên ở Java, người ta bảo thân nhân của người chết đừng khóc lóc, khi một người trong gia đình đang chết; họ tin rằng điều đó sẽ khiến cho linh hồn của một người đang chết khó rời bỏ thể xác.

Như vậy, so với những sức mạnh khác thấp kém hơn, sinh lực con người dù có tốt lành tới mấy đi nữa, chúng ta cũng không nên để cho nó chế ngự mình. Chúng ta nên có khả năng được tự do và độc lập, khiến được khách quan trong những nhận xét và ước định của mình, và như vậy khi tới lúc chết, chúng ta sẽ nhẹ nhàng từ giã cái thế gian này cùng với gia đình mình.

Những giải thích trên kia mô tả việc đối với một người nào đó, cái chết thật khó khăn như thế nào, việc trở về cái cội nguồn hay thiên đàng của mình lại càng khó

khăn hơn nữa, vì trước khi điều đó có thể xảy ra, đương sự phải chăm sóc nhiều linh hồn khác, đem chúng đi hay khiến chúng trở về. Do đó mà việc thiên hạ tiếp nhận được sự giác ngộ là điều rất quan trọng, vì đó là cái chìa khoá để vào thiên đàng.

Những sinh lực và linh hồn khác nhau như thế nào?

Nếu nói về sinh lực vật chất, tôi đề cập tới một chất liệu, trong khi một linh hồn vật chất là một bản thể hay thực thể. Sinh lực vật chất là một sinh lực bắt nguồn từ vật chất. Linh hồn vật chất là một thực thể hay bản thể tâm linh mà nguồn gốc là cái vũ trụ vật chất của thiên đàng thứ nhất hay cái alam saitioni.

Ta có thể sánh sự khác biệt đó giữa một quặng sắt và một chiếc xe hơi trong cái cảnh giới vật chất. Quặng sắt là một chất liệu; ngược lại, chiếc xe hơi là một thực thể hay một đơn vị hoàn toàn. Chiếc xe hơi không giống với quặng sắt, mặc dù nó được quặng sắt tạo nên.

Trường hợp cái quan hệ của sinh lực thực vật và linh hồn thực vật cũng y như thế. Sinh lực thực vật là một sinh lực xuất phát từ thực vật hay cây cỏ; ngược lại, linh hồn thực vật, hay linh hồn nabadi, là một linh hồn mà nguồn gốc là cái thiên đàng thứ nhì, hay cái alam nabadi [thế giới nabadi]

Sinh lực thú vật là một sinh lực xuất phát từ thú vật; ngược lại, linh hồn thú vật, hay linh hồn hewani, là một linh hồn mà nguồn gốc là cái thiên đàng thứ ba, hay cái alam hewani [thế giới thú vật]

Sinh lực con người là một sinh lực xuất phát từ con người; ngược lại, linh hồn con người jasmani, là một linh hồn mà nguồn gốc là cái thiên đàng thứ tư, hay cái alam jasmani.

Sinh lực là thứ tạo thành sức mạnh phụ thuộc bên trong con người có thể ảnh hưởng tới trí óc, thị dục và tình cảm.

Ngược lại, linh hồn là nội dung tâm linh của nhân loại.

Linh hồn một con người có thể xuất thân từ cái thiên đàng thứ nhất hay cái alam saitoni, từ cái thiên đàng thứ nhì hay cái alam nabadi, từ cái thiên đàng thứ ba hay cái alam hewani, từ cái thiên đàng thứ tư hay cái alam jasmani, hay có thể từ một chỗ cao hơn, tùy theo tình trạng tâm linh của cha mẹ, khi đứa con được thụ thai.

Từ 'linh hồn' là một từ khái quát mô tả nội dung tâm linh của một người; ngược lại, 'nội ngã' biểu thị một linh hồn đã tiếp nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế, và đã phát triển thành một người có nhân cách.

Như vậy, bên trong cơ thể của một người đã giác ngộ hay những người đã tiếp nhận được sự khai thị của Thượng Đế, có hai nhân cách, đó là: cái Tôi hay cái bản ngã thông thường là cái nhân cách thể gian, và nội ngã trên thực tế là cái chân ngã vĩnh hằng, cái nhân cách tâm linh. Cái nhân cách thể gian chỉ có thể tương xứng với những vấn đề thể gian, và chỉ là như vậy thôi. Dùng cái nhân cách thể gian để tìm hiểu những vấn đề tâm linh chỉ có hậu quả là hỗn loạn và ảo tưởng.

Ta chỉ có thể tri giác và thực nghiệm được những vấn đề tâm linh với cái nhân cách tâm linh, cái phần vĩnh hằng của con người có thể tiếp xúc với cái thế giới vĩnh hằng.

Một sự giao cấu do sự thúc đẩy và khống chế của sinh lực vật chất sẽ thu hút một linh hồn vật chất vào bào thai.

Một sự giao cấu do sự thúc đẩy và khống chế của sinh lực thực vật sẽ thu hút một linh hồn thực vật vào bào thai.

Một sự giao cấu do sự thúc đẩy và khống chế của sinh lực thú vật sẽ thu hút một linh hồn thú vật vào bào thai.

Một sự giao cấu do sự thúc đẩy và khống chế của sinh lực thực con người sẽ thu hút một linh hồn con người vào bào thai.

Bất cứ điều gì xảy ra đều có nguyên nhân, điều này không còn nghi ngờ gì được. Nghi ngờ tức là không biết gì. Mọi việc đều xảy ra thuận theo định luật thiên nhiên, hay định luật của Thượng Đế. Hiểu biết định luật của Thượng Đế là khoa học. Có khoa học vật chất, và trên đó là khoa học tâm linh.

Những linh hồn vĩ đại

Được sát cánh với các hội viên Subud Mexico trong Hội Nghị quốc Gia của họ khiến tôi cảm thấy vui mừng và thoải mái. Chúng tôi tập latihan, và tôi có một buổi nói chuyện, nhưng đó là tất cả những điều chúng tôi làm liên quan tới sự sinh hoạt thông thường của Subud. Chúng tôi có những buổi họp và bầu cử những người làm việc cho hội, nhưng điều đó không phức tạp. Tại tư gia của anh Hosanna Baron, những người đó được bầu cử với những lời chúc mừng và tràng vỗ tay, và khi hội đồng quốc gia được tuyên bố thành lập, một ban nhạc mariachi²⁷(1) đứng đó sẵn sàng thổi kèn, sau khi tên tuổi và chức vụ của người làm việc trong hội đồng được tuyên cáo. Mọi người đều chúc mừng và vỗ tay. Ngay sau khi buổi lễ chấm dứt, ban nhạc chơi những bản nhạc nổi tiếng được ưa chuộng, mang đầy ý nghĩa và sức truyền cảm. Mọi người đều vui vẻ khiêu vũ theo âm nhạc.

Lỗi sinh hoạt đó trong một sinh hoạt Subud không đến nỗi tệ cho lắm; trái lại, nó còn khá hơn nhiều việc trở nên nghiêm nghị và u sầu quá mức, vì chúng ta thực sự được thư giãn và vui vẻ để tiếp nhận latihan một cách tốt đẹp.

Thương mại và kinh doanh thì phải được làm theo cách
27 một ban du ca của Mexico.

khác, cách triệt để tuân theo những quy luật của thương mại.

Ở Acapulco, người ta dẫn tôi đi chơi trên biển trong một vụ đi câu cá. Khi bước lên thuyền, tôi cảm thấy một cách mãnh liệt là mình sắp bắt được một con cá lớn.

Bé Tomito không muốn rời khỏi chúng tôi; cháu tỏ vẻ sợ hãi, cảm thấy điều gì đó gay cấn sắp xảy ra. Hiển nhiên là vậy, ngay sau khi chiếc thuyền ra khơi, một con cá lớn giật mạnh cần câu của tôi. Trong vòng một tiếng đồng hồ rưỡi, tôi nắm chặt cần câu, trong khi ông thuyền trưởng la hét mách bảo. Con cá nhảy lên không trung độ hai lần, trước khi cuối cùng chịu khuất phục. Đó là một con cá lớn rất đẹp, màu xanh biển, chỉ còn thêm một inch thôi là chiều của nó được 10 feet. Sau này, một chuyên viên về khoa nhồi lông thú²⁸(2) làm cho con cá có thể được trưng bày tại nông trại của tôi ở Tây Java.

Linh hồn con cá đi qua cơ thể tôi trên đường về cái thiên đàng của nó.

Từ khi có hội nghị ở Mexico, chúng tôi bắt đầu có một chuyến đi lâu dài để thăm viếng những trung tâm Subud và những hội viên cô lập trên khắp Nam Mỹ.

Ở Colombia, tôi nhận thấy có nhiều hội viên rải rác khắp đất nước. Khi đoàn người của tôi được mời nghỉ ngơi để ăn uống tại một làng mạc hẻo lánh và nhỏ bé, tôi lấy làm cảm động vì cách thức người ta tiếp đón chúng tôi. Từ đại lộ, nhiều hội viên túc trực trên mỗi khúc quẹo để hướng dẫn chúng tôi tới căn nhà là nơi nghỉ ngơi của chúng tôi. Tuy bữa ăn đạm bạc, nhưng chúng tôi được mời ăn với một tinh thần yêu thương và thờ bái Thượng Đế.

Chúng tôi đi xe đến Ecuador từ Colombia. Đi xuyên qua đất nước đó, chúng tôi nhận thấy số hội viên tuy ít, nhưng có đầu óc kinh doanh.

²⁸ taxidermy: khoa chuẩn bị và nhồi da thú vật đã chết làm cho chúng trông như sống.

Trong lúc đến thăm Peru, tôi đi cùng một hội viên Subud đến Cusco, một thị trấn nhỏ bé nằm tận trên cao dãy núi Andes. Khí hậu rất lạnh, và không khí loãng tới nỗi tôi hít thở một cách khó khăn. Tại một tiệm ăn dọc trên đường đi, người ta dọn cho chúng tôi ăn một món thịt thật mềm và thật ngon.

Chẳng bao lâu, tôi hay được là mình chỉ cần một bữa ăn mỗi ngày, vì hiển nhiên trên một cao độ như vậy, cái quá trình tiêu hoá kéo dài thêm.

Một hôm, tôi ngủ không được; tôi thức giấc vì những tiếng động và trò chuyện của hàng ngàn người. Tôi đi ra ngoài khách sạn để coi những người đó là ai, nhưng không có ai bên ngoài trong cơn lạnh. Nhưng khi tôi trở về giường ngủ, những tiếng ồn ào như trước đây lại quấy phá mình. Tuy thế, ngay lúc đó tôi bắt đầu nhận thức được đó là những tiếng động và trò chuyện của người Inca, những người đã sống nơi đây cách đây rất lâu. Thực vậy, nơi đó có nhiều hồn ma hơn là người sống; khi người Inca chết, họ đến gia nhập cái cộng đồng trong thế giới của hồn ma, và theo năm tháng, những hồn ma đó càng lúc càng gia tăng.

Sáng hôm sau, một người anh em Subud đem tôi đi ngắm cảnh, và chúng tôi đến một quảng trường ở trung tâm thị trấn. Người anh em đó thuật lại cho tôi hay: Người In Điên gọi nơi đây là 'El Puerto Del Sol' [Cổng của mặt trời] Mỗi năm, người In Điên từ khắp nơi đều tới nơi đây, và họ thức suốt đêm lễ bái cho tới lúc mặt trời mọc. Khi những tia sáng đầu tiên của mặt trời chiếu xuống trái đất, mọi người đều vui mừng và sung sướng la hét, vì họ thờ mặt trời coi đó là nguồn gốc của cuộc sống và nghị lực mình.'

Tôi hỏi người anh em mình: 'Khi nào điều đó xảy ra?'

'Ngày 24 tháng 6.'

'Ngày đó' tôi nhận xét 'trùng hợp với ngày sinh tháng đẻ

của tôi.'

Một buổi chiều trong lúc latihan, tôi nhận thấy một phụ tá vắng mặt. Xuất latihan buổi chiều ngày kế tiếp, anh ta có mặt và tôi nói với anh là mình thấy nhớ anh. Anh nói với tôi: 'Trời ơi, Mas Prio, tôi phải lo cho ông anh tôi và gia đình ông ấy. Ông đang chết trong bệnh viện, và lại có đông con cái.'

'Có gì chẳng may xảy ra cho ông ấy?' tôi hỏi.

'Theo bác sĩ, ông bị bệnh ung thư dữ dội và nguy hiểm, gốc rễ của nó đã lan tràn khắp phổi. Chất lỏng nhanh chóng lấp đầy phổi ông, và hiện nay thì tới 80%. Theo cái đà đó thì ông ta chỉ sống được khoảng hơn hai ngày nữa.'

'Ông anh bạn có tin ở Thượng Đế không?' tôi muốn biết 'và nếu là vậy thì ông ấy có muốn tiếp nhận sự cứu giúp của latihan không?'

'Tôi sẽ hỏi ông ta và ngày mai sẽ cho anh biết.'

Sáng hôm sau, người anh em đó gọi điện thoại cho hay là sẽ đến đón tôi lúc 3 giờ trưa. Một phụ tá nam khác đi chung với chúng tôi, và chúng tôi thấy may mắn là bệnh nhân được dành cho một căn phòng riêng biệt. Sau khi cho cô y tá hay là mình muốn cầu nguyện và không muốn bị phá đám, chúng tôi làm một cái latihan, và nhờ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng, chúng tôi tiếp nhận được một cái latihan mạnh. Nó kéo dài khoảng 35 phút. Sau khi hứa hẹn với người anh em bị bệnh là mình sẽ trở lại ngày mai, chúng tôi ra về.

Khi tới ngày hẹn gặp chúng tôi bước vào căn phòng của bệnh viện, bệnh nhân đang ngồi; ngược lại, trước đây anh ta không thể cử động đến ngay cả cơ thể mình. Chúng tôi được cho hay là sau khi mình tập latihan khoảng nửa tiếng đồng hồ, bệnh nhân bắt đầu ho và nhiều lít chất lỏng được tống ra khỏi phổi. Bác sĩ không hiểu nổi cái hiện

tượng kì quái đó, và họ đang hội thảo về điều đó. Trong lúc đó thì họ nói rằng bệnh nhân có một dịp may được bình phục. Chúng tôi lại tập latihan, lần này có kéo dài khoảng 35 phút, và cũng như trước đây nó rất mạnh. Hai ngày sau khi trở lại, chúng tôi nhận thấy bệnh nhân đang đi đứng quanh phòng. Chúng tôi tập một cái latihan khác với anh ta. Ngày hôm sau, anh được cho xuất viện. Ngày kế tiếp, tôi rời Peru để tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Chí Lợi có một số hội viên đông đảo và tích cực. Sau khi lưu lại đó với họ, tôi lấy máy bay qua dãy Andes từ Santiago de Chile tới Buenos Aires. Từ trên máy bay, tôi trông thấy một chiếc xe hơi qua giữa những ngọn núi phủ tuyết, và tôi hỏi người đàn ông lịch thiệp ngồi gần mình là có thể đi xe hơi băng qua dãy núi đó không. Ông nói là điều đó có thể được, nhưng khi có một trận tuyết nặng, con đường đó có lẽ không dùng được.

Tôi quyết định thử điều đó, cho nên sau này khi trở lại Chí Lợi, chúng tôi lái xe từ Buenos Aires tới Santiago. Đó là một chuyến đi lí thú nhất. Không có những con đường trải nhựa trên núi, thay vì vậy là những vết xe chạy trên những phiến đá của núi và những lòng sông khô cạn, tại một vài chỗ chúng tôi phải băng qua những suối nhỏ trong trẻo trên đó không có cầu. Trên ngọn cây, diện tích của núi trông giống với diện tích của mặt trăng, như điều ta thấy trên màn ảnh của truyền hình. Đá cản cối tới nỗi đến ngay cả rêu cũng không mọc được trên đó. Lái xe qua đó, chúng tôi thấy thanh vắng và yên lặng; bầu trời như xuống thấp và tôi cảm thấy gần gũi với Thượng Đế. Thành thạo, chúng tôi trông thấy những con chim el condor trú danh và cao lớn đậu trên đá, hay xoè đôi cánh 9 feet vĩ đại trên không trung. Sau khi thấy những điều đó, tôi luôn thích đi xe giữa Chí Lợi và Á Căn Đình.

Khi chúng tôi ở Mexico, một vị hội viên nữ đã dẫn cháu Harti và Tomito đi học chung với đứa con bà. Suốt từ lúc đó, Harti có vẻ như thích đi học. Thật là đáng buồn, khi

một hôm cháu đến gặp tôi và nói: ‚Bố, khi nào con có thể đi học?‘ Thật tội nghiệp cho đứa con gái của tôi, cháu không thể đi học như những đứa bé khác cùng tuổi, vì ba cháu thường xuyên đi đây đó. Harti và Tomito là những đứa bé rất ngoan, chúng hành động rất dễ thương trong tất cả những năm tôi du hành. Khi chúng tôi chạy trên xe hàng ngàn miles, chúng chưa từng than trách và khóc lóc. Nhưng ngay sau khi chúng tôi đậu xe một chỗ nghỉ ngơi, chúng liền nhảy ra khỏi xe vui vẻ chạy đây đó đùa giỡn. Trong khi ở Chí Lợi, cả hai cháu đều có một dịp khác được đi học vài tuần, và chúng luôn thuật những câu chuyện vui thú về những điều mình đã làm gì trong ngày, khi trở về nhà lúc trưa.

Trong những chuyến đi ở Châu Mỹ La Tinh, tôi học được cách hát những bài dân ca và chơi đàn; thậm chí, có những hội viên là giáo sư về giọng hát và nhạc sư dạy đàn đã dạy tôi đánh đàn.

Một chuyến đi đáng ghi nhớ khác được dành cho mình, khi tôi đi ngang qua con sông Rio del Plato từ Buenos Aires tới Montevideo. Vì đó là ‘solamente paras hombre’ [chỉ cho đàn ông] nên phái nữ than phiền. Tuy nhiên, vì những nguyên nhân thực dụng, nên chỉ đàn đàn ông mới theo chuyến đi đó. Có hai hội viên cô lập ở Montevideo, và chúng tôi chỉ lưu lại đó một đêm. Phòng ở không thích hợp. Bốn người anh em Subud và tôi lên tàu khoảng 7 giờ 30 chiều, và đi khỏi hải cảng 30 phút sau. Lúc 8 giờ 30 sáng hôm sau, tàu ghé bến tại Montevideo. Vì thị trấn đó nằm bên kia mạn sông của con sông chạy qua Buenos Aires, nên chúng tôi mất một tiếng đồng hồ rười qua đó.

Brazil là một quốc gia rộng lớn. Ta khó tin được thành phố Sao Paulo đông người như thế nào. Đi ngoài đường phố, ta cảm thấy như cá mè bị ép vào hộp, cọ xát và đụng chạm thiên hạ khi đi trên đường.

Tại Rio de Janeiro, chúng tôi ở nhà của một phụ tá nữ. Chồng bà chưa về nhà, khi chúng tôi đến. Khi sau đó ông

xuất hiện, người ta giới thiệu ông với tôi. Nhưng ngay lúc chúng tôi bắt tay, tôi cảm thấy có một hòn núi đầy đá trong lòng mình. Tôi thấy nhức đầu đau buốt và có một cảm giác phiền não và u sầu. Nhân vật này đã trở nên cao lớn trong thế giới tài chính, khiến ông không còn tài trợ cho những công ty tư nhân nữa, mà cho những dự án của chính phủ. Sức mạnh vật chất quả thực đã chiếm đoạt lấy ông. Tuy ông rất giàu có, nhưng tài sản của ông đã không gây cho mình hạnh phúc. Trái lại, ông buồn phiền, bị căng thẳng và không lúc nào không lo lắng.

Bà chị Subud đó và tôi ngồi trò chuyện cho tới sáng sớm trong phòng khách, một phòng đối diện bãi Rio de Janeiro xinh đẹp. Chồng chị đến trò chuyện với chúng tôi, khi ông không ngủ được. ‚Locos‘, ông nói, chỉ vào đầu mình, hàm ý là chúng tôi điên khùng thức suốt đêm như vậy. Nhưng liền sau đó, ông chú ý nghe những trò chuyện của chúng tôi, và chẳng bao lâu nữa, ông xin được khai mở. Bà vợ ông coi đó là một phép lạ đích thực, việc chồng bà muốn được khai mở, một người không còn tình cảm gì nữa, vì tâm tư đã biến thành đá.

Tôi khai mở cho ông, và dần dần tâm tư ông tỏ vẻ xúc động. Một hôm trong lúc đang dùng bữa, ông để lộ những giọt lệ trên mắt. Vợ ông thực sự ngạc nhiên thấy ông khóc lóc. Bà nói với tôi là chưa từng thấy ông khóc trước đây, dù bất cứ gì xảy ra.

Surinam có khoảng 400 hội viên. Hầu hết đều là người Indonesia, và là con cháu của những người đã được người Hà Lan đem tới. Cộng đồng Subud Indonesia bắt đầu hoạt động với sự xuất hiện của ông Bambang Saptodewo và phu nhân. Ông được phái tới đó làm chargé d'affaires²⁹ Ông bà Saptowedo đã được khai mở ở Colombo, Tích Lan, trong lúc tôi đến thăm đó. Được sát cánh với những người Indonesia ở Surinam như được ở quê hương tại Java. Khoảng thời gian tôi đến thăm Surinam, ông Bambang đã trở về nước; tuy nhiên, hội viên vẫn còn tích cực. Họ vẫn còn nói tiếng Indonesia và từ nhà cửa 29 một chức vụ thay thế đại sứ khi đại sứ vắng mặt.

họ, tôi nghe thấy những máy thu băng chơi những bài hát và âm nhạc Indonesia. Thức ăn của họ vẫn còn nấu theo lối Indonesia. Khoảng 150 hội viên chào đón chúng tôi tại phi trường, khi tôi đến. Đối với họ thấy một người đến từ Indonesia là điều trọng đại, bởi ngay cả sau khi đã sống nơi đây lâu đời, họ vẫn còn nhớ tới quê cha đất mẹ.

Trong những buổi nói chuyện của mình với hội viên Surinam, tôi dùng những biểu tượng của wayang để giải thích về Subud. Wayang là một loại kịch bóng³⁰ dùng những con rối dệt bằng da. Cốt truyện lấy trong thần thoại Mahabaratha mà xuất xứ là Ấn Độ.

Sau khi trở về Indonesia, một lần nữa tôi lại gặp những hội viên đó đến thăm Java. Tôi dẫn họ đi Trung Java để thăm nơi chốn là cội gốc của họ. Lòng khao khát đến thăm Indonesia không chỉ do sự thúc đẩy của lòng ao ước được thấy đất nước của tổ tiên, mà phần nhiều do cái bản năng khiến họ được nhìn thấy mồ mả của cha mẹ và tổ tiên, được dâng hoa và cầu nguyện nơi đó.

Một tục lệ mà người Java thường theo, đặc biệt dân quê, là cái selamatan. Đó là một cuộc họp mặt để ăn uống và cầu nguyện. Điều đó xảy ra nhân dịp một đứa bé sinh ra, một đám cưới, một người chết, hoặc để ăn mừng bất cứ một biến cố đặc biệt nào. Gia đình tổ chức selamatan cùng người khác tham gia những buổi cầu nguyện đặc biệt nào đó; cho nên một bữa ăn được chuẩn bị trong đó thân nhân và hàng xóm được mời đến dự. Tùy theo những điều phải tuân thủ trong dịp đó, thức ăn có thể khá thịnh soạn, và bữa ăn được dọn một cách có nghệ thuật trên những khay bằng tre đan phủ lá chuối. Khi mọi việc xong xuôi, những khay đó được đem tới đặt giữa căn phòng nơi chủ và khách tụ họp ngồi theo vòng tròn trên những chiếc chiếu hoặc thảm.

Một sự im lặng chập xuống nơi tụ họp đó, và vị Imam

30 shadow play: một loại kịch múa rối dùng một nguồn sáng chiếu lên sân khấu những bóng của con rối.

làm chủ lễ; sau đó, mọi người tiếp tục làm theo nghi thức bằng cách cùng ăn uống.

Theo tục lệ Java, trong trường hợp có một người chết trong gia đình, một lễ selematan được tổ chức buổi tối của ngày người đó chết. Những selematan kế tiếp được tổ chức ngày thứ 3, thứ 7, thứ 14, thứ 100 và những ngày tưởng niệm người chết lần thứ nhất và thứ nhì. Lần cuối cùng là ngày thứ 1000.

Tại sao lại có nhiều selematan như vậy được tổ chức cho một người quá cố?

Bapak nói rằng cái truyền thống selematan dựa trên những điều thực sự xảy ra trong đời sống tâm linh sau cái chết. Người nói rằng có lần qua nội ngã, mình đã theo dõi hay cận kề quan sát linh hồn của một người đã chết. Cái linh hồn đó vẫn còn có mặt trong và chung quanh nhà, sau khi đã rời khỏi thể xác và đương sự nhận diện được mọi người trong nhà; nhưng đương sự nhận thấy không thể thông giao với họ. Trong khi đương sự có thể thấy họ, họ lại không trông thấy mình; đương sự có thể nghe thấy tiếng nói của họ, nhưng họ không thể nghe thấy mình. Và họ cũng không thể cảm thấy gì, khi đương sự vỗ lên vai họ.

Đương sự nhìn thấy rõ họ đang làm gì với thể xác mình, quặn nó vào một tấm liệm và làm một lễ selematan. Đương sự đi theo đoàn người đưa đám tới nghĩa địa, nhìn thấy thể xác mình được mai táng, cùng làm lễ với họ, và khi mọi người đi khỏi nghĩa địa, đương sự cùng đi với họ về nhà. Đương sự ở quanh quẩn trong nhà 3 ngày, và khi nhận thấy mình hoàn toàn không còn được đoái hoài tới nữa, đương sự quyết định ra đi tới nghĩa trang. Ngày đó, ngày thứ 3, một lễ selematan được tổ chức.

Ngày thứ 7, linh hồn trở về nhà để nhìn lại nhà cửa mình, và ngày đó một lễ selematan được tổ chức.

Sau ngày thứ 7, đương sự bắt đầu đi loanh quanh, và

khi làm điều đó thì gặp linh hồn một người khác. Họ gặp nhau, nói chuyện vắn tắt, và đương sự quyết định đi theo linh hồn kia. Đến một con sông, linh hồn kia, không do dự, tự vận chuyển mình qua sông và đến bờ sông bên trong một tíc tắc đồng hồ. Linh hồn người mới chết đi qua đi lại tìm kiếm một chiếc cầu. Người bạn hỏi: ‚Anh đang kiếm gì vậy?‘

‚Một chiếc cầu.‘

‚Khi nào anh chết?‘

‚Cách đây khoảng một tuần.‘

‚Thế có gì là lạ đâu. Anh nghe tôi này, bây giờ không phải mang thân xác nữa, nên anh có thể dễ dàng nhảy qua sông. Hãy thử đi nào,‘ người bạn nói.

Sau khi do dự một lúc, rốt cuộc đương sự quyết định thử, và điều khiến đương sự ngạc nhiên là mình có thể dễ dàng thực hiện được điều đó, và đương sự cảm thấy rất vui. Hai linh hồn đó tiếp tục đi chung với nhau trong một lúc, rồi người bạn nói: ‚Bây giờ tôi phải từ giã anh. Tôi phải đi đến một nơi nào đó, và anh nên tiếp tục tự mình đi đây đó. Hãy nhớ hiện giờ anh là một người chết, tức là anh không còn phải mang theo thể xác đi đây đó. Bây giờ anh có thể du hành nhanh như tư tưởng trong đầu óc.‘ Rồi người bạn giã từ.

Đương sự bắt đầu lấy làm vui vì cuộc sống mới của mình. Đi đây đó một cách dễ dàng, đương sự nhận thấy đem mình qua một ngọn núi là việc thật dễ; trong một tíc tắc đồng hồ, đương sự mang mình qua bên kia ngọn núi. Ngày thứ 14 sau khi chết, đương sự trở về nhà để nhìn gia đình một lần nữa, và một lễ selematan lại được tổ chức. 100 ngày sau khi chết, đương sự lại trở về. Đương sự trở lại ngày tưởng niệm cái chết của mình lần thứ nhất và thứ nhì, và lần trở về cuối cùng là ngày thứ 1000.

Những selematan đó được tổ chức để làm vui lòng đương

sự, và đó là cách để gia đình chúng tỏ cho người chết biết là người ta vẫn còn chăm sóc đương sự, và thực ra, họ đã không quên đương sự. Và người ta nói rằng nếu có nhiều người cầu nguyện, thì linh hồn người chết có triển vọng được Thượng Đế Toàn Năng ban cho ân phước và tha thứ cho tất cả những tội lỗi trong lúc còn sống nơi đây trên trần gian.

Tất nhiên, xét theo quan điểm tâm linh, cầu nguyện mà do trí óc thì không thể đạt tới Thượng Đế, vì Thượng Đế Toàn Năng đã ban cho chúng tôi một phương tiện đặc biệt để thông giao với Thượng Đế. Thượng Đế đã ban cho chúng trí tuệ chỉ để suy nghĩ về những vấn đề thế gian; do đó chúng ta không thể đạt tới Thượng Đế qua trí tuệ, dù cực nhọc cố gắng tới mấy đi nữa. Chúng ta chỉ có thể thông giao với Thượng Đế, nếu dùng sự hiện hữu vĩnh hằng của mình là nội ngã. Tìm cách thông giao với Thượng Đế qua trí tuệ là điều y như việc dùng một cái radiô FM để bắt được một đài sóng ngắn cách rất xa trên địa cầu. Điều đó sẽ không có kết quả.

Tuy nhiên, như bất cứ những truyền thống nào khác, đôi khi là vậy, nếu có những điều kiện thích hợp, thì điều đó có thể thực hiện và đạt được mục tiêu của nó. Một truyền thống thường bắt nguồn từ một người đã tiếp nhận sự giác ngộ. Bắt đầu có một thói quen, và nếu thói quen đó tiếp tục được thực hành trong một khoảng thời gian, thì điều đó cuối cùng trở thành một truyền thống. Nếu chỉ có ngay cả một người trong đám đông đã tiếp nhận được sự giác ngộ, thì linh hồn người quá cố thực sự có triển vọng được lợi về tâm linh, do lời cầu nguyện của người nam hay nữ. Có một hội viên Subud ở Skymont rất thường hay gào thét và khóc lóc một cách cuồng loạn. Chúng tôi được cho hay là cha chị đã chết vì tự tử. Bất cứ lúc nào linh hồn người cha mình đến gặp mình, chị đều bị khủng hoảng. Khi nghe nói tới điều đó, vợ tôi đề nghị với thiếu phụ đó nên tổ chức một selematan cho phụ thân mình. Vì hồi đó có nhiều hội viên Subud ở Skymont, nên họ tham gia ăn uống và cầu nguyện. Và điều đó có hiệu

nghiệm: phụ thân chị nhận được một kích thích tố tâm linh.

Tôi cũng có những chứng nghiệm bản thân về cha mẹ và tổ tiên mình. Khi ông nội mình chết, tôi chỉ được một tuổi. Bà nội thuật lại cho tôi câu chuyện sau đây:

‘Ông cháu là một người tốt, con đường tâm linh của ông cũng thật tốt. Kết quả là ông biết được khi nào mình sắp chết; ông biết được điều đó trước 1000 ngày. Rồi ông được một chỉ dẫn khác cho mình biết 100 ngày trước đó. 40 ngày trước khi chết, ông nhận được một chỉ dẫn khác. Ông mua sắm tất cả những gì cần thiết cho đám tang mình, kể cả vải liệm. Ông dọn dò bà một cách chi tiết về tất cả những selematan cho tới ngày thứ 1000. Thậm chí, ông đã mua những con dê sẽ bị mổ thịt cho những selematan đó.’

‘Tới ngày chết, ông đặc biệt khiến cho mình được sạch sẽ; ông đi tắm, gội đầu, cạo râu và mặc quần áo mới. Lúc 4 giờ chiều, ông nói mình sắp đi ngủ và nói không muốn có ai làm phiền mình. Lúc đó là lúc cuối cùng bà còn trông thấy ông sống.’

‘Là đứa cháu của ông, cháu nên noi theo cái gương đó. Cháu phải làm rất nhiều prihatin bằng cách nhịn ăn uống những ngày thứ hai và thứ năm, trong tháng Ramadhan. Và cháu cũng nên nhịn ngủ. **Đ**ừng đi ngủ trước nửa đêm, và luôn luôn thức giậy trước lúc mặt trời mọc. Nếu có thể làm như vậy, sau này cháu sẽ trở thành một nhân vật trên cái thế gian này.’

Được bà nội hướng dẫn, tôi bắt đầu làm prihatin lúc 12 tuổi. Ngoài nhịn ăn uống và ngủ, tôi còn thực hiện cái mutih, đó là việc chỉ ăn rau cải hoàn toàn được luộc mà không dùng gia vị, đường hoặc muối, và chỉ ăn rất ít trong 40 ngày.

Tôi còn nhớ là trước khi chết, bà nội tôi đã run lập cập vì lạnh, và bà bị như vậy cho tới khi cuối cùng mất.

Sáu tháng sau khi được khai mở trong Subud, khi sắp chợp mắt lúc 4 giờ chiều, tôi trông thấy linh hồn bà nội vẫn còn run lập cập vì lạnh. Trước hết, tôi trông thấy linh hồn bà tại một nơi xa xôi. Nhưng liền sau đó, linh hồn bà được kéo về phía tôi.

Khi linh hồn bà đụng vào cơ thể tôi, bà lập tức nhận được sự giao tiếp với Ánh Sáng của Thượng Đế. Điều đó xảy ra khoảng 12 năm sau khi bà đã mất. 6 tháng sau đó tôi trông thấy một lần nữa linh hồn bà. Lần này, bà chói lòa ánh sáng và thường trực làm cái dzikir [cầu nguyện Allah, Allah, Allah]

Về phần linh hồn ông nội mình, có lần tôi trông thấy ông là một phụ tá Subud đến thăm nhiều nghĩa trang, để truyền sự giao tiếp với Ánh Sáng của quyền năng Thượng Đế cho những linh hồn tại thế giới bên kia.

Khi được 16 tuổi, tôi bắt đầu tiếp nhận được những chứng nghiệm tâm linh. Hồi đó tôi rất khao khát và rất thiên về tâm linh tới nỗi quyết định bỏ học. Điều đó xảy ra trong năm 1946 lúc gia đình tôi ở Jogjakarta. Tôi ao ước kiếm được một vị guru, và tuy lúc đó Pak Subuh cũng cư trú tại Jogjakarta, nhưng chúng tôi đã chưa từng gặp mặt nhau.

Không ai hướng dẫn mình, tôi sáng chế ra lối tu đơn giản của chính mình. Sau khi làm lễ đêm, lúc 8 giờ đêm, tôi bắt đầu đi bộ, và sẽ đi tới bất cứ đâu đôi chân mình tới. Trong những lúc đi bộ đó, tôi cảm thấy rất gần gũi Thượng Đế. Tôi trở về nhà ngay trước khi mặt trời mọc. Rồi tôi làm lễ sáng và tự nhốt mình trong phòng. Nhưng tôi không ngủ. Sau khi tôi đã theo cái lề lối đó trong nhiều ngày, gia đình tôi đương nhiên lấy làm lo. Họ lưu tâm tới việc tôi không đi học. Có lẽ nếu tôi đã đi học như bình thường, thì sẽ không để ý tới. Tôi không màng tới họ và cứ tiếp tục làm như vậy, làm theo lòng khao khát cái tâm linh. Những cuộc đi bộ của tôi được thực hiện một cách liên tục, dù đang mưa hay đang có ánh trăng.

Sau khi tôi làm điều đó được một khoảng thời gian và bất cứ lúc nào cảm thấy gần gũi với Thượng Đế, thì Thượng Đế đều đáp ứng bằng cách chỉ cho tôi thấy nhiều loại ánh sáng trước mặt. Và bởi cảm thấy thật gần gũi với Thượng Đế, nên tôi chưa từng cảm thấy mình mắc bệnh, ngay cả khi đi chân không dưới mưa, không có một chiếc áo mưa hay một thứ che chở nào khác. Cảm thấy gần gũi với Thượng Đế tự nó là một niềm hạnh phúc và cực lạc, và chính niềm hạnh phúc và cực lạc đó khiến tôi có tinh thần và nghị lực làm như vậy mà không đi ngủ. Những cuộc đi bộ ban đêm đó kéo dài hơn 6 tháng, trong khi đó thì phản ứng của gia đình tôi càng lúc càng trở nên mãnh liệt. Họ có ý định gửi tôi tới một bệnh viện tâm thần, cho nên một buổi tối vào khoảng 9 giờ, tôi quyết định bỏ nhà ra đi. Tôi không có đến một cắc bạc nào; mặc dù vậy, tôi đi bộ tới Purworejo, nơi ông bà tôi đã từng ở, cách Jogjakarta 60 cây số về hướng Tây. Đi nguyên một đêm khiến tôi đến cái thị trấn đó ngày hôm sau, và nơi đó tôi gặp ông chú của mình đang dẫn đầu một đám người đi sửa đường. Ngạc nhiên vì trông thấy tôi đi một mình, ông hỏi tôi đang đi đâu đó. Tôi cho hay là mình đang trên đường tới Wonoroto, chỗ có căn nhà của ông bà, vì bà nội đã mất. Tôi đến thăm mộ của họ. Ông gật đầu, nhưng bảo tôi đến thăm ông tại thành phố, sau khi đã viếng mộ.

Làng mạc hầu như không còn bóng người, những bụi cây và cỏ dại đã biến nó thành rừng rậm. Nhiều người đã chết trong cái thời gian hai năm dưới sự chiếm đóng của quân đội Nhật. Có một hiện tượng quái lạ là bất cứ những gì thiên hạ trồng trọt đều hóa thành màu vàng, rồi màu nâu, tiếp theo là bị khô héo và chết yểu. Do đó mà có nhiều người chết đói. Tuy thế, nhiều người đã chết vì Romusha [bị cưỡng bách lao động]

Mặc dù có một người em họ cùng với chồng con trông nom nhà cửa của ông bà tôi, nhưng tôi đã không lưu lại đó mà tại nơi mồ mả của họ. Tôi ngăn ngừa cơn đói bằng cách thỉnh thoảng đi vào làng để lấy một trái dứa non,

và đó là thức ăn duy nhất của tôi. Một con sông trong vắt chảy gần nghĩa địa, và nơi đó tôi tắm gội.

Tôi không còn nhớ mình đã lưu lại đó được bao lâu, nhưng hình như tối thiểu là hai tuần. Khi trở về nhà của chú mình trong thành phố, tôi hay được là ông đã phải nhận được một bức thư của ba tôi. Tôi đoán là ông đã viết thư cho ba tôi, sau khi thấy tôi ngoài đường. Ba tôi yêu cầu ông bảo tôi về nhà. Sau một vài ngày, tôi rời khỏi căn nhà của chú tôi, để về nhà bằng xe buýt. Cặp mắt mẹ tôi sáng lên khi trông thấy tôi, và bà đề nghị tôi nhanh chóng đến công sở của ba tôi, vì ông đang đợi chờ tôi trở về. Tôi cũng được ông nồng nhiệt đón nhận.

Tôi nhận thấy mọi người trong gia đình đều cần trọng tránh né bàn tới chuyện học hành của mình, vì hiển nhiên họ đã cảm thấy những nỗ lực trước đây để chỉ tôi theo cái chiều hướng đó có hậu quả là khiến tôi bỏ trốn. Tấm lòng tôi dịu xuống, vì tôi biết là cha mẹ luôn luôn ước ao cho con cái mình có một học vấn tốt. Trong một lúc đi bộ ban đêm như thường lệ, tôi quyết định làm vui lòng họ bằng cách học hành cho tới nơi tới chốn – nhưng theo lối khác đời của mình. Tôi cần tiền để mua sách giáo khoa, và người ta thực sự cho tôi tiền. Đến một tiệm bán sách cũ, tôi mua được tất cả những cuốn sách cần thiết cho việc học xong ban cao trung đệ nhất cấp³¹ (5) Không còn đi bộ ban đêm nữa, tôi tập trung vào việc học hành. Vẫn còn hưởng được niềm hạnh phúc và cực lạc được gần gũi Thượng Đế, tôi có thể học hành tối thiểu 12 giờ mỗi ngày. Chỉ trong vòng một vài tháng, tôi qua được kì thi được nhà nước tổ chức với tư cách là 'Extraney' [một thí sinh không thuộc một nhà trường nào] và nhận được bằng cấp. Song thân tôi không thể tin được điều đó, khi tôi cho họ biết cái tin đó; nhưng khi đưa cho họ coi bằng cấp của mình, tôi được họ ôm xiết chặt vào lòng vì vui sướng; sự vui sướng của bản thân tôi phần nhiều không do mình đã lấy được bằng cấp, mà do lòng thỏa mãn vì đã làm vui lòng cha mẹ mình. Sau khi đã thành công học xong ban trung cao đệ

31 junior highschool.

nhất cấp, tôi cũng qua được ban trung cao đệ nhị cấp một cách y như vậy. Cha mẹ tôi thấy thoải mái và vui mừng, vì tôi đã lấy được bằng trung cao chỉ trong vòng một năm, thay vì 3 năm như thường lệ. Họ khuyến khích tôi vào đại học, phân giải là họ thông cảm việc tôi ước muốn đi theo con đường tâm linh của tổ tiên, nhưng lại khuyên tôi dẹp việc đó trong một vài năm, vì hiện nay điều quan trọng với tôi là đạt được một học vấn tốt cho tương lai.

Tôi theo lời khuyên của họ, nhưng quả thực đã làm quá đáng; tôi hoàn toàn dành thời giờ cho việc học hành tại Trường Luật và Khoa Học Xã Hội. Bất cứ lúc nào rảnh, tôi đều tích cực tham gia những phong trào của sinh viên. Vì đã quyết định tạm gác lại đời sống tâm linh của mình cho những năm sau, nên tôi không còn làm lễ nữa và quên lãng Thượng đế. Tuy nhiên, đấng Thượng Đế mà tôi yêu quý vẫn còn chăm sóc tới mình, và để cho tôi được một mình để cực nhọc học hành. Sức khỏe tôi nhanh chóng suy giảm; về mặt thể xác, tôi sắp đến cái chỗ phải chết, thì cuối cùng được Thượng Đế cứu độ bằng cách khiến tôi gặp được Pak Subuh, điều mà mình không muốn.

Bà nội và nhiều người khác đã thuật lại rằng trọng lúc còn trẻ, ba tôi đã làm rất nhiều prihatin. Nhờ Ánh Sáng của Thượng Đế Toàn Năng, song thân tôi được khai mở trong Subud. Năm 1972 trong khi tôi ở Ottawa, ba tôi qua đời. Chỉ hai tuần sau khi đến New York, tôi mới được tin về điều đó. Sau khi đọc thư và điện tín, tôi làm một cái latihan. Trong lúc đang tập latihan, tôi thấy ba tôi vào cơ thể mình qua đầu. Thực vậy, ngay cả sau khi đã loại trừ được tất cả những sinh lực (hạ đẳng) ta vẫn chưa thể trở về thiên đàng do nội ngã mình; ta phải mang theo linh hồn của tổ tiên.

Bapak nói rằng người cha sẽ tự động được nâng lên cái trình độ phát triển tâm linh của người con trai mình. Đó là điều khiến cho ở Java người cha của một ông tỉnh trưởng được gọi là, 'Ngài Tỉnh Trưởng', tuy địa vị đích thực của người cha chỉ là địa vị của một ông trưởng làng. Tôi

rất vui mừng nhận thấy gần đây linh hồn mẹ tôi đã mất cách đây hơn một năm, có ánh sáng rực rỡ.

Khi tôi còn ở Caracas, Venezuela, hội viên nơi đó đem tôi tới chỗ ở của Simon Bolivar. Nơi nó đã trở thành một bảo tàng viện, nơi thiên hạ đến để tưởng niệm và ngưỡng mộ ông, cảm tạ ông vì những điều ông đã làm với tư cách là một người đã giải phóng [El Liberator] Châu Mỹ La Tinh. Đêm hôm sau, tôi quả thực đã gặp được linh hồn ông. Ông đến trong một chiếc xe do ngựa kéo, với sự tháp tùng của các tướng tá. Có một đại đội binh lính bảo vệ ông. Tôi rất vui mừng được chào đón và chúc mừng tới Châu Mỹ La Tinh, vì điều đó hàm nghĩa là công việc của tôi nơi đây sẽ không gặp những chướng ngại của thế giới tâm linh.

Tính tình và lối cư xử của một người bình thường thường do cái môi trường thiên nhiên và văn hóa tạo nên, hay do ảnh hưởng của những cái đó, nhưng một người đàn ông hay đàn bà với một linh hồn vĩ đại có thể khiến cho mình được giải thoát khỏi những ảnh hưởng đó, để thay đổi cái thế giới chung quanh mình. Cái linh hồn đó quả thực là một linh hồn vĩ đại.

Mùa đông năm 1973 ở Paris, tôi đã gặp một linh hồn vĩ đại khác – linh hồn của Nã Phá Luân – khi đến thăm mộ của ông, tôi cảm được và trông thấy linh hồn ông cao lớn hơn cái tòa nhà chứa mộ của ông. Ông cũng là người đã đem đến những thay đổi trọng đại cho cái phần đất của mình trên thế giới.

Năng lực linh hồn ông đã có thể ảnh hưởng tới hàng triệu người, và khiến họ xúc động. Lòng dũng cảm của ông truyền vào lòng dũng cảm của binh lính mình. Tuy không được đào tạo ở nhà trường, nhưng ông đã tạo nên một hệ thống luật lệ và pháp lí bao quát, điều sau này được gọi là Bộ Luật Napoleon.

Tuy nhiên, điều đáng buồn là tất cả những thành tựu vĩ đại đó đã khiến ông cường điệu vai trò của mình, và

đi quá cái mức giới hạn của mình. Ông trở nên kiêu ngạo và tham lam, do đó lọt vào vòng tay của sức mạnh ma vương.

Có lần Pak Subuh đã kể lại cho tôi một câu chuyện sau đây: xưa kia có một vị thiên sứ rất minh triết. Ông luôn phát hiện được tất cả những ma quỷ nào muốn cám dỗ mình, trong bất cứ hình thể cái trang nào của chúng. Vì không ai gài bẫy bắt ông được, nên bọn ma quỷ quyết định hội họp. Nhiều đứa đưa ra những ý kiến làm cách nào cám dỗ được vị thiên sứ minh triết đó, nhưng không ý kiến nào được coi là thích đáng khiến ông gục ngã. Cuối cùng một đứa rất ma mãnh tiến lên và xin được cho cơ hội làm điều đó. Đứa ma quỷ khôn lanh đó không cái trang mà đến gặp vị thiên sứ đó trong cái bản thể đích thực của mình. Khi gặp ông, hẳn nói: ,Kính thưa ông, ông là một vị thiên sứ cao thượng, thánh thiện, tôi đến đây không phải để cám dỗ ông, vì không ai trong chúng tôi có thể làm được điều đó.' Nhiều đứa chúng tôi đã làm nhiều điều, dùng nhiều thủ đoạn để gài bẫy ông, nhưng chưa ai đã từng thành công. Tôi chỉ tới đây nhân danh tất cả bọn ma quỷ trên thế gian này, để bày tỏ lòng kính trọng của chúng tôi và để khen ngợi ông. Tất cả chúng tôi đều đồng ý ông là một vị thiên sứ khá nhất và minh triết nhất! Lời khen của lũ ma quỷ khiến vị thiên sứ đó bị cho vào tròng, ông trở nên ngạo mạn, và sự ngạo mạn đó khiến ông bị sa ngã.

Ta chỉ cần lật mở những cuốn sách về lịch sử thì hay được có rất nhiều linh hồn vĩ đại đã được sinh ra trên thế gian này, và họ đã đem đến những thay đổi quan trọng trên cái thế giới chung quanh mình. Nhưng sự thay đổi quan trọng nhất xảy ra với lúc một vị thiên sứ sinh ra; vị đó thay đổi những gì tiềm tàng nhất của tất cả các tạo vật nơi đây trên trần gian, ông thay đổi cuộc sống của chính con người.

Trong 4 năm ở Tây bán cầu, tôi đi rất nhiều qua khắp Bắc và Nam Mỹ. Sau khi một chuyến đi xong xuôi, tôi luôn

mong ước lại được trở về nhà ở Skymont - trở về với cảnh đẹp yên lặng của những ngọn núi chung quanh, với những vòng tay chào đón của các anh chị em tại đó.

